

Dịch giả: HT. THÍCH THIỀN TÂM

Mấy điệu

Sem thanh

TẬP 2

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

MẤY ĐIỀU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 2

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 --1998

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì

lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ non đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÃY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện

tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

***“Nương mình tựa án xem người cổ
Án bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.***

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA
TỨ CHÚNG VÃNG SANH
(tiếp theo)

PHÁP NHÂN

Pháp Nhân thiền sư, tự Khô Tâm, họ Cố, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ngài học với pháp sư Thảo Am Nhân, lãnh thọ hết yếu chỉ, nên được người đương thời xưng tụng là Tiểu Am Nhân.

Sau thiền sư chủ trì chùa Quảng Thọ ba mươi năm, tuy ngộ Thiền tông, nhưng lại hướng về Tịnh Độ. Ngoài thời tu, ngài thường giảng diễn kinh pháp, trọn đời chưa từng bước chân đến cửa nhà quyền quý. Cửa đàn tín cúng dường, nếu không khước từ được, thiền sư chỉ nhận một ít phần. Ngồi tịnh thất cư trú quá đơn sơ, có kẻ khuyên cất sửa lại, ngài nói: “Thân này hãy còn vô thường bận tâm chi nhiều đến ngoại vật!”.

Vào tháng tám năm Thiệu Hy thứ tư đời Tống, thiền sư nhiễm bệnh, trong định thấy cảnh Tịnh Độ và hai vị Bồ Tát. Xuất định, ngài gọi môn đồ nói: “Đạo tràng Pháp Hoa hiện ra rất trang nghiêm, cùng với chỗ ta thấy lúc bình thời khác nhau xa lắm! Các con cố gắng thầy sắp đi đây!”. Liên dạy hạp chúng lại tụng Quán kinh, niệm Phật. Một vị tăng xin lưu kệ, thiền sư cầm bút viết lệ rằng:

**Ta cùng Di Đà vẫn không hai,
Hai cùng không hai đều là ngay.
Như thế ta thấy Vô Lượng Quang,
Đạo giao cảm ứng khó nghĩ bàn!**

Viết xong buông bút, ngồi ngay thẳng kiết ấn mà vắng sanh.

Đồng thời, có Hiền Siêu thượng nhơn, người ở Bắc Châu, thọ chú pháp Uế Tích Kim Cang với Kim Cang Tổng Trì Tam Tạng, thượng nhơn thường dùng chân ngôn ấy cứu bịnh giải oan, được của cúng dường đến năm vạn xâu tiền, đều đem dâng vào kho thường trụ chùa Vĩnh Thọ. Tất cả công đức trì chú độ người, ngài hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ.

Sau thượng nhơn cảm bịnh nhẹ, thấy hoa sen đầy khắp hư không, âm nhạc nổi lên vi diệu, Phật và Bồ Tát hiện thân đến rước. Hàng đệ tử tăng tục gieo mình đánh lễ khóc thương, cầu xin lưu thọ để cứu khổ chúng sanh. Các cảnh tượng Tịnh Độ lần lần ẩn mất. Ngài lại sống thêm mười lăm năm nữa, dùng chân ngôn cứu người. Một hôm, thượng nhơn bỗng nghe nhạc trời hương lạ ngược nhìn lên, Phật và Thánh chúng đều hiển hiện giữa hư không, thánh cảnh lại hiện ra thù thắng hơn trước. Ngài liền từ giã đại chúng, ngồi kiết già xây mặt về Tây mà hóa.

ƯU ĐÀM

Ưu Đàm đại sư, họ Tướng, quê ở Đơn Dương, gia thế hằng thờ Phật. Mười lăm tuổi, ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Về sau, được mời chủ trì chùa Diệu Quả ở tại Đơn Dương.

Niên hiệu Chi Đại năm đầu đời nhà Nguyên, vua xuống chiếu bãi bỏ Liên Tông. Đại sư cả sợ nói: "Ta phụng thừa môn này gần ba mươi năm. Nay nữ nào để pháp môn của Như Lai bị mai một nơi đời ta ư?". Liền quỳ trước bàn Phật phát thệ, nguyện phục hưng môn Niệm Phật. Rồi ngài đem hết tâm tư soạn thuật ra mười quyển Liên Tông Bảo Giám. Trong ấy có những đoạn cảnh sách rất thiết yếu như sau:

* Phàm người niệm Phật, điểm chánh yếu là giải quyết vấn đề sống chết, chẳng phải lơ láo qua ngày! Nên nghĩ đến cơn vô thường mau chóng, thời khắc chẳng chờ người, hằng chăm chú lo cho thành tựu một việc ấy mới được. Nếu nửa lui nửa tới, tợ tin tợ nghi, kết cuộc không chắc thật, thì từ nay trở đi, phải quyết phát lòng đại đồng mãnh, đại tinh tấn! Khi đi đứng nằm ngồi, chỉ nắm giữ một câu A Di Đà Phật, như tựa vào tòa núi Tu Di, đẩy xô không lay chuyển. Chỉ chuyên tâm nhứt ý mà niệm, gác qua việc thông hiểu hay chẳng thông hiểu, thấy tánh hay không thấy tánh. Cách hành trì đều tùy theo sức khỏe căn cơ, hoặc tham cứu mà niệm, quán tưởng mà niệm, mền nhớ mà niệm, hoặc dùng pháp thập niệm, lễ niệm, mặc niệm, kim cang niệm, đê thanh niệm, cao thanh niệm. Mỗi niệm hằng giữ cho hiện tiền, quên cả quá khứ vị lai, thường nhớ thường niệm, sớm cũng niệm, tối cũng niệm, gấp cũng niệm, hưỡn cũng niệm, mọi oai nghi động tác đều niệm.

Trong mỗi ngày mỗi giờ, buộc niệm không xen hở, câu Phật chẳng rời tâm, nhật nhật nhiệm nhiệm, như gà ấp trứng giữ cho hơi ấm nối tiếp nhau, đó gọi là: "tịnh niệm tương kế". Nếu gia thêm trí tuệ chiếu soi, thì biết Tịnh Độ tức tâm, tâm tức Tịnh Độ. Đây là công phu tu tiến của bậc thượng trí vậy. Chủ trì được, giữ chắc được, ổn định được như thế, thì dù gặp cảnh thuận, nghịch, khổ, vui đưa tới, vẫn chỉ chuyên một câu A Di Đà Phật, không một niệm thay đổi, không một niệm biếng lui, không còn xen tạp tưởng. Niệm như thế đến trọn đời, giữ không đổi chí nguyện, chỉ quyết tâm cầu sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Nếu quả dụng công được như thế, thì vô minh nghiệp chướng nhiều kiếp tự nhiên tiêu tan, tập khí trần lao tự nhiên trừ sạch, thân thấy Đức A Di Đà vẫn không rời bỏ niệm. Chừng đó công thành hạnh mãn, nguyện cùng hạnh nương giúp nhau, đến khi mạng chung, quyết định sanh về Thượng phẩm.

* Người niệm Phật, khi trần nhơ chưa sạch, niệm xấu ác khởi lên, phải tự cảnh giác dứt trừ ngay. Những niệm: tham tiếc, bòn sẻn, giận hờn, si ái, ganh ghét, khi dối, hơn thua, tự cao, dua mỵ, tà kiến, khinh mạn, năng sở, tư tưởng quá khứ, tư tưởng hiện tại, tư tưởng vị lai, tất cả mọi tâm ô nhiễm không lành nổi lên, phải gấp cao tiếng xưng hiệu Phật, nhiếp về chánh niệm. Chớ để tâm xấu ác hư vọng nối nhau, phải quét sạch liền, vĩnh viễn không cho sanh khởi.

Những tâm: tin sâu, chí thành, phát nguyện, hồi hướng, từ bi, khiêm hạ, bình đẳng, phương tiện, nhẫn nhục, giữ giới, hỷ xả, thiên định, tinh tấn, giác ngộ, tất cả tâm lành, cần phải giữ gìn. Lại nên lìa sự nhiễm dục, dứt hạnh thô ác, chớ nuôi gia súc, những nghiệp săn bắn chài lưới, cho đến các nghề có can phạm đến sanh mạng, đều không được làm. Phải biết chur thượng thiện như ở Cực Lạc, đều do bỏ duyên ác, tu nghiệp lành, mới được sanh về đó, và được không thối chuyển đạo Bồ Đề. Cho nên người niệm Phật phải học theo Phật, lấy sự bỏ ác tu thiện làm nhiệm vụ.

* Người niệm Phật muốn sanh về Tịnh Độ, phải tưởng nghĩ tất cả sự vật ở thế gian đều vô thường, thành tất có hoại, sống tất có chết. Nếu không nghe Phật pháp, thì bỏ thân này thọ thân khác, luân chuyển trong tứ sanh, xuống lên nơi lục đạo, chẳng biết chừng nào mới giải thoát. Ta nay có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh nghiệp, thì phải tinh cần niệm Phật. Đến khi xả thân này, mới được sanh về Cực Lạc, gởi chất thai sen, hưởng các điều vui thoát hẳn sống chết luân hồi, không thối chuyển nơi quả Phật. Đây là việc tốt đẹp, và điều tối cần yếu thuở bình sanh của bậc đại trượng phu vậy. Lúc vừa có bệnh, phải rũ sạch thân tâm, một lòng niệm Phật cầu sanh, không được ngờ vực nghĩ vơ vẩn. Nên ngồi ngay thẳng hướng về phương Tây, chuyên tưởng Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, cùng vô số Hóa Phật hiện ở trước, một lòng

xung niệm Nam Mô A Di Đà Phật, câu tiếng nói nhau chẳng dứt. Với tất cả việc thế gian, không nên nghĩ tới, chẳng được tham luyến. Nếu bỗng nhiên khởi nghĩ, phải mau xung niệm Phật, thì trong mỗi niệm sẽ trừ diệt tội chướng, tăng trưởng phước huệ. Giữ nhưt tâm như thế, tất được vãng sanh. Nếu số mạng chưa dứt, bình tự an lành. Dè dặt chớ nên khởi niệm lưu luyến thế gian, căn mạng còn sẽ tự còn, đến số chết mặc cho chết, chỉ chuyên việc vãng sanh, cần gì lo ngại! Hiểu được lẽ này, thì sự xả thân cũng như bỏ áo cũ rách, thay áo tốt đẹp, bỏ thân phàm lên cõi Phật, há chẳng đáng cao quý ư?

* Việc chân chánh tu hành có tin sâu, nguyện thiết, là tối yếu phải được sanh về Cực Lạc. Nên chuyên lòng nhưt ý, giữ một câu niệm Phật. Chỉ một niệm này là bản sư của ta. Chỉ một niệm này là Hóa Phật đến tiếp dẫn. Chỉ một niệm này là viên mãn tướng phá địa ngục. Chỉ một niệm này là gươm báu chém các yêu tà. Chỉ một niệm này là ánh sáng soi phá cảnh tối tăm. Chỉ một niệm này là thuyền lớn vượt qua biển khổ. Chỉ một niệm này là phương thuốc quý màu chữa trị bệnh luân hồi sanh tử. Chỉ một niệm này là đường tắt thoát ly ba cõi sáu đường. Chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà. Chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Điều cần yếu là phải ghi khắc một câu A Di Đà Phật nơi lòng, chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm. Không việc cũng niệm như thế, có

việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bình khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế! Một niệm rõ ràng không mê mờ như thế, lại cần chi phải tìm người hỏi đường trở về quê cũ ư!

Sách soạn thành, đem cầu chứng khắp các phương cao đức, không ai có thể thay đổi một chữ. Đại sư lại đem sách ấy dâng lên Nhân Tôn hoàng đế, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh Độ. Vua chuẩn y, dạy ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu là Hồ Khê tôn giả. Đến năm đầu niên hiệu Thuận Hóa, đại sư an tường ngồi niệm Phật mà vắng sanh.

HOẰNG TẾ

Hoằng Tế đại sư, họ Dao, tự Đồng Chu, người ở Dư Diêu. Lúc thơ ấu, ngài đã để chóp vào ở chùa Bảo Tích trong thôn ấp. Năm mười sáu tuổi, mới hoàn toàn xuống tóc, thọ giới sa di. Tuổi đúng hai mươi, lại được thọ Cụ túc giới.

Đại sư giữ luật rất nghiêm cẩn, nương theo pháp sư Bản Sơn Toàn học tập Thiên Thai giáo quán. Không bao lâu, sự tu học đã đến mức thông suốt tinh vi. Ngài thường hành trì các sám pháp như: Tịnh Độ, Pháp Hoa, Kim Quang Minh. Một hôm trong định, đại sư thấy Tứ Minh tôn giả trao cho cây Tê giác như ý, từ đó biện tài lưu loát như suối tuôn trào.

Đời nhà Nguyên, nhằm Thái Định ngưng niên, ngài được mời trụ trì chùa Viên Giác ở huyện Vạn Thọ. Năm sau, tại huyện Diêm Quan gần đó giông bão dữ dội, đê biển sắp bị sóng đánh vỡ, dân chúng quanh vùng đều nơm nớp e sợ. Thừa tướng Thoát Hoan cũng lo lắng, cho quan địa phương thân mời đại sư đến chỗ đê biển, lập Thủy lục đại trai đàn để cầu nguyện. Ngài tới nơi, nhập Từ tâm tam muội, lấy cát biển tụng chú Đại Bi, rải dọc theo bờ đê. Gót chân đến đâu, đê điều nơi đó đều được ổn cố, sóng gió cũng dịu dần rồi dứt hẳn. Mọi người đều khen tặng là thần kỳ! Sau đại sư lần lượt chủ trì các ngôi đại già lam: Tập Khánh, Hiền Từ, Viễn Thông. Lúc lớn tuổi lại trở về chùa Bảo Tích ở quê nhà, chuyên tu Niệm Phật tam muội.

Niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu, ngày mừng ba tháng mười, đại sư cảm bệnh nhẹ, cho vời các đệ tử đến, khai thị về ý nghĩa Duy tâm Tịnh Độ. Trong chúng có kẻ chưa thông hiểu, ngài cao giọng nghiêm trách nói: "Bờ sanh tử rất nguy hiểm, khó nổi ở yên, sao còn chưa tỉnh ngộ?". Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà hóa.

THIÊN NHƯ

Thiên Như thiên sư, họ Đàm, tự Duy Tắc, người ở Vĩnh Tân. Sau khi xuất gia, ngài đi tham học các nơi, cuối cùng lãnh thọ tâm ấn và nối dõi pháp tịch cho Trung Phong Minh Bản thiên sư.

Niên hiệu Chí Chánh năm đầu đời nhà Nguyên, thiền sư chủ trì chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu. Các bậc tế quan trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đều đến học đạo với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên có bệnh cáo từ. Thiền sư đã mật khế thiên cơ, lại nói dối theo tông chỉ của Tổ Thiên Thai và Vĩnh Minh, kiêm hoàng dương giáo pháp Tịnh Độ. Ngài có viết ra quyển Tịnh Độ Hoặc Vấn, phá tan các điều nghi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay xin được trích ra những đoạn răn nhắc có phần thiết yếu như sau:

- **Hỏi:** - Phương tu viên quán, niệm duy tâm, dường như là hành môn của bậc thượng căn. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là công dụng của bậc đại trí. Trên đường tu, nếu căn cơ cùng giáo pháp không hợp, e cho công hạnh khó thành. Nay tôi xét lại căn tánh mình, chỉ nên chuyên trì danh hiệu, thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Chẳng hay tôn ý như thế nào?

- **Đáp:** - Tốt lắm! Ông biết tự lượng đó.! Lời ông nói hợp với thuyết Chuyên tu vô gián của Tổ Thiện Đạo. Vô gián tu là: Thân chuyên lễ Phật A Di Đà, không lễ tạp. Miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, không xưng tạp. Ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không tưởng tạp.

Có người trì danh lại kiêm quán tưởng hoặc chuyên trì danh hay chuyên quán tưởng. Trong hai điều trên, muốn dễ thấy Phật, phần nhiều pháp Trì danh là hơn. Cách xưng

đanh, cần phải buộc tâm đừng cho tán loạn, mỗi niệm nói nhau duyên theo hiệu Phật, từng câu từng chữ rõ ràng. Lại xưng danh hiệu Phật, chớ quản ít nhiều, duy một tâm một ý, chí thành niệm niệm nói nhau. Như thế, mỗi câu mới diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu chẳng vậy, trong mỗi câu sức diệt tội sanh phước rất kém ít, và nghiệp chướng khó mau tiêu trừ.

- **Hỏi:** - Người xuất gia còn phải lo việc cất chùa độ chúng, làm nhiều Phật sự. Như thế làm sao nhứt tâm để niệm Phật?

- **Đáp:** - Trừ bậc Bồ Tát nương theo bi nguyện tái lai để hoằng hóa, còn hạng phàm phu tăng, điều chánh yếu là phải gắng tu hành lo giải quyết vấn đề luân hồi sanh tử. Ngoài ra các việc khác đều thuộc phần thứ yếu. Nếu chẳng thế, ngày kia nghiệp khổ luân hồi đến, độ mình chưa được, còn nói độ ai? Vả lại, việc đời như mộng, dâu bể đổi thay. Biết bao chùa cảnh triều vua trước. Mà đến nay còn thấy nữa đâu? Dù cho tạo lăm chùa chiền, rộng làm Phật sự, chỉ e phải kết thân với bậc sang giàu thế lực, rồi khởi lòng đấm lợi tranh danh, chạy theo quyền vị. Những tưởng rằng mình đã nhiều việc tốt, song đâu biết đó là trái với gốc đạo, phạm đến điều răn dạy của Tổ sư. Cổ đức bảo: " Công nghiệp hữu vi, sanh nhiều tội lỗi, thiên đường chưa tạo, địa ngục trước thành, khó liễu tử sanh, đều thành gốc khổ. Dưới lớp ca sa thân người dễ mất, trong vòng thiết hỏa,

phải chịu lửa gươm !. Tổ sư đã định ninh dạy bảo như thế, dù kẻ lòng gang dạ sắt, nếu biết xét nghĩ, nghe rồi cũng phải rơi lệ. Cho nên, nếu chẳng lấy sự giải thoát làm chánh yếu, ngày sau hối hận cũng không kịp !

- **Hỏi:** - Kinh nói: Một đời tạo ác, khi lâm chung dùng mười niệm xưng danh hiệu Phật, cũng được đời nghiệp vãng sanh”. Thế thì bây giờ, tôi cứ buông thả theo duyên đời, đợi lúc sắp chết sẽ niệm Phật, có được chăng ?

- **Đáp:** - Làm thay ! Khổ thay ! Lời này đã làm hại chính mình, lại gây hại cho hàng tăng, tục, nam, nữ trong đời nữa! Kinh vẫn nói vẫn không sai, nhưng trong ấy còn có mật ý sâu xa mà duy bậc trí huệ mới hiểu thấu suốt. Phải biết kẻ phàm phu nghịch ác khi lâm chung niệm Phật được, là do kiếp trước đã có căn lành, nên khiến cho gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo, mới được sự may mắn trong muôn một ấy thôi. Luận Quán Nghi nói: “Có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được:

1. Khó gặp bạn lành, nên không người khuyên niệm.
2. Đau bệnh, nghiệp chướng làm khổ thân tâm, nên không an ổn rồi rảnh để niệm Phật.
3. Trúng phong cứng họng, nói không ra tiếng.
4. Cuồng loạn mất sự sáng suốt.
5. Thành linh gặp tai nạn nước, lửa.
6. Bỗng bị ác thú vồ ăn thịt.
7. Bị bạn ác phá hoại lòng tin.

8. Hôn mê mà chết.

9. Thoạt chết giữa quân trận.

10. Từ nơi chỗ cao té xuống.

- Những việc trên đây trong đời thường có, bất luận tăng hay tục. Đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, bỗng nhiên xảy ra, không kịp trốn tránh. Nếu chẳng may gặp một trong mười việc trên đây, thì lúc thiếu duyên lành hay bất cập đó, làm sao mà niệm Phật? Chừng đó dù cho có Đức Phật sống cũng không cứu nổi, phải tùy nghiệp chịu khổ đọa trong cảnh bát nạn tam đồ. Bây giờ muốn nghe danh niệm Phật. Cũng không dễ gì được!

Nếu không bị những ác duyên trên, thọ bệnh sơ sai mà qua đời, e cho khi lâm chung thân tứ đại ly tán, chịu sự đau đớn vô hạn, dường như con cua rớt vào lửa, hay con đom đóm sống bị đập nước sôi gỡ vảy. Trong lúc thống khổ bức bách, bồi rối kinh hoàng ấy, đâu có rỗi rảnh để niệm Phật?

Ví như không bị đau bệnh mà mẫn phần, lại e duyên đời chưa dứt, niệm tục khó quên, tham sống sợ chết, tâm tình rối loạn không yên. Thêm vào đó, việc nhà chưa phân minh, chuyện sau chưa sắp đặt, vợ con khóc than kêu gọi, trăm mối lo sợ đau buồn, như thế làm sao niệm Phật được?

Lại ví như trước khi chưa chết, chẳng may vương chút bệnh khổ nơi thân, đã rên rĩ đau đớn, chạy thuốc tìm thầy, lo việc khẩn cầu cúng tế, tạp niệm rối ren, làm sao niệm Phật được?

Giả sử trước khi chưa đau bệnh mãn phần, thì bị sự khổ suy già lụm cụt, nhiều mối áo não buồn lo, e cho an bài những việc trên cái thân suy lão còn chưa xong, vị tất an lòng để niệm Phật?

Lại giả sử trước khi chưa già, còn đang trẻ trung khỏe mạnh, hoặc như tâm cao vọng chưa tiêu dứt, việc thế tục buộc ràng, rong ruổi đông tây, suy vầy tính khác, nghiệp thức mênh mang, cũng không niệm Phật được!

Cho giả sử kẻ được an nhàn mạnh khỏe, có chí tu hành, nếu không nhìn thấu cảnh đời là huyền mộng, thân tuy được yên, nhưng tâm còn bán loạn. Trong cảnh nhìn chưa thấu, nắm chưa chắc, đạp chưa vững, không thể buông bỏ muôn duyên ấy, khi gặp việc đến chẳng thể tự chủ, theo cảnh mà đảo điên, cũng không thể niệm Phật được!

Ông thử xét lại, đừng nói chi lúc sắp chết hay già bệnh, ngay trong khi còn trẻ trung khỏe mạnh, được no ấm nhàn nhã có chí tu hành, nếu chưa sáng suốt dứt khoát, bị một việc đeo đẳng nơi lòng, còn không niệm Phật được thay, huống chi là đợi đến lâm chung ? Lại còn bảo cứ buông thả theo duyên đời, ông thật là người mê nói việc si, chỗ dụng tâm còn rất lạc lảm nông nổi!

Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nháng thân đá, như chớp giựt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế

sự, rửa sạch thân tâm, được một ngày quang âm, lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh, tu một khắc công phu. Như thế đến lúc lâm chung mọi việc an bài, trời Tây cũng sẵn mở lối đường quang đặng! Bằng chẳng thế đến khi duyên nghiệp đối đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

Hỏi: - Lời ngu giả đã tu thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp ! Nghe qua mấy điều đại sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng ! Hiềm vì nổi lòng người tuy dễ tinh tấn song cũng dễ thôi lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại, lại giải đãi ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi, còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên có thích đáng, trong sự thôi tâm biếng trễ của người tu?

Đáp: - Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, Đại lực thần tướng và hàng sa quyến thuộc ủng hộ.

2. Thường được hai mươi lăm vị đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo ủng hộ bên mình.

3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm. Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4. Tất cả ác quỷ như Dạ xoa, La sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử.

6. Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương như giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.

7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành, hay thấy sắc thân trắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.

9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên, chính do kim khẩu của Như Lai nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy, thì đó chính là pháp khẩn yếu trong môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

Đại sư ngoài việc hoằng pháp lợi sanh, còn tự tu hành rất tinh tấn. Ngài nhập diệt vào năm Hồng Võ nguyên niên

đời nhà Minh. Khi tịch điền lành hiện ra rất nhiều, thọ được 71 tuổi.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Cõi thanh đạo quả dễ tròn nên
Tập quán hèn thô tự đổi liền.
Cá lợi bể khơi lìa lưới rập
Nhạn bay trời rộng thoát cung tên.
Luân hồi đã dứt đường sanh tử
Phiền não còn đâu niệm đảo điên?
Một điểm không tâm là Cực Lạc
Nhiệm mê khó dự bảo trì liên.

Vô biên cảnh đẹp vịnh khôn cùng
Tầm mắt du quan chẳng chán trông!
Hạt thóc chứa bao trời đất rộng
Mười phương thu lại chót đầu lông
Trong đèn châu ngọc giăng cùng khắp
Ngoài các lan can bọc giáp vòng
Chậm bước còn đang nghe nhạc lạ
Từ đâu loan phụng liệng hư không?

*

Lâu đài bảo thọ ngắm mênh mang
Niệm Phật thiên tư giữa cảnh nhàn!

Cây báu sắc xen đâu chỉ một
Chim linh điệu xường có muôn ngàn.
Tô đà thơm diệu đầy ngân trản
Cam lộ ngọt thanh khắp ngọc bàn.
Chẳng giống Tuyết sơn nhiều thuốc lạ
Kẻ vô phước biến vị tân toan.



Ba cõi đã hay chẳng ổn lành
Quyết tìm Cực Lạc chứng vô sanh
Ví không niệm Phật công phu chắc
Đâu được đài sen nguyện lực thành?
Ngút tỏa lầu cao lòng diệu sắc
Gió đùa cây biếc nổi cầm thanh!
Từ nay chân, giả không làm lạc
Mắt cá, trần châu nhận rõ lành.

HUỆ MỘC

Tỳ kheo ni Huệ Mộc, người đời Lưu Tống, họ Phó, năm mười một tuổi đã xuống tóc xuất gia. Sau thời gian tu học trải qua các ni tự. Sư cô về thường trụ nơi một ngôi chùa ở thôn Trúc Vực tại Lương Quận. Mỗi ngày, theo thường khóa, cô thọ trì kinh Đại Bát Nhã và Niệm Phật, hằng cảm được nhiều điềm lành.

Một hôm, sư cô mộng đến Tây Phương, thấy ao báu mênh mang rộng lớn, các sắc hoa sen đua nhau tươi nở. Trên đài hoa, những người hóa sanh ngồi kiết già, thân tướng tốt đẹp đoan nghiêm. Sau khi thức giấc, sư cô phát tâm cầu thọ giới Bồ Tát. Lúc vào đàn giới, trong phút chốc, cô bỗng thấy trời đất đều thành sắc hoàng kim chói sáng rực rỡ. Ngày nọ, sư cô cùng đại chúng lễ Phật Vô Lượng Thọ, rồi cúi mọp xuống đất không ngược lên. Thấy lâu, một vị tỳ kheo ni sẽ đưa chân di động có ý cảnh giác. Sau thời lễ, chúng hỏi duyên cớ, Sư cô đáp: "Đang lúc tôi cúi xuống, bỗng thấy mình đến cõi Cực Lạc. Đức A Di Đà vì nói kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã, tôi đã nghe được bốn quyển. Thành linh bị cảnh giác, thẳng tướng tan mất, thật rất lấy làm tiếc!".

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười bốn, Huệ Mộc vẫn còn, lúc ấy đã được sáu mươi chín tuổi. Không rõ chung cuộc như thế nào, nhưng chắc chắn sư cô sẽ được vãng sanh.

CHÂN TỊNH

Tỳ kheo ni Chân Tịnh, người đời Đường, thường ở chùa Tích Thiện tại Trường An. Càng lớn tuổi, sư bà càng giữ giới hạnh tinh nghiêm, hằng mặc nạp y hoại sắc đi khất thực. Về phần tu hành, sư bà niệm Phật rất tinh tấn, tụng kinh Kim Cang được mười vạn quyển.

Trước khi lâm chung, sư bà gọi hàng đệ tử bảo: "Trong vòng năm tháng nay, ta đã mười phen thấy Phật, hai lượt thấy đồng tử chơi đùa trên hoa sen báu. Hiện tại ta được vãng sanh ở ngôi thượng phẩm!". Nói xong ngôi kiết già mà hóa, ánh tường quang rực rỡ khắp chùa.

CHÂU CẨM

Tỳ kheo ni Châu Cẩm, tự Thái Tô, họ Thang, người ở Hàng Châu. Lúc còn tại tục, cô được gả về bên chồng là Trầm giáo thọ, tức sau này là Liên Trì đại sư vậy.

Khi Trầm giáo thọ xuất gia, cô mới mười chín tuổi. Có người thấy niên canh hãy còn quá trẻ, khuyên cô ngăn cản đừng cho chồng xuất gia tu hành. Cô đáp: "Không nghe y thường nói: "Sống chết luân hồi là việc lớn" hay sao? Nếu tôi ngăn trở là đưa y vào đường lầm lạc, việc ấy không nên làm!".

Về sau đến năm bốn mươi bảy tuổi, Châu Cẩm cũng xuất gia. Sau khi thọ đại giới, cô giữ hạnh luật trang nghiêm, siêng tu tịnh nghiệp. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai đời Minh, Châu Cẩm cảm bệnh. Trước giờ lâm chung, sư bà bỗng gọi thị giả bảo: "Kinh nói: Khi sắp chết chí tâm xưng hồng danh mười niệm, sẽ được vãng sanh. Hãy mau đỡ ta dậy!". Sau khi đã ngôi kiết già đoan chính, liền chấp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa. Lúc ấy sư bà đang trụ tại am Hiếu Nghĩa, thọ được 67 tuổi.

QUẢNG GIÁC

Tỳ kheo ni Quảng Giác, họ Cũng, quê ở quận Sùng Minh tại Tô Châu. Năm 12 tuổi, căn lành sớm phát, cô đã trường trai, tụng kinh trì chú và lễ Phật rất tinh cần. Vừa tới tuổi cập kê, nhiều nơi dạm hỏi, nhưng cô thề quyết không lập gia đình. Đến 28 tuổi, cô sang Hàng Châu nương theo thầy là ni sư Thái Tổ ở am Hiếu Nghĩa, xuống tóc xuất gia tu hành.

Từ đó, cô giữ giới hạnh trang nghiêm, siêng năng tu tập. Tuy thể chất vẫn yếu, nhưng sư cô chí tâm khắc khổ chuyên tu chẳng ngại mỏi nhọc. Mấy năm sau cô lâm bệnh, liền khước từ thuốc thang, một lòng niệm Phật chờ chết. Bệnh càng nặng chỉ còn hơi thở mong manh, sư cô vẫn động môi trì niệm mãi không thôi. Được vài hôm sau, Quảng Giác bỗng gắng gượng ngồi dậy, xây mặt về Tây, gọi người đem tượng tiếp dẫn đặt phía trước, rồi chấp tay chú tâm nhìn quán niệm. Kế đó, lại bảo đem nước đến, rửa tay lau mặt, thay áo sạch, đối trước Phật cầm chuỗi nhắm mắt như vào thiên định. Chúng đồng bạn sợ té ngã, lấy gối để kèm hai bên, rồi vây quanh niệm Phật, sư cô mở mắt ra, khoát tay bảo: "Không cần phải kèm gối, tôi tự có chủ trương, chẳng dám làm phiền nhọc đến đại chúng!". Rồi ngồi niệm Phật nho nhỏ suốt hai ngày đêm, đến hơi thở mòn lặn, lặng lẽ mà thoát hóa.

Lúc ấy nhằm ngày mùng 7 tháng 2, năm Vạn Lịch thứ 39. Sư cô được 33 tuổi.

THÀNH TỊNH

Tỳ kheo ni Thành Tịnh, tự Thật Tu, người đời Minh, quê ở Đông Cương tại Quảng Châu.

Từ thuở bé, cô đã phát tâm giữ gìn trai giới. Khi xuất gia thọ cụ túc xong, sư cô thường tụng chú Đại Bi và niệm Phật không lúc nào biếng trễ. Sau lại cùng hàng Phật tử tu công đức tạo tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm bằng gỗ chiên đàn. Tượng hoàn thành, vài năm sau sư cô cảm bệnh nhẹ, dự biết giờ lâm chung, bảo đồ chúng rằng: "Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiện thân đến tiếp dẫn. Thầy sắp đi đây!".

Nói xong chấp tay niệm Phật, nhắm mắt mà vãng sanh.

TRIỀU ÂM

Tỳ kheo ni Triều Âm, họ Kim, người đời Thanh, quê ở Tô Châu huyện Thường Thục. Khi còn tại gia, cô được cha mẹ gả về nhà họ Cũng. Mấy năm sau chồng mãn phần, cô sương cư giữ tiết hạnh, kế lại cùng với con trai là Đoan Ngô đồng phát tâm xuất gia. Đoan Ngô vừa xuống tóc làm tăng, Triều Âm cũng đến thành Tô Châu, lễ sư bà Chân Như cầu làm thầy thế độ.

Sau khi thọ đại giới, sư cô về quê sửa nhà cũ thành ngôi tịnh am, chuyên tâm tu hành. Ngày đêm sáu thời, người trong xóm hằng nghe tiếng cô gõ mõ niệm Phật lòng lộng. Lúc tuổi già, một hôm Triệu Âm cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả nấu nước tắm gội xong, đắp y ngồi lâm râm trì niệm trước bàn Phật. Tới trưa bỗng nói: "Giờ vãng sanh đã đến!". Liền xếp tay kiết định ấn, ngồi ngay mà hóa. Thọ được 73 tuổi.

Lời bình:

Chư ni thuở xưa tu tịnh nghiệp vãng sanh được truyền vãn, chỉ nghe biết độ vài ba mươi vị. Chẳng rõ do sự ghi chép có thiếu sót thất lạc, hay bởi phần nhiều nổi chìm theo dòng tục, mà không tự phấn chấn trên bước tu hành chẳng? Nhưng đại khái người nào tin nguyện chắc trì niệm bền, khi lâm chung đều có thoát ứng và được vãng sanh tất cả. Nơi đây chỉ ghi chép một ít vị, để làm khuôn mẫu chơn chánh cho người tu Tịnh Độ về sau.

DƯƠNG KIỆT

Cư sĩ Dương Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống, ở huyện Vô Vi, nên tự hiệu là Vô Vi Tử. Trong niên hiệu Nguyên Phong, ông làm quan Thái thường, ban sơ mến thích Thiền tông, hằng đến pháp hội của Thiên Y Hoài thiền sư, tham cứu về cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Đến khi phụng chiếu đi tế ở đỉnh Thái Sơn, thấy vàng hồng mọc lên như chiếc mâm tròn rực rỡ, bỗng nhiên đại ngộ.

Cuối năm Hy Ninh, ông cư tang mẹ ở quê nhà, nhân lúc rảnh duyệt tạng kinh, liền quy hướng về Tịnh Độ. Cư sĩ vẽ tượng Phật A Di Đà cao một trượng sáu, hằng đem theo mình để quán niệm. Thuở bình sanh có những trứ thuật, phần nhiều đều chỉ đạo về Cực Lạc. Ông từng viết lời tựa trong quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai như sau:

"Ái tâm chẳng nhiếp nặng, thì không sanh ở Ta Bà. Niệm Phật chẳng chuyên nhứt tất không sanh về Cực Lạc. Ta Bà là cõi ác nhơ, Cực Lạc là miền đẹp sạch. Mạng sống ở Ta Bà có hạn. Thọ số ở Cực Lạc không cùng! Nơi Ta Bà đủ các sự khổ, ít có niềm vui. Miền Cực Lạc phiền khổ chẳng còn, an vui vô lượng. Ở Ta Bà theo nghiệp luân hồi, không biết lúc nào được thoát ly. Cõi Cực Lạc một khi được sanh, tất không thôi chuyên, lần lượt chứng đến quả đại giác. Nếu muốn hóa độ mười phương, tùy ý tự tại, không còn bị nghiệp buộc ràng. Xét qua hai cõi, các sự: ác nhơ, đẹp sạch, phiền khổ, an vui, mạng sống ngắn ngủi, thọ số dài lâu, mãi luân hồi, mau chứng ngộ, đều trái khác nhau. Như thế, mà chúng sanh mê mờ không biết, há chẳng đáng thương xót lắm ru?"

Đức Di Đà là bậc nhiếp thọ tiếp dẫn ở Cực Lạc. Phật Thích Ca là vị chỉ đạo Tịnh Độ ở Ta Bà. Cho nên trong các giáo điển đại thừa của ngài, phần nhiều đều hết lời tận kẽ khuyên bảo vãng sanh. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí theo

phụ trợ đức A Di Đà, cùng nương thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, chẳng trụ bờ bên này bên kia cùng giữa dòng, mà làm việc tế độ. Cho nên kinh A Di Đà nói: "Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào, nghe nói Phật A Di Đà, niệm giữ danh hiệu, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn. Kẻ đó đến lúc mạng chung, được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra ở trước. Người ấy khi mạng chung lòng không điên đảo liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà!". Kinh Vô Lượng Thọ cũng bảo: "Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta, trông các cõi đức, hết lòng hồi hướng muốn sanh về nước ta, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh giác!". Cho nên khi xưa ở viện Vô Thường tại Kỳ Hoàn tinh xá, Phật dạy người bệnh nằm day mặt hướng phương Tây, tưởng sanh về Tịnh Độ. Tại sao thế? Bởi đức A Di Đà phóng ánh sáng soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ sót. Vì thánh phàm đồng một tâm thể, nên cơ cảm hợp nhau, có niệm tất có ứng. Cho nên chúng sanh trong tâm chư Phật, nếu biết quay về, mỗi niệm đều là Tịnh Độ. Chư Phật trong tâm chúng sanh, ánh linh soi khắp, mỗi chỗ đều là từ bi.

Lấy đây mà xét: người trí tuệ dễ vãng sanh, vì dứt trừ nghi hoặc. Người thiên định dễ vãng sanh, vì lòng không tán loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì xa các nhiễm ô. Người bố thí dễ vãng sanh vì xả bỏ của trần. Người nhân

nhục dễ vãng sanh vì không cư mang oán hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh, vì mau thành tựu tịnh niệm. Người không tạo thiện không tạo ác cũng dễ vãng sanh, vì một lòng quy hướng thuần nhất. Người làm các điều ác, nghiệp báo đã hiện, cũng dễ vãng sanh, nếu biết thẹn sợ mà niệm Phật. Trái lại, kẻ tuy tạo các công đức lành, nếu không có lòng tin nguyện hồi hướng, tất không được vãng sanh vậy!

Ôi! Hiệu Di Đà rất dễ niệm, cõi Tịnh Độ rất dễ sanh! Chúng sanh không muốn niệm, không cầu sanh, Phật dù xót thương cũng chẳng biết làm sao được? Và chẳng: tạo ác nghiệp đọa đường khổ, niệm Di Đà sanh cõi vui, hai điều ấy đều là lời Phật dạy. Chúng sanh chỉ lo sợ đọa địa ngục, mà nghi ngờ sự vãng sanh, há cũng chẳng mê lầm ư?

Trong năm Nguyên Hựu, ông làm quan Đề hình tại Lương Triết, rồi mãn phần ở đó. Khi lâm chung, nói kệ rằng:

Sống vẫn không chi luyến,
Thác cũng không chi xả.
Giữa khoảng thái hư không,
Mặc chi hồ giả dã!
Đem làm đến sai khác,
Cõi Tây phương Cực Lạc!

Trước đó, quan Hữu tư tham quân là Vương Trọng Hồi, người lân lý với Thứ Công, vẫn từng theo ông thọ học pháp môn Niệm Phật, có hỏi rằng: "Làm thế nào để được

không gián đoạn?". Ông đáp: "Sau khi đã tin chắc chắn còn nghi, tức là không gián đoạn!". Trọng Hồi nghe nói lãnh ngộ, vui mừng khắp khởi, từ tạ ra về. Năm sau, Thứ Công làm quan ở Đơn Dương, một đêm mơ thấy Trọng Hồi đến thưa rằng: "Trước kia nhờ ngài chỉ dạy về Tịnh Độ, nay tôi đã được vãng sanh, nên đến đây tạ ân!". Nói xong đánh lễ rồi lui. Máy hôm sau, ông được thơ cáo phó của con Vương Trọng Hồi. Trong ấy, kể rõ cha mình dự biết ngày vãng sanh, có đi khắp nhà thân hữu từ biệt. Khi Thứ Công đã mãn phần, có Kinh Dương phu nhân nằm mộng dạo chơi đến cõi Tây Phương, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm ngồi trên hoa sen, đội mào ngọc, đeo anh lạc, tà áo phát phơ theo gió nhẹ. Bà hỏi là ai, được cho biết là Vô Vi Tử Dương Kiệt.

CHUNG LY CẢN

Cư sĩ Chung Ly Cản, người đời Tống, quê ở Cối Kê. Bà mẹ là Nhậm phu nhân tinh tu Tịnh Độ, khi lâm chung khuyến tấn ông gắng niệm Phật. Chung Ly Cản từ đó cảm ngộ tu hành, nguyện mỗi ngày kiêm làm hai mươi điều thiện.

Sau ông làm quan ở Triết Tây, hằng cùng ngài Tuân Thức ở chùa Từ Vân luận về chỉ yếu vãng sanh, sự tu hành lại càng tinh tấn. Nhậm phu nhân có lưu lại tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, mà bà thường đội trên đầu để hành đạo,

cư sĩ cũng tiếp tục noi theo gương của mẹ. Một hôm khi ông đang chiêm lễ, nơi giữa đôi mày của tượng Phật bỗng tuôn ra mấy hột xá lợi.

Không bao lâu, ông được thuyên chuyển làm Tri Phủ ở Khai Phong. Đêm nọ, vào lúc canh ba, cư sĩ bỗng thức dậy gọi người nhà bảo rằng: “Mẹ ta về báo mộng, bảo giờ vãng sanh đã đến. Đoạn, ông dạy nấu nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già niệm Phật mà qua đời. Trước đó một ngày, cả nhà đều nằm mộng thấy Chung Ly Cản ngồi trên hoa sen xanh, nhạc trời vi nhiễu, nường nơi hư không mà bay về Tây.

Sau khi cư sĩ mãn phần, con ông là Cảnh Dung làm quan đến chức Triều Thỉnh đại phu, cũng thường tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tu niệm Phật tam muội. Không bao lâu, Cảnh Dung từ quan, về cát am tranh ở nơi vườn Đông tu niệm. Ông từng nói kệ rằng:

Biết được Di Đà, A Di Đà, A Di Đà!

Không biết Di Đà, làm sao mà, làm sao mà?

Không biết Di Đà, Di Đà ngoài phương Tây xa,

Biết được Di Đà, Di Đà chỉ tại nhà ta!

Một đêm, Cảnh Dung thỉnh vị tăng là Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ông ngồi nghe xong, khi cây hương vừa tàn, ông bái biệt từ giã rồi hai tay kiết ấn mà hóa.

Cháu nội của Chung Ly Cận là Tôn Tùng, ngụ ở Tô Châu, cùng Bảo Tích đại sư kiết liên xã niệm Phật. Sau Tôn Tùng cũng không bệnh, ngòì kiết già hướng về Tây chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

MÃ VU

Cư sĩ Mã Vu, tự Trọng Ngọc, người đời Tống, quê ở Lư Châu, huyện Hiệp Phi. Cha ông là Trung túc công Mã Lượng, khi còn làm quan ở Hàng Châu, từng được Từ Vân sám chủ truyền dạy cho pháp môn Tịnh Độ. Nhân đó cả nhà đều thờ Phật.

Trong năm Nguyên Phong, Mã Vu gặp vị tăng là Quảng Sơ trao cho quyển Thiên Thai Nghi Luận, xem xong mừng bảo: “Nay ta tìm được lối về rồi!”. Từ đó hơn hai mươi năm, ông tu theo pháp Thập niệm hồi hướng. Sau lại được duyên tới lui thân cận cùng cư sĩ Vương Cổ, sự niệm Phật càng tin tấn. Ông lần lượt làm quan trải qua mấy nơi: Truy Châu, Tân Định, hằng dùng đức từ huệ trị dân. Mỗi ngày cư sĩ đều tụng kinh chú và niệm Phật, lấy làm thường khóa. Ngoài ra hằng tu phóng sanh bố thí dùng để trợ hạnh.

Bấy giờ, Kinh Dương phu nhơn, mộng đến cảnh Liên Trì, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm, hỏi biết là Dương Kiệt; một vị nữa mặc triều phục ngòì trên hoa sen, hỏi ra là Mã Vu. Lúc ấy Dương Kiệt đã vãng sanh, Mã Vu

hãy còn khỏe mạnh. Trong niên hiệu Sùng Ninh năm đầu, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật mà hóa. Khi đó người nhà đều thấy có vàng khói mây như chiếc lọng xanh, bay thẳng lên hư không mà đi. Đêm kế, toàn gia hơn mười người đồng nằm mơ thấy Mã Vu về nói: "Ta đã được sanh ngôi Thượng phẩm ở Tịnh Độ!".

Mùa thu năm ấy, có đứa trẻ gái trong nhà cũng nằm bệnh niệm Phật mà vắng sanh. Con của cư sĩ là Mã Vĩnh Dật tu theo môn Thập lục quán và Thập niệm pháp hơn ba mươi năm. Sau Vĩnh Dật thọ bệnh, thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát đến tiếp dẫn, ngồi ngay kiết án mà qua đời. Lúc ấy, hương thơm ngào ngạt đầy nhà. Khi tân liệm xong, trên linh cữu mọc lên hoa lạ năm sắc rực rỡ.

VƯƠNG CỔ

Cư sĩ Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, nguyên là tăng tôn của quan Tướng quốc Vương Văn Đán. Gia tộc bảy đời đã giữ giới bất sát, đến phiên cư sĩ lại phát tâm phóng sanh một trăm muôn vật mạng.

Khi ông làm quan ở Giang Tây, từng cùng các bậc lão sư như: Hối Đường, Dương Kỳ nghiên tập về Thiên tông. Cư sĩ có trứ tác quyển Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, hoằng dương môn Niệm Phật. Lúc rồi rảnh, tràng chuỗi chẳng rời tay, đi đứng nằm ngồi hằng tu tịnh quán không

xen nghĩ. Ông có viết bài tựa quyển Tịnh Độ Bảo Châu Tập như sau:

"Chúng sanh tâm tịnh, thì cõi Phật tịnh, Pháp tánh vô sanh mà vẫn hằng sanh. Nay có đức Thế Tôn, hiện ở cõi Cực Lạc. Phật đó đang thuyết pháp, hiệu là A Di Đà. Nơi quốc độ ấy, duyên thặng màu đẹp, kiếp thọ lâu dài. Vị hóa chủ kia, bi nguyện rộng sâu, tiếp dẫn quần loại. Đức Phật ánh sáng vô biên, nhiếp thọ mười phương hàm thức. Cảnh trí nhiệm màu đẹp sạch, trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn! Lưới châu giăng sáng giữa hư không, cây báu bày hàng trên mặt đất. Nước ao hàm tám đức, sen ngọc phóng muôn màu. Sáu thời nghe thiên nhạc thanh tho, ức cõi đem diệu hoa rải cúng. Chư Phật sáu phương đồng khen ngợi, chúng sanh mười cõi niệm nguyện nương về. Hàm thức trong tâm vô lượng, niệm niệm vắng sanh. Di Đà nơi tâm chúng sanh, hằng hằng nhiếp hóa. Chát gỏi hoa sen, không lìa đương xứ. Thần chơi cõi tịnh, chẳng ngoại tự tâm. Như gương hàm muôn tượng, mà không có đến đi. Tợ trăng ẩn ngàn sông, đâu phải là lên xuống! Pháp độ cơ viên đốn, đều là bậc Bồ xứ nhất sanh. Cửa mở nẻo quyền thừa, bày sắp lớp Liên hoa cứu phẩm. Niệm Vô Lượng Quang trong bản tánh, xưa nay không niệm. Sanh An Dưỡng quốc của duy tâm, vốn thật chẳng sanh. Thoát vòng mê khổ, mười niệm siêu đến cảnh Liên Trì. Về cõi chân như, ba thừa kết chúng ngôi Diệu giác. Đá to nhờ chuyên chở mà khỏi bị

đắm chìm. Thuyền nhẹ thuận nước buồm, tất không điều trở ngại. Lúc mê mờ, đường tuy gần mà xa. Khi tỏ ngộ, nẻo không xa chẳng cách.

Thương ôi! Những kẻ học ít chương nhiều, nghi sâu huệ cạn, hoặc bài bác niệm Phật cho là môn quyền tiểu, hoặc mê mờ Tịnh Độ chẳng rõ có hay không? Họ đâu biết rằng: chê niệm Phật là chê chư Tổ Vĩnh Minh, Trí Giả; bác Tịnh Độ là bác đại sĩ Long Thọ, Mã Minh! Những người ấy, không tin mình sẽ được thọ ký Bồ đề, không chịu trở lại quê hương xưa bản giác. Thế rồi thân chim lồng cá chậu, vẫn mê mãi nhớn nhơ; kiếp được gió bóng câu, làm tưởng mơ bèn bỉ. Báo thân khi mãn, còn đâu là cuộc vui trần. Luân chuyển không cùng, uổng chịu vào nơi khổ thú! Đâu nghĩ đến: đáng Giác hoàng khuyên dạy, giọng kim khẩu hết lời. Mà để được: bạn Thánh hiện trong sát na, đủ tướng hảo trong khoảnh khắc. Trước thọ lạc xa lìa ngũ trược, sau bi tăng cứu vớt tam đồ. Việc này mà thờ ơ, thật là đáng thương xót!".

Triều vua Huy Tôn, ông làm quan Hộ bộ Thị lang, bị vu cáo mất chức, kể đó niệm Phật mà thoát hóa. Một vị tăng thần thức dạo chơi Tịnh Độ, thấy có Vương Cổ cùng Cát Phiền đồng ngồi nơi hoa sen. Cát Phiền người ở Trùng Giang, làm quan đến chức Triều Tán đại phu. Khi tại công thự hoặc tư gia, ông đều để một gian tịnh thất riêng thờ Phật. Một hôm đang lúc lễ tụng, xá lợi từ hư không rơi

xuống. Sau ông không bình, ngồi ngay thẳng day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời.

HỒ YÊN

Cư sĩ Hồ Yên, tự Đạt Phu, quê ở Tiền Đường. Đời Tống, ông làm quan Tuyên nghĩa lang. Lúc lớn tuổi trí sĩ, thường cùng Thanh Chiếu luật sư tới lui tham luận về đạo lý.

Một hôm ông cảm bệnh, sai con mời ngài Thanh Chiếu đến. Khi luật sư tới thăm, có nhắc nhở rằng: "Bình sanh Đại phu đã cùng Huệ Hanh này thân cận nhau, há chẳng rõ một việc lớn sau rốt đó ư?". Hồ Yên nói: "Có phải là tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh chăng?". Thanh Chiếu bảo: "Trong tất cả thời, cư sĩ đã được không một niệm nhiễm ô chưa?". Ông đáp: "Chưa được!". Luật sư nói: "Nhu thế thì đâu có thể luận đến việc tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh!". Hồ Yên hỏi: "Kinh nói: Xưng một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử, là thế nào?". Thanh Chiếu đáp: "Đức A Di Đà có thế nguyện sâu, oai đức lớn, phước huệ ánh sáng và thần lực đều không thể nghĩ bàn! Do đó nên khi xưng danh hiệu ngài, tội chướng tự tiêu. Như vàng nhứt rạng chiếu giữa trời, tuyết sương đâu còn nữa! "

Hồ Yên nghe nói cảm ngộ lớn, một lòng chí thiết xưng danh hiệu Phật. Lại sai con thỉnh chư tăng đến trợ niệm.

Độ một tháng qua, cuối cùng Thanh Chiêu luật sư lại tới thăm. Cư sĩ bảo: "Ngài đến sao muộn thế?. Đã phiền hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí giáng lâm từ lâu rồi!". Luật sư nghe nói liền cùng chư tăng xung danh hiệu Phật trợ niệm. Được một lúc, cư sĩ an nhiên mà qua đời.

NGÔ BÌNH TÍN

Cư sĩ Ngô Bình, tự Tử Tài, người đời Tống, quê ở Minh Châu. Trong năm Thiệu Hưng, ông làm quan tại triều, đối nghịch với Thừa tướng Tần Cối, bị biếm truất, bèn từ chức về cát ngôi tĩnh am ở phía Nam đô thành để tu dưỡng.

Từ đó, cư sĩ gác bỏ mọi việc, hôm sớm khi thì lễ Phật tụng kinh, lúc lại ngồi yên tĩnh niệm. Ông sắm sẵn một chiếc quan tài, ban đêm sau thời khóa tụng, lại vào đó nằm, để nhớ rằng mình là người sắp chết mà chí tâm tu niệm. Cư sĩ có đặt lời ca, cắt phận sự cho một đồng tử y theo đó mà gọi mình thức dậy. Mỗi tinh sương cứ đến canh năm, đồng tử tới gõ vào quan tài, ca lên rằng:

Ông Ngô Bình Tín,

Tĩnh mộng về ngay!

Ba cõi không yên chẳng nên ở,

Tây phương Cực Lạc có liên đài!

Ông Ngô Bình Tín,

Tĩnh mộng về ngay!

Nghe gọi, cư sĩ liền thức dậy tụng niệm. Khi Tần Cối chết vua xuống chỉ triệu ông làm quan Lễ bộ thị lang, kế đó cải nhiệm sang trấn Thường Châu. Đến năm thứ 26 đương triều, lại bị triệu về kinh. Khi xe đến nhà trạm tại Túc Sơn, cả đoàn tạm dừng nghỉ. Giây phút, gia nhơn và kẻ tùy tùng bỗng nghe tiếng nhã nhạc du dương trên trời. Ông nhìn quanh bảo: “Ta vốn ở cõi thanh tịnh, vì sai một niệm lạc đến nơi này. Đài vàng đã chờ đón giữa hư không, ta sắp đi đây!”. Nói xong chấp tay niệm Phật mà hóa.

LỤC NGOẠN

Cư sĩ Lục Ngoạn, tự Tử Ngươn, người ở Cối Kê, huyện Sơn Âm. Ông từng làm quan tại triều tới chức Thái phủ tự thừa, sau do lời sàm tấu của kẻ ganh ghét, đắc tội bị thuyên chuyển trấn nhậm bên ngoài.

Lúc lớn tuổi, Lục Ngoạn xin trí sĩ, về cất nhà bên dòng suối Hoàn Khê tại Minh Châu, thường tụng Kinh Pháp Hoa. Mỗi sáng sớm, ông thức dậy bảo nấu nước tắm gội sạch sẽ, rồi thay y phục, đốt hương lễ Phật, trước tiên đọc bài kệ rằng:

**Sáng sớm rửa tay sắp chuyển kinh,
Chẳng cầu phước lợi, khỏi tai tinh.
Duyên đời đáng dứt thì cho dứt,
Nhà lửa phù sinh tạm múa hình!**

Kế đó, giở kinh ra tụng, tiếng không hưỡn không gáp, liên tiếp như tràng chuỗi, mỗi ngày xong một bộ. Như thế giữ bền đến ba mươi năm. Khi được tám chục tuổi, mỗi ngày tụng tăng lên ba bộ kinh Pháp Hoa, lại kiêm niệm Phật, quyết chí cầu về Tây Phương. Đến tám mươi lăm tuổi, một hôm ông tắm gội thay y phục, ngồi niệm Phật mà hóa. Lúc ấy từ mũi miệng đều bay ra hương sen thơm bát ngát, trọn ngày mới dứt. Bảy giờ nhằm niên hiệu Thiệu Hy thứ năm đời Tống.

TIẾNG GỌI VÔ THƯỜNG

XUÂN KHÚC

Mưa xuân phới nhẹ, khí xuân hòa,
Liều biếc đào hồng sắc thắm khoe.
 Bướm tím bay vờ vẩn,
 Ong vàng gọi nhẩn nhẹ!
 Cách mái hoàng oanh hót,
 Bên rừng du khách mơ!
Xuân có lúc tàn, người sẽ cỗi!
Sớm chầy rồi đến chớ thờ ơ!

HẠ KHÚC

Tiết hạ hồ Tây sen nở hoa,
Nở theo hỏa lựu sáng bên nhà!
 Gió sớm hây hây thổi,

Mưa chiều đậm đậm sa!
Sáng tối mau như thoáng,
Trẻ thơ mấy lúc già.

Cảnh vật, thân người thay đổi mãi,
Bến thuyền giải thoát kíp sang qua.

THU KHÚC

Thu đến trời quang cảnh sắc thanh,
Mây nhàn lơ lửng dãy non xanh.

Bóng nhạt về quê cũ,
Hơi quyên gọi cuối cành.
Rừng lau ngời bạc trắng,
Khóm cúc nụ vàng anh.

Tiết muộn khuyên người trong cảnh muộn,
Quay đầu tỉnh mộng thoát mê thành!

ĐÔNG KHÚC

Gió đông vi vút, khí đông hàn,
Muôn dặm rừng cây lá rũ tàn.

Nước non màu lặng lặng,
Sương tuyết trắng mang mang.
Dẫn dỗi chim nha gọi,
Lạnh lòng ông lão than!

Thời tiết chuyên xoay người cũng thế,
Sanh, già, bệnh, chết sớm lo toan!

TRẦN TOẢN

Cư sĩ Trần Toản, tự Đình Lỏa, người ở Giang Nam, xứ Thường Thục. Ông đỗ Tiến sĩ vào năm Gia Tĩnh thứ ba mươi lăm đời Minh, làm quan Hình khoa cấp sự trung. Sau do thẳng lời can gián, bị bãi chức.

Về nhà, ông một lòng tu tịnh nghiệp, sớm hôm siêng cần tụng niệm. Ngày nọ, có vị thiên khách đến thăm, quả rằng: “Ông không nghe đức Lục Tổ Huệ Năng luận về lý bình đẳng của duy tâm Tịnh Độ đó ư? Tại sao lại còn chán cảnh nhơ cầu cảnh sạch như thế?”. Cư sĩ đáp: “Lý duy tâm Tịnh Độ tuy thốt lời từ Lục Tổ, nhưng không phải ngài nói ra trước tiên. Khi xưa Đức Thích Tôn cũng đã từng bảo: - Tâm này làm Phật, thì tâm này chính là Phật. Lục Tổ sợ người đời đem tâm không thanh tịnh mà cầu Tịnh Độ, nên mới nói lời ấy, chớ chẳng phải quốc độ không có cõi nhơ và sạch đâu! Vả lại chỗ đáng ưa thích của cõi Cực Lạc, chẳng phải chỉ có mưa hoa lầu ngọc, sen nở ao quỳnh, chim nói pháp âm, lưới châu reo nhạc, mà còn bạn cùng Thánh Hiền ngao du học đạo. Trên được Phật, Bồ Tát phóng quang gia bị, thọ số trái vô lượng kiếp, mau chứng Vô sanh pháp nhẫn, sớm thành tựu đạo Bồ Đề. Rồi khởi lòng bi nguyện hiện thân trong vô biên cõi nước, độ vô số chúng sanh. Đó mới thật là điều đáng vui ưa vậy! Ngài dùng môn thiên của ngài ưa cõi nhơ, tôi lại dùng môn thiên của tôi thích cõi sạch. Về thiên thì không phân biệt ngài và

tôi, về ưa thì không thật có như cùng sạch. Cho nên, ngài không có lý chi để chê trách tôi được”.

Đầu năm Long Khánh, ông được triệu về kinh giữ chức Lại khoa. Trong niên hiệu Vạn Lịch, thăng đến chức Hình bộ thị lang. Tháng bảy năm thứ mười sáu niên hiệu ấy, ông cảm bệnh. Theo lệ các quan Cố sự đại thần ở kinh sư từ tam phẩm trở lên, vào mùa nắng mỗi ngày vua có ân tứ cho một khối băng to để thanh lương. Khi đem khối băng để trước giường ông, người nhà cùng kẻ hầu cận đều thấy trong ấy nổi lên tháp báu bảy tầng, cửa ngọc linh lung, xung quanh có câu lơ bao bọc. Giây phút băng lần tiêu, bóng tháp lần nhỏ. Khi băng tan tháp mất, xem lại thì cư sĩ đã qua đời.

Chuyện lạ này được người ở kinh đô truyền tụng một thời.

NGU THUẦN HY

Cư sĩ Ngu Thuần Hy, tự Trưởng Nhu, người ở Tiên Đường, lúc mới sanh ra nằm giữa tỉnh táo không nhắm mắt. Khi lên ba tuổi, miệng niệm Phật chẳng ngớt, thường thấy hoa sen cây báu hiện ở trong nhà. Thuần Hy đem cảnh giới ấy thuật lại, thì bà nội bảo: "Đó là tướng đẹp lành ở Tây Phương!". Rồi nhân đó bà dạy cho tập định. Từ đấy ông thường ngồi kiết già ngay thẳng, sụp đôi mi mắt. Em là Thuần Trinh, tự Tăng Nhu, cũng có căn lành Phật

pháp, lúc tuổi trẻ cùng ông rất tương đắc. Khi thọ tang mẹ, cả hai đồng tu pháp Thiên Thai Chỉ Quán.

Lớn lên, Thuần Hy làm thầy dạy trẻ trong làng, thường chỉ bảo học trò tập môn Tỷ quán. Việc này làm cho người chủ nhà trọ bất mãn, nhưng ông chẳng mấy để tâm. Kế đó đỗ kỳ thi Hương, rồi dời đến Tỷ sơn dạy học. Ông từng cùng bạn đồng xã tụng Lương Hoàng Sám, cảm mây lành đoanh trong nhà, ánh sáng lạ chiếu vào thất, cam lộ rơi phơi phới ướt vách, trời mưa xuống lúa vàng nếp đen cùng hương trầm thủy. Lúc ấy đang tiết đông mà trăm hoa đều đua nở xung quanh. Thuần Hy cảm điềm linh dị, tu tập định lực càng bền chắc, nên có thể dự biết trước mọi việc. Vân Thê đại sư nghe được chuyện ấy, răn nhắc rằng:

-Đó chỉ là cảnh giới lành tạm hiện, nếu tự cho là chứng đắc, tất sẽ lạc vào lưới ma?

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, vì tang cha, về cát lều bên mộ thủ hiếu ba năm. Nhân dịp rảnh, lại đến thọ quy giới cùng ngài Vân Thê. Lúc ở nhà mộ gần núi, mỗi ngày ông đều đem cơm canh thí cho loài nai thỏ, có hồ báo đến liền thét quở đuổi đi. Khi mãn tang, cư sĩ tỵ chức, làm quan Phương ty chủ sự. Không bao lâu, lại xin cáo thối, lên non Thiên Mục ngồi trước tử quan của Cao Phong Diệu thiên sư thuở xưa, ngày đêm tham thiền. Đến ngày thứ hai mươi một, trong người mệt mỏi vừa muốn tạm nằm nghỉ, chợt như mơ thấy Cao Phong

Đại sư chém đứt cánh tay trái, bỗng rỗng rang đại ngộ. Ông đem cánh giới ấy cầu chứng với ngài Vân Thê. Đại sư bảo:

-Phàm người mới thức tỉnh, nếu không chổi dậy chải gỡ bụi khăn, mà còn nằm yên trong chăn gối, tất trở lại mơ màng. Kẻ mới ngộ đạo cũng thế, nếu chẳng gắng tự trang nghiêm, mà còn gàn nơi uế trược, tất sẽ mê trở lại. Măng non dễ bị bẻ gãy, hoa sen gàn lửa dễ bị héo. Ông phải tự lo liệu, chớ vì được một điểm ánh sáng nhỏ, mà làm trở ngại sự tiến tu của mình!

Nhân đó, đại sư khuyên cư sĩ nên niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ, để nối tiếp nhân lành đời trước. Thuận Hy lễ tạ, nguyện trọn đời tuân hành.

Có kẻ đến chơi, bảo mình không tin sự niệm Phật. Cư sĩ nói:

-Giác ngộ mình, giác ngộ người, hạnh giác ngộ đầy đủ, gọi là Phật. Niệm Phật, chính là niệm giác ngộ vậy. Mỗi niệm không thường giác ngộ, mà dễ thường mê, như thế có nên chăng! Chim đỗ nơi gò nông cây cao, người ở trong xóm làng đất nước. Không đậu nơi đất lạnh, mà ở nơi chẳng lạnh, như thế có nên chăng? Sự niệm Phật và cầu về Cực Lạc, chính là đi đến chỗ giác ngộ cùng sanh nơi đất lành để bảo đảm sự giác ngộ đó vậy!

Kẻ ấy như chợt tỉnh, bái tạ ân cần hỏi về cách thức niệm Phật. Cư sĩ đáp:

-Trong mỗi câu hồng danh phải đề tỉnh chánh niệm, cứ giữ tiếp tục như thế mà thôi. Bởi trăm ngàn phương tiện, cũng chỉ ở một chữ "giác". Nếu cứ giữ mỗi niệm A Di Đà, tức Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, thì làm sao chẳng vào được tri kiến của Phật? Người học đạo chính vì cầu thoát ly sự sống chết luân hồi. Nếu mỗi niệm cứ giữ như thế, thì làm sao không thoát ly được?

Không bao lâu, ông lại được triệu giữ chức Chủ khách ty viên ngoại lang. Kế đó cải tiến lên chức Tư huân. Nhưng được một lúc cư sĩ cũng lại xin về, cùng em là Thuận Trinh ẩn dật di dưỡng tánh tình, ngao du sơn thủy. Bảy giờ ngài Vân Thê đang giảng kinh Viên Giác ở Nam Bình. Đại sư xướng lập Phóng Sanh Xã, quyên tiền đào Vạn Công Trì. Hàng tăng tục vài muôn người đều nường về hiệp trợ, tiếng tụng kinh niệm Phật vang dội núi rừng. Anh em Thuận Hy có công lớn trong việc xướng suất số đông hàng danh nho thanh sĩ, tham dự pháp hội ấy. Kết cuộc công thành, đào được ba đầm phóng sanh có bờ đê ngăn giữ và cất được nhiều nhà gác, để thả các loài chim cá.

Xong mọi việc, Thuận Hy vào ẩn trong núi Nam Bình. Thuận Trinh cũng ẩn cư nơi non Linh Thú. Hai anh em quyết dùng khoảng đời dư thừa, chuyên niệm Phật để thành tựu sự vắng sanh không còn xuất hiện nữa.

THÁI THỪA TRỰC

Cư sĩ Thái Thừa Trực, tự Hòe Đình, người ở Nhu huyện, tỉnh Hồ Quảng. Ông tánh tình cô tịch, hằng lợt lạt với lợi danh. Khi tuổi hơn hai mươi, đã biết trường trai thờ Phật. Cư sĩ thường tụng kinh Tam Thiên Phật Danh, mỗi ngày ghi nhớ ba danh hiệu, đến ba năm đã thuộc lòng tất cả, trọn đời không quên.

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, được bổ làm Thái thú tại Thiệu Hưng. Tuy ở chức quan, nhưng mỗi ngày cư sĩ vẫn tụng vài quyển Kim Cang Bát Nhã. Trong tịnh thất không chứa đồ vật chi quý, chỉ có lò hương bàn kinh mà thôi. Ông từng trùng tu chùa Cổ Lăng Nghiêm, cảm dân gian sát sanh tế thần. Lúc rảnh rỗi, thường đến hỏi Phật pháp nơi ngài Vân Thê và chuyên tu Niệm Phật tam muội. Sau lần được thăng đến chức Thái thường tự khanh, rồi dâng sớ xin về hưu dưỡng.

Lúc lớn tuổi, cư sĩ cất ngôi thảo am, để làm cơ sở cho hội Niệm Phật, dẫn dắt hàng nông công ở thôn quê đồng hội hướng về Tịnh Độ. Ông có làm bài kệ từ tạ kẻ thăm viếng như sau:

**Lữ khách nhớ quê An Dưỡng,
Hủ nho ngự bến sông Tương.
Chẳng quản nay mai đặc thất,
Chỉ chờ tin tức Tây Phương.
Thất nhỏ tùy duyên tạm ở,**

**Canh rau đạm bạc quen thường.
Trâu ngựa mặc ai chê gọi,
Nơi lòng tuyệt niệm ghét thương!**

Mấy năm suy yếu sắp mãn phần, ông tự hiệu là Bất Cử đạo nhơn. Đến lúc vương bệnh, cư sĩ bảo người nhà vớng mình tới chùa, thỉnh chư tăng làm lễ xuống tóc. Khi về tới ngọ thất, ông thấy Thánh chúng bung đài bạc đến tiếp dẫn, liền chấp tay liên tiếp xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, rồi qua đời. Cư sĩ có soạn mấy quyển Tịnh Độ Thi và Nhân Quả Tập, được lưu hành ở đời.

VIÊN HOẰNG ĐẠO

Viên Hoằng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu cư sĩ, người ở huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc. Anh là Tông Đạo, tự Bá Tu, hiệu Hương Quang cư sĩ. Em là Trung Đạo, tự Tiểu Tu, hiệu Thượng Sanh cư sĩ. Ba anh em đồng một mẹ, lúc thiếu thời đều nổi tiếng văn tài, lớn lên cùng ưa thích Thiên tông. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, ba anh em trước sau lần lượt đều đỗ Tiến sĩ. Bá Tu làm quan đến chức Hữu giá tử. Tiểu Tu làm quan đến chức Lễ bộ lang trung. Sau hai anh em đều xin về quê hưu dưỡng, sớm hôm siêng cần lễ tụng.

Riêng phần Trung Lang, tức Hoằng Đạo, sau khi thi đỗ, được bổ làm Tri huyện ở Ngô Giang. Ông xử việc án tụng rất sáng, lẹ quyết đoán. Khi rảnh việc công, lại ưa ngao du

son thủy. Sau được thăng lên chức Lễ bộ chủ sự, chẳng bao lâu cáo bệnh xin về nghỉ. Cư sĩ có lập một khu vườn ở thành Nam, trồng cả muôn cây liễu xanh tốt. Khi gió thổi qua, đứng trên lầu cao, thấy ngọn liễu uốn dợn như ngàn đợt sóng, tiếng chim oanh cùng các phi cầm đua nhau kêu hót bên trong. Ông gọi cảnh trí là “Liễu lãng đầu oanh”, thường cùng các văn nhơn thiên khách du lãm trong đó, khi thì uống rượu ngâm thi, lúc lại luận bàn đạo lý. Ban sơ, cư sĩ học thiên với Lý Trác Ngô, tin giải thông suốt, biện tài không ngại. Sau tự nghiệm xét, thấy dù huyền luận dọc ngang, cũng chỉ là lời nói suông, không có lợi ích thiết thật, mới hồi hướng về Tịnh Độ, sớm hôm sám hối lễ niệm, kiêm giữ gìn giới cấm. Bá Tu và Tiểu Tu cũng đồng thời phát tâm niệm Phật. Cư sĩ tuyển trong các kinh giáo, viết ra bộ Tây Phương Hiệp Luận. Trong ấy bàn tánh tướng đến chỗ viên dung, đi sâu vào pháp môn Bất Nhị. Xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"...Trong năm thứ Hành môn, thứ nhất là Tín tâm hạnh. Kinh nói: "Niềm tin là bước đầu vào đạo, là mẹ các công đức". Thế nên đức tin là chánh nhân của tất cả hạnh. Cho đến khi tròn mãn quả Bồ đề, cũng chỉ hoàn thành tín căn ấy mà thôi. Như mọt măng non khi thành cây tre cao vút, trước sau cũng chỉ là một gốc. Các Bồ Tát mới phát tâm, không vị nào chẳng nương nơi sức tin mà được thành tựu.

Trong Liên tông, lòng tin lại là cội gốc. Vậy phải tin như thế nào?

-Một là tin Căn bản trí và Bất động trí của Phật A Di Đà cùng mình không khác. Như khoảng thái hư, mặt trời rọi thì sáng, mây kéo che thì râm tối, nhưng hư không vẫn không có tánh sáng tối. Lại nên hiểu mặt trời cùng mây chẳng ngoài thể của hư không.

-Hai là tin Phật A Di Đà tu tập các hạnh trong vô số kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn, ta cũng có thể làm được. Tại sao thế? Bởi từ trước trong vô số kiếp, khi ta bị chìm đắm ở ba ác đạo, chịu vô lượng sự khổ về thân tâm, khi thì mang lông đội sừng, lúc lại đọa nơi vạc dầu giương lửa. Những sự khổ vô ích như thế, ta đã từng trải qua và nhẫn chịu được; huống chi là muôn hạnh độ mình độ chúng sanh của Bồ Tát, ta há chẳng thể làm ư?

-Ba là tin Phật A Di Đà có vô lượng trí huệ, thần thông, thành tựu vô lượng nguyện lực cùng mọi việc, ta cũng sẽ được... Bởi trong tự tánh phương tiện của Như Lai, có đủ những việc không thể nghĩ bàn như thế. Lại bởi ta cùng Như Lai đồng một thể tự tánh thanh tịnh vậy.

-Bốn là tin Phật A Di Đà không đi không lại, ta cũng không đi không lại, cõi Cực Lạc và Ta Bà chẳng cách một đầu lông, muốn thấy liền thấy. Tại sao thế? Vì hai cõi đồng

ở trong một thể chân tâm không phân biệt kia đây. Lại vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và độ vậy.

-Năm là tin Phật A Di Đà tu hành trải qua vô lượng vô biên kiếp cho đến khi thành đạo, vẫn không lìa một sát na, ta cũng không lìa một sát na mà địa vị ngang hàng với chư Phật. Tại sao thế? Bởi thời gian là huyền hóa không thật, nhiếp về nghiệp hư vọng phân biệt. Trong biển pháp giới, tìm cái thật của nghiệp không thể được. Tin hiểu như thế là sơ tâm bước vào đạo, là tin hạnh Tịnh Độ của tất cả chư Phật.

*... Thứ ba là Lục độ hạnh. Khởi Tín Luận nói: "Bồ Tát hiểu sâu sự tu hiện tại của mình vốn lìa tướng. Vì biết thể của chân tâm lìa tham lam bồn sển, nên tùy thuận tu hành Bồ thí ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không ô nhiễm, lìa sự lỗi lầm của năm điều dục lạc, nên tùy thuận tu hành Trì giới ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không khổ, lìa phiền não giận hờn, nên tùy thuận tu hành Nhẫn nhục ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không có tướng thân tâm, lìa sự biếng trễ, nên tùy thuận tu hành Tinh tấn ba la mật. Vì biết thể của chân tâm yên tĩnh, không tán loạn, nên tùy thuận tu hành Thiền định ba la mật. Vì biết thể của chân tâm sáng suốt, lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát nhã ba la mật". -Người tu Tịnh Độ trong một câu niệm Phật, có đủ cả sáu môn như thế. Niệm niệm xả lìa, tức là Bồ thí. Niệm niệm thanh tịnh, tức là Trì giới. Niệm niệm vắng

lặng không phân biệt kia đây, người và cảnh, tức là Nhẫn nhục. Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn, tức là Tinh tấn. Niệm niệm qui nhứt, tức là Thiên định. Niệm niệm trong sáng, tức là Bát nhã. Sáu hành môn này đều từ câu niệm Phật mà lưu xuất, chánh và trợ không hai, sự cùng lý chẳng khác. Cho nên hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh, vì đó là Nhứt tâm pháp môn, vì ngoài tâm không có các hạnh vậy. Nếu bỏ các hạnh, tức là bỏ tâm, bỏ sự tức chẳng thành lý...".

Không bao lâu, Hoằng Đạo được triệu giữ lại chức cũ, lần thăng tiến đến ngôi Huân ty lang trung. Ít lúc sau cáo bệnh xin nghỉ. Về nhà chẳng mấy ngày, liền vào thành Kinh Châu ở trợ trong chùa tăng tu niệm, rồi không bệnh mà qua đời.

Trung Đạo tức Tiểu Tu, sau khi về hưu, sớm hôm tinh cần niệm Phật. Một đêm, nhằm ngày rằm tháng mười năm Giáp Dần, vào niên hiệu Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, khi khóa tụng xong, ông tĩnh tọa, cảm biết hình thần thanh sáng. Bỗng chợt có trạng thái như vào định, thần thức vượt lên khỏi nhà, nương mây bay đi. Hai bên có hai đồng tử phò trợ, bảo: "Hãy theo chúng tôi!". Rồi đưa đi về phương Tây lẹ như chim bay. Trông chung quanh, ánh trăng vẫn sáng tỏ, gương nga lồ lộ giữa trời. Nhìn xuống dưới thấy núi, đầm, ruộng nương, thành ấp, làng xóm, nhỏ như đồng đất, chén nước, chòm ong, tổ kiến. Khi sa thấp xuống một

chút, nghe mùi tanh hôi từ dưới bốc lên, liền gắng sức vượt thẳng trên cao mới cảm thấy thanh nhẹ. Lần lần bay nhanh như chớp, trái qua không bao lâu, hai đồng tử bỗng hô lên bảo: "Dừng lại!" rồi cùng đáp xuống đất.

Tiểu Tu nhìn quanh, thấy đường ngay như dây giăng, mặt đất bằng phẳng sáng chói trơn nhuận, chẳng phải chất cát đá. Dọc theo bên đường có đầm ao bề ngang rộng hơn mười trượng, thêm ao bằng bảo thạch có lẫn như viên chạm. Trong ao hoa sen năm sắc đua nhau tươi nở, thơm đẹp khác thường. Dài theo bờ ao có hàng cây sáng chói, các thứ chim lạ hòa nhau kêu thanh. Cách khoảng lại có cầu bằng vàng ngang qua ao làm ranh giới. Cầu lơn liên tiếp làm mé thành cầu. Sau hàng cây bên bờ kia, có lầu các xinh lạ khó sánh ví. Người trong lầu tướng mạo đều thanh sáng, tươi đẹp như thiên tiên, nhìn Tiểu Tu mà mỉm cười. Hai đồng tử đi mau, cư sĩ đuổi theo không kịp, vội kêu lên rằng: "Xin tạm đứng trên cầu đợi tôi một chút!". Hai đồng tử y lời, ông mới bước theo kịp, cùng tựa lan can báu của cầu tạm dừng nghỉ. Tiểu Tu vòng tay hỏi: "Xin được hân hạnh cho biết hai vị là ai? Đây là nơi nào?". Một đồng tử đáp: "Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sanh, ngài muốn cùng ông gặp gỡ nói đôi chuyện, nên bảo đến đón tiếp". Cư sĩ lại hỏi: "Tiên sanh là bậc người thế nào?". Đáp: "Ngài chính là lệnh huynh, Viên Hoảng Đạo tỵ Trung Lang đây. Sau khi gặp mặt ông sẽ tự biết, hiện thời chúng

ta phải kíp đi đến nơi!". Nói xong cùng qua cầu theo đường tới một khu có hơn ngàn cội cây to, lá chất phỉ thúy, hoa cánh hoàng kim. Sau vùng cây có ao to rộng, qua cầu ao có cửa bằng bạch ngọc, một đồng tử đẩy cửa tiến vào trước. Đồng tử kia dẫn Tiểu Tu đi qua hơn hai mươi lớp lầu các, kim sắc chói rực rỡ, hoa linh cỏ lạ phơ phất bên thềm. Khi tới dưới tòa lầu nọ, có một vị thần thái tợ Trung Lang, mặt sáng như ngọc, áo tợ ráng mây, cao hơn trượng, bước đến đón rước, mừng rỡ bảo: "Em đã tới đó ư?" rồi dắt tay lên lầu, trên đó có bốn năm vị tướng trạng như thiên nhơn, ngồi xung quanh Trung Lang nói:

-Đây là cảnh biên địa ở Tây Phương. Những hành giả niệm Phật, tín giải chưa thành, giới châu chưa trọn, phân nhiều sanh về chốn này. Nơi đây cũng gọi là Giải Mạn Quốc (xứ của người tu còn bê trễ). Phương trên có lầu đài của Hóa Phật, trước lầu có ao to rộng hơn trăm do tuần, trong ao có sen báu.

Chúng sanh mười phương sanh về gởi chắt nơi hoa sen ấy, đúng kỳ hoa nở, chia nhau đi ở các lầu đài, cùng những bạn tu tịnh có duyên tụ hội nhau. Do không có mỹ sắc dâm thanh, nên thắng giải dễ thành, chẳng bao lâu tu tiến lên sanh vào chánh quốc ở Cực Lạc!

Tiểu Tu thầm nghĩ: "Cảnh đẹp như thế, mà hãy còn là biên địa ư?". Nhân đó hỏi: "Anh sanh về chỗ nào?", Trung Lang đáp: "Anh tịnh nguyện tuy tha thiết, song tình nhiễm

chưa dứt trừ, ban sơ sanh về nơi đây ít lâu, nay thì đã được Tịnh Độ. Nhưng do thừa gấp giới huấn, nên chỉ thuộc hàng địa cư, không được cùng bậc đại sĩ ở lâu các giữa hư không, còn phải tiến tu thêm nữa. Rất may lúc còn tại Ta Bà, nhờ trí huệ mãnh lợi, anh từng soạn bộ Tây Phương Hiệp Luận, khen ngợi công đức độ sanh không thể nghĩ bàn của Như Lai nên cảm báo được bay đi tự tại, dạo chơi các quốc độ. Chư Phật nói pháp, đều được đến nghe, đây thật là điều thù thắng!"

Nói xong, nắm tay Tiểu Tu bay lên hư không, phút chốc vượt ngàn muôn dặm, rồi đáp xuống một chỗ. Nơi đây không ngày đêm nhật nguyệt, ánh sáng rực rỡ chẳng bị ngăn che. Đất lưu ly trong ngoài chói suốt, trụ đây hoàng kim thất bảo giao xen ngăn chia ranh giới. Cây đều là thứ chiên đàn, cát tường, hàng hàng đối nhau, gốc gốc trông nhau, vài muôn ngàn lớp. Mỗi mỗi lá mọc ra các hoa đẹp màu, màu sắc dị bảo. Bên dưới cây là ao báu, vô lượng đợt sóng gợn, tự nhiên phát ra tiếng pháp màu. Đáy ao lót thuần bằng cát kim cương. Trong ao sen báu muôn màu phóng ánh sáng dị sắc. Dọc theo hàng cây bờ ao, lầu các nguy nga quanh lộn ẩn hiện, hiên thềm nhô ra, cột đỡ mái cong, cửa lớn cửa song giao chiếu, câu lơ báu doanh vây bao bọc, thấy đều đầy đủ. Xung quanh lầu các có treo vô lượng nhạc khí, tự khua động diễn các pháp âm. Những điều ghi chép trong kinh A Di Đà và Vô Lượng Thọ, so

với đây mười phần chưa được một. Ngược nhìn lên, nhiều lâu các lơ lửng giữa hư không, đẹp huyền ảo giữa những vàng mây rắng. Trung Lang bảo: "Chỗ em thấy là quang cảnh của hàng địa cư chúng sanh ở Tịnh Độ. Qua khỏi chốn này là nơi ở của chư Pháp thân đại sĩ, cảnh trí còn đẹp màu ngàn muôn phần gấp bội hơn đây. Thần thông của các vị ấy cũng ngàn muôn phần bội hơn. Anh nhờ huệ lực có thể đến dạo chơi, mà không được ở. Khỏi nơi đó là chỗ cư trú của bậc Thập địa cùng Đẳng Giác Bồ Tát, anh không thể đi đến và hiểu biết được. Xa hơn nữa, là cảnh giới của đấng Diệu Giác, duy Phật cùng Phật mới có thể thấy biết!".

Nói xong, lại cùng bay đến một chỗ, điện các chói sáng khác thường, chẳng biết làm bằng chất gì. Cảm thấy hoàng kim bạch ngọc sánh với thứ báu này, dường như là sắc đất. Nơi đây không thành quách, chỉ có lan can bao bọc. Hai người cùng ngồi dưới lâu trò chuyện. Trung Lang nói: "Anh không ngờ cảnh đẹp lại vui cùng cực như vậy! Giả sử khi ở Ta Bà, anh giữ giới luật thêm tinh nghiêm, thì sự thọ lạc chẳng phải như thế mà thôi đâu! Đại đề trước nhất, thừa giới đều gấp, sanh phẩm rất cao. Thứ nữa, là giới gấp, sanh phẩm rất ổn. (Thừa gấp: tâm giải ngộ sâu sắc. Giới gấp: sự giữ giới tinh nghiêm). Nếu có thừa mà không giới, phần nhiều bị sức nghiệp lôi kéo, sanh vào hàng Bát bộ quỷ thần. Những bạn đồng tu lâm vào cảnh

này, anh đã trông thấy rất nhiều. Về phần em, khí phần Bát nhã tuy sâu song sức giới định rất kém. Nếu giải ngộ lý mâu mà không sanh giới định, cũng thuộc về loại cuồng huệ mà thôi! Khi trở về Ta Bà, em phải nhân lúc còn mạnh khỏe mà thật ngộ thật tu, giữ tịnh nguyện cho tha thiết, siêng làm phương tiện giúp người, thương xót tất cả, chẳng bao lâu sẽ có lúc cùng hội ngộ. Nếu lơ là để lạc vào đường khác, thì thật là đáng kinh đáng sợ! Như chưa thể giữ giới hoàn toàn, hãy tuân hành theo pháp Lục trai của ngài Long Thọ cũng được. Trong các giới, sát giới rất quan yếu. Xin gởi lời nhắn nhủ bạn đồng tu: Chưa có ai mỗi ngày tay cầm dao giết, miệng tham vị ngon, mà được sanh về cõi Cực Lạc! Dù cho có tài thuyết pháp như mưa sa mây cuốn, đối với sự tinh tu nếu không thật hành, cũng là vô ích! Anh cùng em từ thuở Phật Không Vương đã nhiều đời làm huynh đệ, cho đến khi luân hồi sáu cõi cũng đều như thế! Nay may mắn anh đã được về chỗ tốt, sợ em bị lạc vào ác đạo, nên phải dùng sức thần thông phương tiện, đem đến đây khuyên bảo. Bây giờ báo nghiệp giữa hai cõi tịnh và uế khác nhau, em không thể ở lâu được!".

Tiểu Tu vội hỏi về chỗ sanh của Bá Tu cùng các đồng bạn đã mãn phần. Trung Lang đáp: "Nơi sanh của anh Tông Đạo và các bạn đều tốt, về sau em sẽ tự rõ!". Nói xong, liền vượt lên hư không mà bay đi. Tiểu Tu đứng lên bước chậm rãi theo bờ ao ngoạn cảnh, bỗng như trượt té

xuống nước, kinh hãi giựt mình tỉnh lại. Lúc ấy cả thân xuất hạn, nhìn lại ngọn đèn tàn còn trên giá, ánh trăng sáng vẫn chiếu song, thời khắc đã sang canh tư. Liên vội lấy giấy bút ghi chép thiên "Tịnh Quốc Du Ký" này.

Trước kia, Tông Đạo có con trai tên Viên Đăng mới mười ba tuổi, bị bệnh uất hơi sắp mãn phần. Đứa bé nói với Hoàng Đạo rằng: "Cháu sắp chết, chú làm sao cứu cháu?". Trung Lang bảo: "Cháu chỉ chuyên niệm Phật, tất sẽ được sanh về cõi Cực Lạc. Nơi đây là cảnh ngũ trược không đủ để luyến tiếc!". Đứa bé liền chấp tay liên tiếp niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hàng quyến thuộc cũng đồng thanh trợ niệm. Giây phút nó cười nói: "Cháu thấy một hoa sen sắc hơi đỏ". Niệm thêm giây lát, lại bảo: "Hoa đã lần lần lớn, sắc tươi sáng, đẹp không thể tả!". Trong khoảnh khắc, lại nói: "Đức Phật đã đến, tướng tốt quang minh, thân cao lớn chật cả nhà!". Giây phút, nó thở hơi gấp. Tông Đạo bảo: "Để người nhà trợ niệm, con chỉ xưng một chữ "Phật" sau chót cũng được". Viên Đăng xưng Phật vài tiếng, chấp tay mà qua đời.

KIM QUANG TIỀN

Cư sĩ Kim Quang Tiền, người đời Thanh, gốc Mãn Châu, xuất thân trong hàng quân ngũ. Ông ưa làm điều thiện, hằng răn cấm các binh sĩ:

1. Không được chém giết bừa bãi.

2. Không được hiếp dâm phụ nữ.
3. Không được cướp một món đồ vật của ai.
4. Không được đốt nhà của dân chúng.

Nếu phạm pháp, sẽ theo quân luật nghiêm trị.

Vợ ông là Cũng thị, biết chữ nghĩa, thường thích tụng kinh.

Năm Thuận Trị thứ mười đi bình định tỉnh Phước Kiến, đường ngang qua Hàng Châu, cư sĩ nghe biết Cự Đức hòa thượng đang thuyết pháp tại chùa Linh Ân. Hai vợ chồng liền đến tham bái, được hòa thượng khai thị về pháp môn Tịnh Độ. Từ đó cả hai đồng tinh tấn niệm Phật và đều có chỗ tâm đắc. Mùa hạ năm Thuận Trị thứ mười hai, sau khi từ miền Bắc trở về tạm ngụ bên sông Tiền Đường, Kim Quang Tiên bỗng nhiễm bệnh. Cũng thị định sai người tìm rước lương y, ông ngăn lại bảo: "Thuở trước ta cùng phu nhơn đã đi tham phỏng ở Linh Ân. Nay nhân đây chỉ muốn chuyển thân về cõi an lành, cần chi dùng thuốc!". Cũng thị cả cười nói: "Chẳng dè tướng công cũng được đến địa vị ấy, thật là hân hạnh!". Liền sai sắm hai chiếc quan tài, rồi bảo: "Thiếp cũng sẽ đi, nhưng xin chậm lại để lo liệu hậu sự cho tướng công mà thôi!". Quang Tiên nghe nói, liền chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Cũng thị sai gia nhơn đem lễ vật đến Linh Ân, cầu xin thắp hương đèn cúng Phật, cúng trai tăng tu sám để truy tiến cho hai vợ chồng. Đến 7 hôm lễ xong, phu nhơn tuyệt

âm thực, ngày đêm chẳng nằm, chỉ một lòng niệm Phật. Lại trải qua 7 hôm nữa, vào lúc xế, phu nhơn tựa quan tài nhắm mắt dưỡng thần, giây phút tỉnh lại bảo: "Thời khắc đã đến!". Liền ngồi ngay niệm Phật mà hóa.

Lời bình:

Soạn giả cố ý sắp hàng quan liêu được vãng sanh ở trước, vì so với thường dân, bậc quan quyền vào đạo rất khó. Phần đông, người đời gấp về công danh, lấy sự học hành đỗ đạt làm trước. Và kẻ đã bước vào cửa quyền quý, đa số lại cho sự thanh tu là khổ. Nếu chẳng phải những người kiếp xưa đã trồng sẵn căn lành, giữ chắc tâm nguyện giải thoát, thì mấy ai trước mùi chung đỉnh mà biết quay đầu? Như các vị trên đây, ở cảnh trần lao, hướng về Tịnh quốc, há chẳng đáng gọi là hiện thân tể quan mà thuyết pháp đó ư! Xét lại các vị: Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, Tô Đông Pha, Triệu Tử Ngang, tuy cũng quy y tu niệm, song khi lâm chung, chẳng thấy điềm lành. Ấy cũng bởi: trí năng lạc theo nhiều môn, căn bình sanh nơi niệm ái. Tập quán của tài tử văn nhơn từ xưa vẫn thế, khi vô thường chợt đến, khó nổi cầu may! Bậc quân tử đời sau, cần nên biết răn dè vậy!

TỈNH GIÁC MỘNG ĐỜI

I

DẪN NHẬP

Non xanh lặng lẽ tợ ngùi than !
Kiếp tạm phù du, chớp điện quang.
Người theo nhau mất, non còn đó
Kết cuộc Nam Kha giấc mộng vàng !

II

MỘNG NAM KHA

Nam Kha mộng
Mộng Nam Kha !
Nam Kha mộng tưởng biết bao la !
Quyền thuộc của tiền đều bỏ lại
Tay không theo nghiệp đến Diêm La !
Từ đây tỉnh
Chớ dần dà !
Niệm Phật về Tây biển ái qua.

III

MỘNG XUÂN TIÊU

Xuân tiêu mộng
Mộng xuân tiêu !
Xuân tiêu mơ mộng tới mai chiều !
Ngày trước tuổi thơ dong ngựa trúc
Hôm nay mái tóc điểm sương tiêu.

Từ đây tỉnh
Chớ mê nhiều !
Một kiếp thăng trầm chỉ bấy nhiêu !

IV *MỘNG DƯƠNG ĐÀI*

Dương đài mộng
Mộng Dương đài !
Mộng trần ai nghĩ thoát trần ai ?
Kẻ chết kinh hoàng theo tội nghiệp
Người thân mờ mịt luống bi ai !
Từ đây tỉnh
Gác sầu hoài.
Gặp nhau âu chỉ mộng Dương đài !

V *MỘNG TRANG CHU*

Trang Chu mộng
Mộng Trang Chu !
Trang Chu mộng hóa bướm ngao du !
Đậu tưởng Trang Chu thành cái bướm
Ai hay cái bướm thật Trang Chu !
Từ đây tỉnh
Chớ mê cầu !
Mưa qua nắng lại Hạ rồi Thu.

VI
MỘNG HOÀNG LƯƠNG

Hoàng Lương mộng
Mộng Hoàng Lương !
Một giấc Hoàng Lương mộng đẹp dường !
Áo tím đai vàng mờ bóng cũ
Mồ xanh cỏ ấy bạc màu sương !
Từ đây tỉnh
Chớ lo lường !
Phú quý công danh cũng mộng trường !

VII
MỘNG VU SƠN

Vu sơn mộng
Mộng Vu sơn !
Vu sơn mơ mộng nặng thương hờn !
Vợ yêu con quý rồi ly biệt
Phách lạc hồn mê cách cõi dương !
Từ đây tỉnh
Gắng tìm đường.
Niệm Phật về Tây thoát khổ ương !

TÔN TRUNG

Cư sĩ Tôn Trung, người đời Tống, ở Minh Châu, sớm mộ hạnh Tây Phương, thường ăn chay giữ giới. Ông cất nhà ở phía Đông phủ thành, bên trong có đào hai cái ao, trồng hoa sen trắng. Giữa hai ao dựng một ngôi Tĩnh các, mỗi tháng họp nhiều người lại, tổ chức thành hội Niệm Phật.

Một hôm, cư sĩ thấy Phật thân hiện giữa hư không, gọi hai con cùng chạy ra, đồng chấp tay chí thành lễ bái. Giây lâu, Thánh tướng mới ẩn. Nhân đó, người đời sau gọi chỗ ấy là xóm Phật Trụ. Năm Nguyên Hựu thứ tám đời Tống, Thích Khả Cửu đã sanh về Tây Phương, trải ba ngày trở về báo rằng: "Tôi thấy có đài vàng ghi tên Tôn Trung!". Nói xong lại thoát hóa. Không bao lâu, cư sĩ mang bệnh, thỉnh hàng tăng tục một trăm người làm hội Niệm Phật. Trong lúc chúng đang tụng niệm, cư sĩ bỗng ngược nhìn lên hư không, chấp tay tỏ dáng kính thành. Rồi hai tay kiết hai ấn, an vui mà thoát hóa. Bảy giờ người trong thành đều nghe tiếng nhạc trời, ngửi thấy mùi hương lạ. Lần lần thiên nhạc thanh thoả ẩn mất về Tây.

Hai người con Tôn Trung đều kế nghiệp cha, chuyên cần tu niệm. Sau cả hai cũng ngồi hướng về Tây, chấp tay niệm Phật mà mãn phần.

VƯƠNG ĐIỀN

Cư sĩ Vương Điền, tự Vô Công, người đời Tống, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ông rất thông tuệ, sức học uân súc, nhưng thi Tiên sĩ hai lần đều không đỗ. Từ đó, tâm danh lợi như tro tàn, ăn chay mặc áo vải, nơi nào có giảng kinh đều đến tham học. Lúc lớn tuổi, cư sĩ chuyên tu Niệm Phật tam muội, có trứ tác quyển Tịnh Độ Tự Tính Lục, tự làm lời tựa rằng:

“... Chỗ nhiệm mầu đặc biệt về pháp môn Tịnh Độ, mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy, có thể dùng một lời để tổng quát là: "Đưa chúng sanh từ địa vị phàm phu, vượt tít lên ngôi Bất thối chuyển!". Tại sao thế? Ở cõi này tu hành khi chúng bậc Sơ tín của Viên giáo, hoặc ngôi Sơ quả của Tiểu thừa, thì tà kiến là tam độc mới vĩnh viễn không sanh khởi. Đó là cảnh giới Đoạn hoặc phát ngộ (Nghiệp mê làm tiêu dứt, phát sanh sự tỉnh sáng), thẳng vào dòng Thánh, dù chuyển kiếp cũng không mê lạc chỗ sở chứng. Địa vị này siêu khởi bốn ác thú (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Tu la), chẳng mất thân Trời, Người. Còn tất cả hàng phàm phu, dù là bậc Sơ tâm Bồ Tát tu đến địa vị Phục hoặc phát ngộ (Nghiệp mê làm chìm lắng xuống Tầng thức, phát sanh sự tỉnh sáng), một phen trải qua cảnh biến chuyển phi thường của sự sống chết, liền quên mất chỗ sở chứng sở tu. Cho nên hạng người này, gặp cảnh duyên có thể bị thối chuyển và đọa lạc tam đồ.

Riêng cõi Phạm thánh đồng cư Tịnh Độ ở cõi Cực Lạc, tuy cũng đủ giai tầng của tam giới, song chỉ có hàng Nhơn, Thiên. Thế nên tất cả loài hàm thức sanh về đó, đều từ hẳn bốn thú, thoát khỏi luân hồi. Lại thêm trợ duyên đầy đủ, thọ số vô cùng, nên dù là kẻ độn căn, một kiếp tu hành, đều thành Thánh quả. Thế thì làm sao lại có sự thối chuyển được? Bản ý khuyên, khen của chư Phật, chẳng qua cũng chỉ như thế. Nếu bậc thượng căn phát tâm chuyên niệm Phật, đó là tịnh nghiệp tối thượng, sẽ dự vào phẩm cao. Như hàng tối dốt quê mùa, nếu biết chí thành niệm Phật phát nguyện, thì không ai chẳng được vãng sanh cả.

Than ôi! Xét nghĩ qua môn Tịnh Độ, thì biết Phật không bỏ sót một chúng sanh nào! Những hạng giữ cái không si mê, bắt chước hạnh vô ngại, rồi tự cao tự đại muốn ngăn dứt sự niệm Phật của kẻ khác, há chẳng đáng thương xót lắm ư?”.

Vào đầu đêm ngày Đinh Mão, tháng tư, năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, hương lạ bỗng lan đầy nhà. Cư sĩ nhìn hàng học pháp là sa môn Tư Tề, bảo rằng: "Đây là tịnh nghiệp của lão phu chiêu cảm vậy!". Nói xong, tấm gội thay y phục, ngồi ngay hướng về Tây chấp tay mà vãng sanh. Khi làm lễ thiêu hóa, được xá lợi bằng hột lúa một trăm lẻ tám viên.

VƯƠNG NHỰT HỮU

Cư sĩ Vương Nhựt Hưu, tự Hư Trung, người ở Lu Châu. Triều vua Cao Tôn đời Tống, ông thi đỗ quốc học tiến sĩ, nhưng khước từ quan chức, về ở ẩn nơi quê nhà mà dạy học trò. Kế đó lại xếp bỏ việc giáo huấn, ăn chay trường, mặc áo vải, chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày cư sĩ khóa lễ Phật một ngàn lạy rồi niệm hồng danh. Ông có trứ tác tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, được lưu hành rộng nơi đời. Trong ấy lời lẽ giản dị, bao gồm nhiều thí dụ, khuyên hóa từ bậc vương công, quan liêu, sĩ tử, cho đến hàng thứ dân, đồ tể, nô tỳ, xường kỹ, đều quy y niệm Phật. Cách lập luận của cư sĩ rất rõ ràng, tâm ý rất thành khẩn, khiến cho nhiều người cảm hóa tuân hành.

Năm Quý Tỵ trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bặc ở Lu Lăng đau bệnh nguy ngập, mộng thấy một vị tự xưng là Long Thơ cư sĩ, bảo rằng: "Khi thức dậy người nên dùng cháo trắng, sẽ được an lành. Người còn nhớ một thiện hữu là Khuyết Trọng Nhã đã khuyên về lối tu thẳng tắt chẵn?". Ngạn Bặc thưa: "Văn bối đã tuân hành theo, mỗi ngày đều có niệm Phật!". Sau khi thức giấc, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bệnh thuyên giảm. Ngạn Bặc liền dạy các con đến tìm Vương Nhựt Hưu để thọ huấn. Không bao lâu, các con trở về thưa:

-Long Thơ cư sĩ đã vãng sanh về Phật quốc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu hành, bảo mình sắp đi xa, không còn

gặp nhau nữa. Tới ngày ông cho họp các môn sanh cũ lại giáo huấn, rồi khóa tụng như lệ thường. Đến canh ba, cư sĩ bỗng to tiếng niệm Phật vài câu, bảo: "Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi!". Rồi đứng ngay thẳng mà hóa...

Lý Ngạn Bạc thấy bức chơn dung của Vương Nhựt Hưu do các con mượn đem về, giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng, sanh lòng cảm kích, liền rước thợ khắc hình tượng Long Thơ cư sĩ, lại đem việc ấy truyền bá xa gần. Từ đó hàng thiện tín ở vùng Lư Lăng đều phát tâm niệm Phật.

Trong năm Hàm Hựu, có ông Lữ Nguyên Ích khắc lại bản Long Thơ Tịnh Độ Văn. Khi khắc đến thiên Chúc Nguyễn, nơi bản bỗng nổi lên ba viên ngọc xá lợi. Chú của ông là Lý Sư Thuyết có ghi chép việc ấy đặt ở đầu thiên này.

DIÊM BAN VINH

Cư sĩ Diêm Ban Vinh, người đời Tống, ở Trì Châu, huyện Thanh Dương. Đến tuổi trung niên, ông có duyên lành gặp một vị tăng khuyển trì chú vãng sanh và niệm Phật. Từ đó, cư sĩ phát tâm quy y, ăn chay trường, mỗi ngày hướng về Tây Phương tụng chú 1080 biến. Ông lại khuyển con cái trong nhà, đều đồng thanh trì chú niệm Phật theo. Trải hơn hai mươi năm, mỗi ngày đều khóa tụng y như thế.

Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu, vào ngày mừng một tháng giêng, sau khi xem kinh Đại Bát Niết Bàn vừa xong, cư sĩ than rằng: "Kiếp người như huyễn mộng, ta còn luyến tiếc làm chi?". Do đó niệm giải thoát càng thêm tha thiết! Đến ngày mừng một tháng ba năm ấy, người trong nhà nghe mùi hương lạ lan tỏa bát ngát trọn ngày không tan. Các con của cư sĩ đều mộng thấy đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn, soi khắp nhà cửa thành sắc hoàng kim. Năm hôm sau vào lúc khuya, Ban Vinh thức dậy trì niệm theo thường lệ. Khóa tụng xong, ông nhìn người nhà bảo: "Ngày hôm nay ta sẽ đi. Nên dè dặt đừng khuấy động làm mất chánh niệm của ta". Nói xong, ngồi kiết già day mặt về Tây nhắm mắt thâm trì tụng. Đến quá ngộ, bỗng đứng lên nói: "Ta đi đây!". Rồi thong thả tiến vài bước, hai tay kiết ấn, mỉm cười mà qua đời.

DƯƠNG GIA VỸ

Cư sĩ Dương Gia Vỹ, tự Bang Hoa, quê ở Kiết An, huyện Thái Hòa, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Vạn Lịch đời nhà Minh.

Thuở bé ông hiếu học, xem rất nhiều kinh sách, kể đó, lưu tâm nghiên cứu về nội điển nhà Phật. Năm 13 tuổi, cư sĩ giữ giới Bát sát rất nghiêm, không dám làm tổn thương đến loài ruồi muỗi, rận rệp. Đến hơn 20 tuổi, vào trường Quốc tử giám ở Nam Kinh. Không bao lâu, cư sĩ mang

bịnh, mộng thấy xuống cảnh địa ngục, tham lễ Địa Tạng Bồ Tát ở điện Minh Vương. Sau đêm ấy, ông mua vật mạng phóng sanh, thỉnh chư tăng tụng kinh siêu độ phân âm, riêng mình thì chuyên trì danh hiệu Phật.

Được ít lâu, một hôm cư sĩ bảo người nhà rằng: "Tôi sắp về Tây Phương. Trước mắt tôi, hoa sen xanh to lớn hiện ra, phóng quang rực rỡ. Đó há không phải là thắng tướng ở Tịnh Độ ư?" Từ giờ phút đó, ông niệm Phật không dứt. Đến tối bảo kẻ phục dịch tắt hết đèn đuốc, nói: "Tôi thường ở trong ánh đại quang minh, chẳng cần ánh sáng thế gian". Người xung quanh hỏi: "Có thấy tướng trạng chi chằng?" Cư sĩ đáp: "Cảnh hoa sen bốn sắc nơi bảo trì hiện rõ ràng trước mặt!". Lại hỏi: "Có được thấy Phật không?" Đáp: "Đức A Di Đà hiện thân cao ngàn trượng, tướng tốt rực rỡ trang nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân cao bằng Phật. Chỉ không thấy đức Đại Thế Chí mà thôi!" Nói xong bỗng lộ vẻ vui mừng, đứng lên đốt hương, bảo: "Công đức kinh A Di Đà bất khả thuyết bất khả thuyết! Tôi đã được sanh về Thượng phẩm!" Rồi chấp tay yên lặng mà hóa.

CỔ NGUYÊN

Cổ Nguyên, tự Thanh Phủ, hiệu Bảo Tràng cư sĩ, quê ở Ứng Thiên, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh. Thuở thiếu thời tánh ông hào sảng, văn thi hay, hội

họa khéo, chữ viết cứng đẹp, được nhiều người cậy nhờ mền chuộng. Nhưng đến năm 40 tuổi, ông bỏ hết tập nghề cũ, dứt hẳn rượu thịt, tạo một gian lều nhỏ, thường ở trên đó tinh tu về thiền quán. Bên mình chỉ có một tiểu đồng để sai khiến, hàng phụ nữ và người nhà ít khi được thấy mặt ông.

Mỗi đêm cứ vào canh năm, cư sĩ đánh mõ lớn tiếng niệm Phật. Ở trong xóm có anh đồ tể, mỗi khi nghe tiếng mõ thì thức dậy giết heo. Một hôm anh say rượu dậy trễ, giận hờn trách vợ. Người vợ bảo: "Ông không nghe tiếng đánh mõ niệm Phật của vị tu hành kia sao? Tự mình không biết tội, còn giận trách tôi là thế nào?" Anh đồ tể ngạc nhiên như sự tĩnh, từ đó dẹp bỏ con dao sát sanh, lo làm lành niệm Phật. Nhiều bạn đồng nghiệp của anh cũng noi theo gương đó mà đổi nghề. Cố Nguyên vẫn quen thân với Vân Cốc thiền sư ở chùa Thê Hà, cùng nhau kết bạn sen cầu sanh về Cực Lạc. Một ngày nọ, Hám Sơn Đức Thanh đại sư đến Thê Hà chơi, thấy một vị mặc áo tràng đi ngang qua, tướng nhàn nhã như chim hạc, đôi mắt nhìn thẳng không chớp động, dường như quên hẳn ngoại vật thế trần. Người ấy vào điện Phật, lễ tháp Xá lợi, rồi đứng yên cháp tay chiêm ngưỡng. Giây phút nơi đánh tháp bỗng hiện ánh sáng năm sắc rực rỡ trong suốt. Hám Sơn đại sư lấy làm lạ, đem hỏi ngài Vân Cốc, thiền sư nói: "Đó là Bảo Tràng cư sĩ. Ông ta đang vào pháp Tây Phương Quán đây!".

Sau Cổ Nguyên cảm bệnh nhẹ, thỉnh vài vị tăng đến cùng niệm Phật. Sau thời khóa, nội nhân của ông chạy lên nói: "Hiện thời mùi hương sen thơm đầy cả nhà!" Chúng đều kinh lạ mừng rỡ. Cư sĩ vẫn điềm nhiên bảo: "Hơn nửa tháng nay tôi đã ngồi trên đài liên hoa, thấy chơn thân của đức A Di Đà khắp hư không, thế giới đều thành kim sắc. Phật tươi cười nhìn xuống và lấy áo cà sa phủ trên đầu tôi. Như thế quyết định tôi sẽ được sanh về Cực Lạc!". Mấy người con sa nước mắt thưa: "Cha về Tây Phương là điều vạn hạnh, còn bọn chúng con sẽ ra thế nào?" Cư sĩ mỉm cười bảo: "Các con nghĩ rằng ta chết thật ư? Há chẳng thấy mặt trời chìm xuống phương Tây rồi mọc trở lại phương Đông, như thế đâu phải là lặn mất".

Rồi cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Đến thời, cư sĩ tắm gội thay y phục, ngồi kiết già mà thoát hóa. Mùi hương sen sực nức cả trong ngoài, ba ngày mới tan hết.

TRƯƠNG THỦ ƯỚC

Cư sĩ Trương Thủ Ước, người đời Minh, huyện Tú Thủy, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo mà ưa bố thí, hằng dùng trăm ngàn phương tiện khuyến gọi các vị đạo tâm rộng làm việc lợi ích.

Lúc lớn tuổi, ông tạ tuyệt duyên đời, bữa cháo bữa rau, mỗi ngày thường chuyên niệm Phật. Cư sĩ từng phỏng theo

ngài Hàn Sơn, làm 300 bài thi, khuyến tấn mọi người quy hướng về Tịnh Độ. Xin lược trích mấy bài như sau:

Cao cả nguyện Di Đà,
Rộng mầu môn Niệm Phật.
Muôn kiếp khổ luân hồi,
Đời nay mới tường tất.
Nên sanh tướng khó gặp,
Dè chớ mê lạc mất.
Niệm niệm cầu vãng sanh,
Tâm tâm quý chuyên nhất.

Hôm qua đến nhà Phật,
Niệm niệm lòng sâu thiết!
Ngày nay ở nhà lửa,
Tâm phiền rối bận việc.
Nếu chẳng vững đạo căn,
Khó khỏi chìm mê kiếp.
Cho nên bậc hiền xưa,
Ở non tu tịnh nghiệp.

Cõi tạm gởi huyễn thân,
Tùy duyên mọi việc tất.
Không vương nửa điếm trần,
Chỉ niệm một câu Phật.
Tánh mềm dịu tợ bông,

Nguyện cứng bền như sắt.
Nếu theo việc vẫn vợ,
Đáy nước tìm trăng thật.

Thượng phẩm thấy Phật sớm,
Hạ phẩm thấy Phật chầy.
Sớm chầy tuy sai khác,
Duyên trần đã thoát ly.
Tham thiền ngại chấp tướng,
Niệm Phật quý dứt nghi.
Xác thật có Tịnh Độ,
Xác thật có Liên trì!

Bảy chục xưa nay ít,
Trước mắt chẳng nhiều ngày!
Phải mau cầu giải thoát,
Tìm gởi chất liên thai.
Ngang trái cho ngang trái,
Vạy ngay mặc vạy ngay.
Đâu rảnh đôi kẻ xấu,
Phân biệt phải cùng sai.

Vợ Thủ Ước là Đào thị, từ khi về nhà chồng, mỗi ngày cũng tụng kinh niệm Phật. Khi ông đến non Phổ Đà lễ Quán Âm đại sĩ, Đào thị bảo hai con rằng: "Mẹ bình nhứt tu trì đã tỏ ngộ tông chỉ 'Tâm này làm Phật, tâm này là

Phật'. Ngày nay Ta Bà duyên mãn, mẹ sắp về cảnh Tịnh Độ an vui!". Nói xong, ngời niệm Phật mà hóa. Hôm sau Thủ Ước về đến nhà thì việc tân liệm đã xong. Bỗng trên nắp hòm của Đào thị mọc lên năm cánh sen màu xanh. Mọi người đều ngợi khen kinh lạ.

Về sau, Thủ Ước cũng được thoát ứng khi lâm chung.

HOÀNG THỪA HUỆ

Cư sĩ Hoàng Thừa Huệ, tự Ngươn Phù, quê ở Tiền Đường tại Hàng Châu. Ông tánh tình khảng khái, thờ mẹ có hiếu, lại ưa hạnh bố thí. Hàng lân lý kẻ rét không áo, liền cởi áo mình trao cho. Gặp người nghèo đói, trút hết tiền trong túi giúp đỡ. Em vợ là Văn Khải Sơ lấy làm lạ về tiết hạnh thanh khổ của anh rể mình, hướng dẫn đến chùa Vân Thê. Thừa Huệ dùng lễ đệ tử ra mắt, được Liên Trì đại sư quy y cho, và đặt pháp danh là Tịnh Minh.

Sau cư sĩ mang bệnh thổ huyết trải 3 năm không lành. Lúc đau nặng, Văn Khải Sơ đến thăm, khuyên niệm Phật. Đang lúc quá thống khổ, ông chưa tỉnh ngộ. Khải Sơ lớn tiếng bảo: "Lúc anh nhắm mắt rồi, cái biết đau đớn hiện tại ở nơi đâu?" Thừa Huệ kinh sợ hỏi: "Vậy phải làm thế nào?" Khải Sơ đáp: "Không chi hơn niệm Phật!" Hỏi: "Em bảo niệm đức A Di Đà ở Tây Phương hay Phật A Di Đà tự tánh?" Đáp: "Anh cho hai phương diện ấy là khác nhau?" Cư sĩ chợt như tỉnh ngộ, điềm đầu. Khải Sơ thỉnh Huệ

Văn pháp sư đến, trần thiết tượng Phật, xin vì anh nói nhân duyên Tịnh Độ. Thừa Huệ nghe xong vui vẻ, nhờ pháp sư xuống tóc và truyền giới sa di cho mình. Đoạn ông dứt trừ tất cả sự tiếp xúc, chuyên niệm Phật. Kế lại thâm tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong 7 ngày. Khóa tụng vừa xong, người trong nhà đều nghe mùi hương sen bát ngát. Ông mỉm cười nói kệ rằng:

Một vật không đem đến,

Một vật chẳng đem đi.

Trên đánh non cao vàng nguyệt sáng,

Là chân diện mục tánh A Di!

Kế lại bảo người nhà sắm đồ chay cúng Phật, và thỉnh chư tăng đến tụng kinh. Khi chúng tăng tụng kinh niệm Phật rồi đọc đến bài văn phát nguyện, câu: "Đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, duỗi tay dắt dìu..." Thừa Huệ bỗng vui vẻ ngồi dậy nghiêm chỉnh, chăm chú nhìn tượng Phật mà qua đời.

VĂN KHẢI SƠ

Cư sĩ Văn Khải Sơ, tự Tử Dư, pháp danh Đại Thành, người đời Minh, cùng Hoàng Thừa Huệ đồng hương lý. Thuở bé ông hay đau yếu, chí muốn thoát sự sống chết luân hồi, đến chùa Vân Khê thọ pháp môn Niệm Phật.

Khi Liên Trì đại sư thị tịch, ngài Hám Sơn tới điều, Khải Sơ làm lễ bạch rằng: "Con nguyện xin xuống tóc làm

đệ tử xuất gia". Hám Sơn đại sư bảo: "Thân tứ đại không thể bó buộc Phật tánh, râu tóc há làm chướng ngại được ư? Huông chi người còn lão thân tại nhà, việc ấy chưa thể được". Khải Sơ nghe nói mới thôi. Không bao lâu cư sĩ lâm bệnh, bảo mọi người rằng: "Tôi sẽ thẳng về Tây Phương, bệnh không đáng ngại". Khi bệnh quá nặng, thần chí hôn mê không thể tự chủ, ông cả sợ, vội bảo người nhà thỉnh chư tăng đến trợ niệm. Trải qua một ngày, vẫn hôn loạn như cũ. Khải Sơ quả quyết bảo: "Cội gốc sanh tử, không phải người khác nhờ cho ta được!". Liên bảo nấu nước, gượng trở dậy tắm gội thay y phục, đối trước Phật đốt liêu hương nơi cánh tay, khóc cầu sám hối. Cư sĩ chí thành sám lễ như thế suốt đêm, như quên mọi mệt.

Nhờ công đức sám hối ấy, đến sáng thần chí an định, cảnh Tịnh Độ hiện tiền. Cư sĩ nhờ chư tăng xuống tóc, rồi đắp y ca sa, từ biệt mọi người, niệm Phật mà qua đời. Đức Thanh đại sư nghe chuyện ấy, than thở khen ngợi rằng: "Dũng mãnh thay Văn Sinh, có thể gọi là bậc liệt trượng phu vậy!".

CHÂU LỘ

Cư sĩ Châu Lộ, tự Bạch Dân, vốn hàng Chư sanh ở Ngô Giang. Ông là bậc danh tài, không may cha mẹ mất sớm, liền bỏ khoa cử theo học thuật trường sanh. Sau có duyên tham phỏng với Liên Trì đại sư, hiểu được Phật pháp, lại

chuyển sang niệm Phật cầu về Tịnh Độ. Khi đại sư viên tịch, cư sĩ nhân đến chùa Vân Thê lễ tháp của ngài, liền làm bài kệ rằng:

Thuở trước viếng đại sư,
Hỏi tham thiên, niệm Phật.
Phải chăng dung thông được?
Ngài liền ứng khẩu đáp:
Nếu Thiên, Tịnh là hai,
Làm sao nói dung thông?
Lành thay một lời ấy,
Khiến người lòng vui đẹp!
Thường đem thuật với người,
Các nơi đều truyền thuyết.
Người niệm Phật không cùng,
Ý này cũng không tận.
Hội Linh Sơn chưa tan,
Lưỡi Liên Trì thường sống.
Cung kính làm kệ này,
Dâng cúng Vô phùng tháp.

Kế đó cư sĩ cùng bậc quyền danh là Vương Tại đi du ngoạn ở Kinh Sơn. Nơi đây ông dựng một tiểu hiên tạm cư ngụ để duyệt kinh Đại Bát Nhã. Sau về ở dưới ngọn Liên Hoa Phong tại Tô Châu, cùng vài vị sơn tăng tu môn Niệm Phật tam muội, tự hiệu là Tây Không cư sĩ. Lúc 80 tuổi,

ông dự biết trước ngày vãng sanh, viết kệ từ thế, rồi tắm gội thay y phục mà qua đời.

NGÔ MINH HỒNG

Cư sĩ Ngô Minh Hồng, tự Thúc Bảo, người đời Minh, quê ở Thái Thương. Ông gia thế dư dã, ưa bố thí, nhưng không thông hiểu Phật pháp.

Đến hơn 60 tuổi, một hôm ông bỗng tắm gội, đi từ biệt mọi người, rồi thỉnh Ấn Sư pháp sư ở chùa Long Phước đến truyền thọ tam quy ngũ giới cho mình. Sau khi thọ quy giới xong, ông ngồi xuống chắp tay hô lớn ba lần: "Mau thoát ly!". Rồi nhắm mắt mà qua đời. Khi người nhà còn đang vây quanh, cùng hàng xóm hay tin chạy tới thăm, cư sĩ bỗng mở mắt ra bảo: "Tôi vừa phát nguyện thoát ly trần thế, đồng mãnh thâm niệm A Di Đà Phật, thì cảnh Liên Hoa thế giới đã hiện ra trước mắt. Tự xét mình bình sanh không có tu hành chi, nay chỉ niệm Phật mấy câu, tại sao lại được quả báo thắng diệu như thế? Vậy xin khuyên các vị nên cố gắng tu hành!". Nói xong, bảo người nhà đem một chậu nước lại, soi mặt nhìn chăm chú vào trong.

Giây phút, bỗng như tỉnh ngộ, bảo: "Đời nay là Ngô Thúc Bảo, kiếp trước là Từ Hòa Thượng! Lành thay! Vui thay!". Rồi chắp tay niệm Phật mà mãn phần. Lúc ấy mùi hương lạ phát ra đầy nhà.

HOÀNG PHỦ SĨ PHƯƠNG

Hoàng Phủ Sĩ Phương, tự Tử Nghi, người ở Tiền Đường, gia thế chuyên nghề y sĩ. Lúc trẻ tuổi Sĩ Phương đọc quyển Long Thơ Tịnh Độ Văn, giật mình tỉnh ngộ, quy hướng về Phật pháp. Từ đó ông cùng Tư Tề đại sư làm bạn phương ngoại, đồng tu tịnh nghiệp. Bình thời cư sĩ viết về Tịnh Độ rất nhiều, nay xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"... Môn Tịnh Độ rất cao siêu mầu nhiệm, cũng rất giản dị dễ thật hành. Nếu kẻ nào phát tâm trì danh, cầu sanh về Cực Lạc, thì không luận sang hèn, trí ngu, nam nữ, trẻ già, đều được toại nguyện. Nhưng tiếc vì hàng phàm phu phần đông mê tối, căn trí thấp kém, nên sanh nhiều niệm do dự nghi nan. Đại khái như nghi: mình từ kiếp trước đến đời này, tạo nhiều nghiệp bất thiện, công phu niệm Phật chẳng bao nhiêu, mà cảnh Tịnh Độ lại quá mầu đẹp, e không đủ phước để vãng sanh. Họ không biết tánh của tội chướng từ vô thủy kiếp đến nay vốn hư giả. Nếu chuyên trì danh hiệu Phật, tất sẽ mau tiêu trừ những tội nặng trong nhiều kiếp sống chết. Ví như mây đen dù dày đặc, song gió lớn thổi liền tan. Và như gian nhà tuy tối, nhưng đèn đốt lên liền sáng. Mây đen với cảnh tối tăm vốn hư giả, nếu biết dùng gió mát và ánh sáng của tâm thanh tịnh mà niệm Phật, tất cảnh mây đen cùng tối tăm ấy sẽ tiêu trừ. Lại ví như tảng đá dù to, được thuyền chở có thể sang đến bờ bên kia. Và

tội lỗi dù nặng, quyền lực của hoàng ân có thể tha bổng. Sức tu hành của mình và sức nguyện của Phật đều rộng lớn, khó nghĩ bàn, đại để cũng như thế.

... Kẻ học Phật nông cạn, thường đọa lạc vào cái "không" thiên lệch, chấp theo lý mà bỏ sự. Họ cho rằng cõi Tịnh Độ là quyền thuyết, tâm thanh tịnh tức là Tịnh Độ. Họ chưa hiểu các kinh Đại Thừa đều nói ở mười phương có hằng sa vô biên cõi Phật. Tâm cùng các cõi chẳng phải một, chẳng phải khác, các cõi do tâm sanh, một tâm đủ các cõi. Cảnh diêu hữu mười phương tức là chân không, chân không là diêu hữu. Cõi Cực Lạc do công đức của tịnh tâm tạo thành, cõi Ta Bà do nghiệp trược ác của uế tâm hiển lộ. Cảnh Cực Lạc phương Tây cũng hiện hữu như cảnh Ta Bà phương Đông, đều ở trong thể rộng lớn của chân tâm, và cũng đều là hư danh, giả huyễn. Nghiệp ái luyến nặng thì đọa ở Ta Bà, tâm niệm Phật chuyên tất sanh về Cực Lạc. Tâm có nhớ sạch, thì tùy theo chỗ ứng hợp của nó mà sanh về. Như vàng trắng soi khắp các dòng nước, nước trong thì trắng tỏ, nước đục tất trắng mờ. Trắng ví như tâm bản lai, nước ví như các thế giới. Một tâm bao hàm muôn cõi, đừng nghĩ là có hay không, hư hoặc thật, bởi vì sự cùng lý xưa nay vốn viên dung không ngại..."

Cư sĩ có làm 12 bài theo điệu khúc để khuyến tấn người niệm Phật, gọi là Thập nhị thời tụng. Các bài ấy như sau:

Sáng sớm giờ Dần

Thường thời khóa tụng phải chuyên cần
Một khắc công phu môn Thập niệm
Hay siêu sanh tử thoát trầm luân.

Pháp ít có

Diệu khôn phân!

Vãng sanh toàn bởi tín làm nhân
Nếu như tin nhận không nghi hoặc
Là kẻ duyên sen đã có phần!

*

Nhứt hiện giờ Mão,
Sương sớm dễ tan, người dễ lão
Thử đem tính lại bạn quen thân
Mồ xanh nhiều kẻ chôn phương thảo

Sớm tu hành,

Mong đảm bảo!

Tác bóng trên châu giờ quý báu!
Khi nhàn chẳng chịu niệm Di Đà
Sao khỏi lâm chung nhiều áo nảo!

*

Nhứt lên giờ Thìn
Ở đời lựa xóm tựa người lành
Chớ hướng Trời, Người cầu phước báo
Phước tan sáu nẻo lạc loài thân!

Sanh Đạo Lợi

Làm Chuyên Luân

Tạm thời khoái lạc phải đâu chân?
Khắp khuyên niệm Phật về Tây cảnh
Vĩnh viễn tiêu dao thoát tục trần!

*

Bóng cao giờ Ty
Nấu cơm khói khắp nhà hèn quý
Mình ăn khỏi đói chính mình no
Mình tự tu trì khỏi sanh tử

Đạo cảm thông

Mầu vô tỷ!

Con mẹ nhớ nhau rồi toại chí
Đem hết thân tâm thấy Nguyễn Vương
Mười vạn - tác gang trong ý nghĩ.

*

Đứng bóng giờ Ngọ
Phật nhựt khắp nơi đều sáng tỏ.
Đường ngay bằng thẳng ít người đi
Cứ lồi quanh co tìm chịu khổ!

Không nói Thiên

Chẳng sánh Tổ

Niệm Phật mỗi câu hằng tự chủ
Thân hình tuy chữa thoát Ta Bà
Thức thần đã ở Liên Hoa độ.

*

Chên bóng giờ Mùi

Thân nhờ, cảnh ác có chi vui?
Nổi chìm lên xuống đã bao kiếp
Trong đục khôn phân chịu lập vùi!

Phải mạnh tiến

Chớ nhác lui!

Vô thường chợt đến cũng tay xuôi
Lông mày chữ "Chết" treo ngang mãi
Niệm Phật chừng ni mới biết mùi?

*

Xé bóng giờ Thân
Thương nổi kiếp sinh mãi chuyển vần!
Thân này chẳng tính đời nay độ
Còn đợi khi nào mới độ thân?

Tu kịp lúc

Chớ hện lần

Lâu dài ác đạo dễ trầm luân!
Ngàn Phật tuy thương khôn cứu vớt
Trần sa kiếp đọa khổ muôn phần.

*

Nhặt lặn giờ Dậu
Tàn dương sắp tắt màn đêm rữ
Tử sanh việc lớn biết chẳng ai?
Kẻ ngu tầm mắt nhìn gần gũi.

Luyện tiền tài

Thích trà rượu

Dong ruồi Đông Tây đâu biết đủ?
Bôn ba chẳng rảnh niệm Di Đà
Già chết kê bên đành thúc thủ!

*

Hoàng hôn giờ Tuất
Dĩa đèn le lói soi u thất
Lên giường từ biệt dép cùng giày
Hồn mộng mê mờ tối như mực
Gẫm thân người
Thương dễ mất!
Muốn thoát luân hồi mau niệm Phật
Vô biên tội chướng một thời tiêu
Phật huệ sáng như ngàn mặt nhật.

*

Cảnh yên giờ Hợi
Danh lợi sang giàu đâu vẫn mãi?
Giấc đẹp hoàng lương chữa tỉnh mơ
Ngàn năm ước tính dường si dại?
Chút dần dà
Thành trể nải!
Hơi thở chẳng vào nhiều kiếp hối!
Luống phụ Tây Phương đáng Nguyễn Vương
Tay vàng chờ đón ân sơn hải!

*

Nửa đêm giờ Tý

Đôi côi sạch như còn mộng寐
Lò khở Ta Bà chẳng luyện nung
Đâu tắt lửa lòng chán sanh tử?

Biết chán là

Phải dừng nghỉ!

Cảnh đẹp Liên Bang vui khó ví!
Nã phiền trước mắt bởi từ đâu?
Nẻo sáng trời Tây mau liệu lý.

*

Gà gáy giờ Sửu

Đã quyết về Tây nên khéo hiểu.

Cảnh khở là duyên giúp tiến tu

Miệng niệm tâm nghe rành Phật hiệu

Gác dở hay

Quên đủ thiếu!

An lòng biết đủ tùy duyên liệu

Hoa sen đâu mọc ở gò cao

Trong bùn sắc ngọc hương thanh nhiều!

Cư sĩ niệm Phật rất tinh tấn. Về sau ản tu, không biết sự
lâm chung như thế nào?

TRẦM BÌNH

Cư sĩ Trầm Bình, tự Kính Phù, người đời Thanh, quê ở Trường Châu. Năm 15 tuổi, ông mang bệnh suyễn. Qua 30 tuổi, bệnh thêm nặng, nhân phát tâm xuất trần, niệm Phật

tha thiết. Đến tuổi 50, bệnh càng tăng, từ tháng giêng đến tháng năm, chỉ còn một hơi thở thoi thóp. Thấy mình nghiệp nặng cái chết kề bên, ông bèn phát thệ trường trai.

Đồng bạn là Dương Quảng Văn đến thăm, dìu đỡ dậy, đọc kinh Kim Cang cho ông tụng theo. Quảng Văn ở lại ba ngày, Trầm Bính tăng lên mỗi bữa tụng được ba quyển. Như thế được nửa tháng, bệnh an lành. Từ đó về sau, mỗi ngày ông tụng ba quyển Kim Cang, kế tiếp niệm Phật. Lần lần thâm nhập, mỗi đêm ông thường ngồi tụng niệm đến sáng. Do đó bệnh suyễn dứt trừ, nhưng lưng còn hơi khom. Tu hành như thế được năm độ nắng mưa, đêm nọ trong khi đang ngồi, ông tự phát thệ: "Nếu chẳng thành chánh giác, nguyện không dừng nghỉ trên bước đường tu!". Phát thệ vừa xong, nơi xương sống bỗng phát lên một tiếng cụp, thân hình ngay thẳng như người thường. Kế đó, Trầm Bính đến thọ ngũ giới nơi ngài Lữ Đình Tế Hội. Cư sĩ thường nói: "Muôn pháp ở thế gian sanh diệt không dừng, duy chỉ có một câu A Di Đà Phật là chỗ nghỉ ngơi rất yên ổn. Công phu niệm Phật của tôi, trong khi bệnh lại càng đặc lực. Mặc cho cơn đau đốn dày vò, tôi cố gắng quên tất cả, chỉ còn giữ một câu niệm rành rẽ, rõ ràng, không từng lạc mất!".

Vào đầu tháng 11 năm Càn Long thứ 46, cư sĩ cảm bệnh nhẹ vài hôm. Đến ngày rằm, sớm mai ông thức dậy súc miệng rửa mặt xong, bệnh suyễn lại tái phát. Cư sĩ mặc áo tràng, ngồi kiết già day mặt về Tây, lâm râm niệm Phật. Bà

vợ thấy đau bịnh, tỏ vẻ lo lắng đứng một bên, ông khoát tay ra dấu bảo đi. Niệm được một lúc rồi lặng yên, người nhà coi lại thì cư sĩ đã mất phân. Trong tờ di chúc để lại, ông dặn nên tận liệm vào bảo khám và làm lễ trà tỳ như chur tăng. Vợ ông cũng trường trai niệm Phật, sau việc hậu sự của chồng, liền xuất gia làm ni.

VIÊN LIỆT TINH

Viên Liệt Tinh người ở Côn Sơn, thường ngụ nơi vùng Tây Khê tại Hàng Châu, nhân tự hiệu là Tây Khê cư sĩ. Thuở thành đồng, ông học tập về nghiệp khoa cử, một hôm nghe bà ngoại tụng kinh Kim Cang đến đoạn "Vô tứ tướng", liền có chỗ khế nhập.

Sau cư sĩ gặp Duyệt Sơn thiền sư, mỗi ngày tinh tấn tham cứu về đường lối hướng thượng. Vừa đầu Bạch Tung lão nhơn từ Tuyết Phong đến Côn Sơn, Liệt Tinh đôi ba phen tham khấu, ngộ suốt tánh bản lai, liền được truyền tâm ấn. Từ đó đạo phong của cư sĩ mỗi ngày một thịnh, tùy cơ tiếp dẫn, huệ biện không ngại, vừa đề xướng Nhứt thừa, lại kiêm hoằng Tịnh Độ. Bấy giờ ông thấy các đồng bọn, thích mến khô thiền, ưa tu tiên thuật, phần nhiều không tin Tịnh Độ, nên viết lời hiệu dụ rằng:

"Pháp môn Tịnh Độ tròn thông rộng lớn, từ trước đến nay tôi đã thâm tu mật chứng, nhưng không dám vội đem

nói với người. Đó là vì thời tiết chưa đến, nói ra e vô ích, chớ không phải cố ý giấu kín chỗ tu.

Bởi môn Niệm Phật là pháp tạng rất sâu của chư Phật, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật thuộc Nhị thừa còn có những kẻ không tin. Đó là do các vị ấy đã trụ cảnh Niết Bàn thanh tịnh, đã chứng thân thông diệu dụng, nhưng chỉ thấy biết trong phạm vi một cõi Đại thiên, nên không rõ biển đại trang nghiêm của Tịnh Độ hiện thành ở khắp mười phương. Cho nên chư Phật đã quở các vị cố chấp theo cảnh giới Nhị thừa là tà, là đọa vào hầm hố vô vi, là say men rượu tam muội! Rất đáng than thở cho người tu thiên đời nay, còn chưa đến được cảnh giới Niết Bàn thanh tịnh của Nhị thừa, mà vội bụng trống lòng cao, chưa đắc cho rằng đắc, chưa chứng cho là chứng. Trong lúc họ ngồi yên tĩnh đến chỗ sáu căn chưa động, lộ bày một chút quang cảnh, liền vội cho rằng mình đã tỏ ngộ. Rồi từ đó nghênh nghênh ngang ngang, chê bai Tịnh Độ, thật đáng thương xót!

Giả sử các vị ấy quả thật đại triệt đại ngộ, đã rời được chót mũi của bà mẹ bản lai, thử hỏi có đứng ngoài được bốn cảnh Tịnh Độ từ cõi Phạm Thành Đồng Cư đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ chăng? Nếu họ lập luận: "Dù biết được bốn cõi ấy, cũng gác bỏ qua một bên!". Nói như thế, chư vị ấy há không nhớ lời của bậc tôn túc là Mật Vân thiên sư đã bảo: "Các ông muốn gác bỏ qua một bên, quả

thật là điều: đối trước người si lại càng không thể tỏ ra việc mộng!". Cổ đức nói: "Kẻ tham thiền đời nay lấy sự thấu suốt pháp thân làm điều tất yếu, mà không biết thấu suốt rồi lại phải làm thế nào? Giả sử sau khi thấu suốt, còn thấy có một bóng dáng chi, cũng là cái bệnh!". Đại khái người tham thiền đời nay đều không thoát khỏi cảnh ma chướng sở tri nhỏ nhiệm, trở lại bác các hành giả Tịnh Độ là ngu dốt, chẳng cũng lầm lạc lắm ư!

Vả chẳng khắp cõi hư không có mười pháp giới, mà Tịnh Độ của chư Phật là pháp giới bậc nhất, nên chín giới kia đều nương về. Tu Tịnh Độ ở cõi người rất dễ, còn các cõi địa ngục, ngạ quỷ do nổi khổ bức bách, hoặc không biết danh hiệu Phật, nên khó thật hành. Chư Phật thương xót hằng dùng sức oai thần phóng ánh sáng thanh tịnh đến cứu độ, nhưng các chúng sanh ấy bị sức nghiệp che lấp, nên không nhìn thấy. Phải chờ đến khi nghiệp hết tâm khai, nghe biết và niệm được một câu Phật, thì cảnh địa ngục, ngạ quỷ mới liền biến thành cảnh thanh lương được. Còn loài Bàng sanh thì si mê tăm tối, hàng Tu la lại sân hận lẫy lừng, cũng khó trông thấy từ quang. Riêng hàng chư Thiên do thọ hưởng sự dục lạc rất thắng diệu, nên cũng khó tu môn Niệm Phật.

Nhưng xét kỹ lại, chẳng chịu tu môn Tịnh Độ, không chi hơn hàng Thiên tiên. Các vị ấy chẳng phải không biết Tịnh Độ là đẹp màu, nhưng họ đã được thân thông diệu

dụng, biến hóa bay đi, cùng tự tại ẩn hiện ra vào cảnh có hoặc không. Họ có thể phóng ra các thứ ánh sáng, huyền hiện các hình tượng chư Phật, Bồ Tát cùng các cảnh vật trang nghiêm. Do đó hàng Thiên tiên cho rằng sự vui ở Tịnh Độ chẳng qua cũng chỉ như thế nên không chịu hưởng về. Họ đâu biết rằng mình bị đọa vào huyền thức các cảnh giới giả hiện đều do tinh khí thần hòa hợp biến thành! Đức Phật đã bảo: Hàng Thiên tiên không tu theo chánh giác, chưa phải là vô vi, khi quả báo hết phải tùy nghiệp đọa vào các nẻo! Cảnh thiên chân vốn tự hiện thành, chẳng phải luyện mà được. Nếu tu luyện mà thành tức là có sanh, tất sẽ không tránh khỏi sự biến diệt. Nguyên tinh, nguyên khí chẳng ngoài nguyên thần, mà nguyên thần chính là tên riêng của nghiệp thức. Bậc đại trượng phu phải trở về tánh bản lai, dứt trừ thần thức, chém đứt mạng căn, tại sao lại tu luyện thành một thứ nguyên thần không ngoài vòng nghiệp thức? Có kẻ tuy luyện thành, đến nửa chừng năng lực suy kém, có khi chưa tới kiếp hỏa mà đã hoại trước. Dù có thể củng cố nguyên thần được bền lâu, nhưng lúc đại tai của kiếp lửa đến cũng bị tiêu tán. Bởi kiếp hỏa chẳng những phá thể hữu hình, mà cũng đốt cháy luôn thể vô hình. Đừng tự an ủi rằng: đạo ta như hư không, chẳng thể tiêu hoại! Phải biết hư không cũng là nghiệp thức huyền hiện, bậc chứng được đạo nhãn vô thượng mới soi thấu. Chư Thiên tiên dù có thể

hóa hiện các thứ thắng cảnh, nhưng kết cuộc chẳng được mười phần sáng suốt, và mười phần chánh đại. Đâu bằng chư Phật, Bồ Tát và tất cả chánh báo y báo ở Tịnh Độ đồng ở trong cảnh quang minh rực rỡ thấu suốt còn hơn trăm ngàn mặt trời? Những bậc tu theo Phật giáo khi đắc quả, thấy thời gian không gian đều như huyền, nên có thể hiện cõi Bảo Vương nơi một đầu lông, ngồi chuyển pháp luân ở trong điểm bụi. Cảnh giới ấy chẳng phải hàng Thiên tiên có thể sánh được trong muôn một. Cho nên người tin sâu môn Tịnh Độ mà chuyên tu, tức đã vượt hơn hàng Thiên tiên trăm ngàn ức lần. Nếu chưa thể dứt trừ quan niệm học tiên, chính là chưa phân biệt rõ sự chân giả lớn nhỏ giữa Phật và Tiên vậy.

Pháp môn Tịnh Độ là chỗ quy hướng của tất cả thánh hiền. Khi được sanh về Cực Lạc, tu phước huệ đầy đủ, rồi trở lại Ta Bà, gặp tiên độ tiên, gặp người độ người, gặp ma quỷ độ ma quỷ, cho đến gặp duyên ân oán đều có thể tế độ. Đó mới thật là năng sự của bậc đại trượng phu! Nếu các vị tin chắc môn Tịnh Độ mà quyết chí thật hành, thì hoa sen nơi ao báu ở Cực Lạc sẽ tươi nở ghi tên. Ngay trong hiện tại khi niệm Phật được thanh tịnh, thì tất cả cảnh đẹp, tiếng pháp, hương màu, vi diệu, ánh sáng, lý chân, đều tràn ngập cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của các vị. Chừng ấy ngay chính bản thân của chư vị đã thành một đấng Cổ Phật rồi đấy!".

Vào tháng hai, niên hiệu Khang Hy thứ năm mươi đời Thanh, cư sĩ niệm Phật rồi an lành vĩnh sanh ở am Bảo Thọ, hưởng được sáu mươi hai tuổi. Hàng môn nhơn kết hợp những di ngôn làm thành quyển Tây Khê Cư Sĩ Tập.

---o0o---

VƯƠNG CUNG

Cư sĩ Vương Cung, tự Lễ Ngôn, người đời Thanh, quê ở Thái Thương. Ông tánh điềm đạm ít thị dục, có văn tài nhưng phóng khoáng không thích nghiệp khoa cử. Cư sĩ cất nhà ở Nam viên thuộc về khu biệt dã của Văn Túc Công. Nơi đó trúc biếc thanh u, gộp đá chồng chất, hoa nở suối reo, cảnh trí sum nghiêm mát mẻ. Ông thường cùng các bạn tụ hội tại đây, uống rượu ngâm thi, lầy làm tự đắc.

Đến hơn 50 tuổi, ông bỏ việc ngâm vịnh, trường trai tu tịnh nghiệp, tự hiệu là Phá Hữu cư sĩ. Một đêm, ông mộng thấy đạo chơi cỡi Cục Lạc, thức dậy làm thi để lưu ký rằng:

Lòng tin đã chắc khỏi thương lượng,
Mộng đến Liên Bang cảnh lạ thường!
Đây các thiện nhơn bàn tánh tướng,
Kìa chư thiên tử rải hoa hương.
Cầm chim nhạc lưới nhiều thanh điệu,
Gác ngọc lầu châu thấy phóng quang.
Gang tác nguồn tiên từng chẳng cách,

Đừng cho lạc lối tiếc ngư lang!(1)

Tuyết Sơn lão tử khéo bi tình,
Chỉ điếm đường Tây rất bạch minh.
Vô trụ ngại chi nơi đây trụ,
Không sanh khéo đến cảnh này sanh.
Giống lành bẻ tục nhân gieo sấn,
Duyên đẹp trời sen quả tự thành.

Chuyên bước Đài Sơn về cõi ngọc, (2)

Dặm nghìn thôi chẳng hỏi Bồng, Dinh. (3)

Lúc bảy giờ cư sĩ đã 72 tuổi. Mùa hạ năm sau, ông nằm dưỡng bệnh nơi hiên Đàm Ảnh ở Nam viên. Trước hiên có ao sen, một cành hoa to chưa nở mọc lên cạnh mé gộp đá. Một hôm, hoa hướng về phía giường ông nằm mà khoe nở, sắc tươi đẹp hương thanh nhẹ. Hai ngày sau, cư sĩ niệm Phật như thường khóa. Niệm xong, kiết ấn mà qua đời, cành hoa cũng vừa rũ héo. Bảy giờ nhằm ngày mùng 8 tháng 5, niên hiệu Càn Long thứ 47.

Không bao lâu, có người ở Lưu Hà lập đàn cơ cầu tiên. Nhân dịp đó, con của Vương Cung đến hỏi thăm về tin tức của cha. Giây phút cơ động viết thành mấy chữ lớn: "Ta là Phá Hữu chủ nhơn đây!" Hỏi: "Nay cha ở đâu?" Đáp: "Việc trần tục đâu còn chi tưởng nhớ". Người con cố hỏi về việc nhà đôi ba lần, cơ đều đáp: "Nam Mô Phật!" Rồi yên lặng.

Ghi chú:

(1)Đời Tấn có chàng ngư phủ thấy nhiều cánh hoa đào tươi đẹp, từ một con suối trôi ra sông, liền bơi thuyền ngược dòng tìm. Đến nơi thấy một vùng non xanh nước biếc, hoa đào đua nở, lầu đài quang cảnh xinh đẹp khác tục trần. Hôm sau chàng lại tìm định dời nhà đến đó ở, thì lại lạc mất lối cũ, trong lòng lấy làm bàng hoàng mẩn tiếc. “Nguồn tiên” trong câu chuyện, ám chỉ cho cảnh Cực Lạc. Đây ý nói cõi Ta Bà và Cực Lạc đều ở trong thể chân tâm. Nếu niệm Phật thanh tịnh thì dung hòa vào chân tâm. Ta Bà và Cực Lạc không cách xa gang tấc. Như niệm Phật mà tâm còn vọng tưởng loạn động, tất sẽ lạc lối cách xa Cực Lạc, như chàng ngư phủ lạc lối Đào nguyên, mẩn tiếc cũng đã muộn!

(2)Cư sĩ La Đài Sơn tu Tịnh Độ, nhưng niệm trần còn, nguyện vãng sanh chưa chắc, nên chuyển kiếp trở lại hưởng sự phú quý. Ý nói mình tin nguyện chắc chắn, khác hẳn với Đài Sơn, giả sử hiện tại có gặp Đài Sơn mình cũng lôi kéo ông ta chuyển bước hướng về Cực Lạc.

(3)Bồng Đảo, Dinh Châu là cảnh đẹp của tiên. Ý nói mình đã biết cõi Cực Lạc đẹp màu ức bội phần hơn cảnh tiên, thì không cần chi tìm hỏi về cõi Bồng, Dinh xa xôi nghìn muôn dặm nữa!

TRƯỜNG CHUNG QUỲ

Trương Chung Quỳ, người đời Đường, nhà ở chợ Trường An, làm nghề giết gà bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy một vị mặc áo lụa đỏ, đuôi bầy gà đến, bảo: "Cho phép các ngươi báo thù!" Bầy gà liền xúm đến thi nhau mổ. Hai mắt và khắp mình Trương đều đổ máu. Chung Quỳ đau đớn chịu không nổi, rên siết kêu la. Người lân cận nghe biết, đều tụ đến nhìn xem, lộ sắc kinh hãi.

Vừa lúc ấy, có Sa môn Hoằng Đạo đi ngang qua, thấy chuyện huyền ảo, liền ghé vào, bày Thánh tượng, khuyên Chung Quỳ cấp thiết niệm Phật. Trương vâng lời, chấp tay chí tâm niệm lớn, bỗng nghe mùi thơm đầy nhà, bầy gà tan rã bỏ đi. Ông tiếp tục niệm một lúc, rồi ngồi ngay thẳng mà mãn phần.

TRƯƠNG THIÊN HÒA

Trương Thiên Hòa, người đời Đường, chuyên nghề giết trâu bò bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy loài thú ấy kéo đến đầy nhà, nói tiếng người rằng: "Mi đã giết chúng ta, hôm nay phải đền tội!" Thiên Hòa kinh hãi, vội gọi vợ mau tới chùa gần bên, thỉnh chư tăng hộ trợ.

Giây phút, một vị tăng đến, bảo rằng: "Kinh nói: Nếu có chúng sanh nào tạo nghiệp chẳng lành, sắp đọa ác đạo, nên chí tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật mười hơi. Như thế, trong mỗi câu hồng danh sẽ trừ được tội nặng trong 80 ức kiếp sống chết, liền được sanh về thế giới Cực Lạc!".

Thiện Hòa nói: "Tướng hỏa xa ở địa ngục đã hiện tới rất gấp! Mau đem hương lại đây!". Rồi không kịp bung lấy lư hương, sảng sốt tay trái bốc than lửa, tay mặt cầm hương đốt, xây mặt về Tây lớn tiếng niệm Phật. Trương vừa niệm hơn mười câu, bỗng reo lên nói: "Đức Phật A Di Đà hiện đến, đã trao tòa sen báu cho tôi!". Nói xong, liền qua đời.

KIM THÍCH

Kim Thích, người bình dân lam lũ, chưa rõ xuất xứ. Trước tiên ông chài lưới buôn bán cá để sinh nhai, sau tự giác ngộ sợ ác báo, đổi sang nghề khác. Kế tiếp, ông trường trai tu hành, mỗi ngày niệm Phật đủ muôn câu, không thêm bớt thay đổi.

Một hôm, Kim Thích bảo người nhà rằng: "Tôi đã thấy đức Phật A Di Đà cùng Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, và được cho biết sắp sanh về Cực Lạc!". Hôm sau lại nói: "Có hoa sen vàng từ hư không bay đến rước tôi!". Nói xong đốt hương ngồi ngay thẳng, rồi kiết ấn mà hóa. Lúc ấy tiếng nhạc thanh thoai dìu dặt nổi lên giữa hư không, hương lạ bát ngát trọn ngày không tan.

Bấy giờ nhằm niên hiệu Chánh Hòa thứ 6 đời Tống.

PHÙNG MÂN

Phùng Mân, người đời Tống, ở xứ Thượng Ngu, thuở bé thích võ nghệ, lớn lên ưa săn bắn. Vùng ấy ở gần rừng

núi, có con rắn cực to thỉnh thoảng bò ra ăn thịt gia súc, dân làng đều nơm nớp lo sợ.

Phùng Mân lập thể bắn giết được ác xà, nhưng từ đó rắn thường hiện hình tác quái làm cho trong nhà không yên. Ông lo ngại nó báo thù nên nương về Phật pháp, sám hối làm lành, và chuyên tâm niệm Phật. Tu hành như thế được mười năm, một đêm nọ ông mời nhiều bạn đồng tu đến nhà cùng tụng kinh A Di Đà và niệm Phật.

Khi tụng đến bài sám Phổ Hiền, tiếp qua kệ nguyện vãng sanh, ông ngồi ngay thẳng chấp tay nhắm mắt mà qua đời.

NGÔ QUỲNH

Ngô Quỳnh, người trong hạng thường dân, chưa được rõ xuất xứ. Trước tiên ông xuất gia làm tăng, rồi hoàn tục đi nấu bếp cho người. Mỗi khi xắt thịt, miệng ông xưng Phật hiệu không ngớt và thường dạy người trong làng tụng kinh tu sám, niệm A Di Đà Phật.

Về sau, dưới mí mắt Ngô Quỳnh đột nhiên sanh một bướu bọc lớn bằng trứng gà. Ông kinh sợ, giao tất cả việc nhà cho vợ con, rồi cất một túp am tranh, ngày đêm chuyên niệm Phật. Mùa thu năm Thiệu Hưng thứ 23 đời Tống, ông đi khắp nơi thăm viếng và bảo người trong làng rằng: "Ngày mai vào giờ Tuất, Ngô Quỳnh sẽ về Tây

Phương!" Mọi người nghe nói đều cười. Chiều tối hôm sau, ông lại đi mời các bạn đồng tu, nói: "Đã sắp đến giờ vãng sanh, xin hoan hỷ tới trợ niệm cho tôi!" Khi các đạo hữu tề tựu, ông mặc áo vải, vòng tay từ giã mọi người, kể rót rượu ra chén bung uống hết, rồi viết bài kệ lưu lại như sau:

Nâng chén rượu không không,

Còn hỏi chi Thiên tông?

Ngày nay xin trân trọng,

Gió mát lại trăng trong!

Viết xong, ngồi kiết già ngay thẳng, chấp tay niệm Phật. Các đạo hữu cũng đồng niệm theo. Độ giây phút, ông bỗng to tiếng nói: "Đức Phật A Di Đà đã đến!" Liên nhắm mắt mà thoát hóa.

HOÀNG SANH

Hoàng Sanh, người đời Tống, quê ở Đàm Châu. Gia thế vốn nghèo, ông làm nghề thợ rèn để sanh sống.

Một hôm có vị tăng đến nhà khát thực. Ông vội vã mời ngồi uống nước, và đem thức ăn ra cúng dường. Vị tăng thấy là người hảo tâm, khuyên niệm Phật tu hành. Ông thưa: "Con làm nghề này, từ hừng sáng đã thức dậy, kéo lửa đập sắt đến tối mịt, gân sức mỗi mòn, còn thì giờ và năng lực đâu để tu niệm?" Vị tăng bảo: "Không ngại chi, việc tu hành phải tùy phương tiện. Trong mỗi cử động khi kéo ống thổi lửa và đập sắt, ông niệm một câu Nam Mô A

Di Đà Phật. Mỗi ngày cứ hành trì như thế, cũng là một cách thức tu niệm, và sẽ được Phật tiếp dẫn về Tây Phương". Hoàng Sanh nghe qua vui vẻ, từ đó y theo lời dạy mà tuân hành.

Một ngày nọ, ông mời người bạn quen nhà lân cận đến, đọc bài kệ như sau, bảo ghi chép:

Cong cong cang cang,
Luyện lâu thành gang.
Thái bình kê cận,
Ta về Tây Phang!

Người bạn biên xong, ông lại bảo: "Xin lưu bố bài kệ này, để khuyên mọi người tu hành". Nói xong chấp tay niệm Phật ít câu, rồi nhắm mắt mà vãng sanh.

NGÔ MAO

Ngô Mao nguyên là đứa ở của một thế gia cũng họ Ngô tại Thanh Dương, nên được người xung quanh gọi là Tiểu Ngô. Bình thời, Tiểu Ngô ăn chay trường niệm Phật làm lành, và rất trung thành với chủ. Lúc làm công việc, miệng cũng lâm râm niệm Phật không dứt.

Khi binh của Tả Lương Ngọc tràn qua sông đến Thanh Dương, cả nhà họ Ngô đều bỏ trốn đi, chỉ để một mình Tiểu Ngô ở lại gìn giữ. Binh giặc đến nơi cướp bóc lục soát, bắt Tiểu Ngô tra hỏi, rồi đâm 7 thương giết chết. Giặc kéo đi hết nhà chủ trở về thấy Tiểu Ngô bị đâm chết, cho

mời người anh lại để làm bằng chứng. Khi người anh đến, Ngô Mao bỗng tỉnh lại nói: "Tôi vì ác nghiệp đời trước, đáng lẽ phải chuyển kiếp làm thân heo 7 lần. Nhưng nhờ đời này biết trai giới niệm Phật, nên chỉ chịu 7 thương để trả xong 7 kiếp làm heo. Hiện thời, Phật A Di Đà đứng chờ ở hư không để tiếp dẫn tôi về Tây Phương". Nói xong, chấp tay nhắm mắt mà vãng sanh.

Việc này ở vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị đời Thanh.

VƯƠNG NGƯỠNG TUYỀN

Vương Ngưỡng Tuyền, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu, làm nghề giết dê bán thịt. Trong thời gian hành nghề, ông giết dê rất nhiều, không biết số là bao nhiêu.

Về sau Ngưỡng Tuyền đau bệnh, thấy bầy dê đến đòi mạng, đứng chật cả trong ngoài. Khi bệnh lành, ông quá sợ hãi, liền đổi nghề, trường trai thờ Phật. Từ đó Ngưỡng Tuyền ngày đêm tụng kinh Kim Cang đủ số ba tạng (1500 biến), rồi tiếp sang lễ bái kinh Pháp Hoa và chuyên niệm Phật.

Lúc được tám mươi một tuổi, ông thấy quỷ sứ tới đòi lôi xuống Minh ty đối chất về vụ án mạng, liền kháng cự rằng:

- Đợi Phật đến tôi mới đi!

Rồi chấp tay niệm Phật chí thiết suốt cả ngày đêm. Đến năm hôm sau, Ngưỡng Tuyên thấy Phật A Di Đà hiện thân cao lớn giữa hư không, duỗi tay xuống tiếp dẫn. Ông thuật lại cho người nhà biết, rồi chấp tay vui vẻ mà qua đời.

---o0o---

LƯƠNG DUY CHÂU

Lương Duy Châu, quê ở Thiệu Hưng, làm người chấp sự tại am Long Đàm. Đến 40 tuổi, ông mù cả đôi mắt, không còn làm việc để sanh sống được, muốn tự tử.

Có vị tăng ở trong am khuyên ngăn rằng: "Buồn phiền mà chết như thế, chỉ thêm nghiệp chớ không được giải thoát. Ở thế giới Cực Lạc phương Tây có đức Phật hiệu A Di Đà. Nếu ông chí tâm thường trì niệm hồng danh, thì sẽ vĩnh viễn thoát khổ, sanh về cõi an vui. Vậy sự đui mù có chi mà đáng ngại? Như ông chịu làm y theo lời, tôi nguyện xin khát thực để giúp đỡ!" Duy Châu cảm tạ, nguyện xin tuân hành.

Ông chí thiết niệm Phật được 3 năm, đôi mắt bỗng nhiên sáng lại. Hơn nửa tháng sau, ông bảo chúng rằng: "Tôi sắp đi xa!" Qua ba hôm, vào giờ Ngọ, Duy Châu ngồi chấp tay day mặt về Tây niệm Phật mà thoát hóa. Lúc ấy nhằm năm Càn Long thứ 38.

Lời bình:

Từ truyện Trương Chung Quý đến đây, hoặc bởi những người không quy y Tam Bảo, hoặc do sự hiện tích có vẻ ly kỳ, nên soạn giả không sắp vào hàng tứ chúng, mà liệt vào hạng tạp lưu vãng sanh.

Cảnh luân nghiệp quả đáng bi thương, kiếp phù sinh vẫn như mộng huyễn. Bao nhiêu nỗi khổ vui, vinh nhục, đắc thất đã trải qua: việc lo toan về bản thân, gia đình, xã hội chưa thấy ổn, mà cái chết đã kề cận một bên rồi! Môn Niệm Phật đối với người tại gia rất cần thiết! Bởi thân đắm vào lò lửa trọc trần, tâm chìm trong ngục tù phiền não, khi một hơi thở chẳng vào thì nghiệp tam đồ kế tiếp. Nếu không nhờ sức Phật, làm sao đối địch nổi với cảnh này? Với những kẻ tạo nghiệp chẳng lành đang bị ác báo, thì công đức của Phật hiệu, sự hộ trì của tha lực lại càng khẩn yếu. Đại khái như Chung Quý và Duy Châu, nếu chẳng nhờ một câu hồng danh thì làm sao được giải thoát? Thế mới biết bi nguyện của Phật thật vô cùng rộng sâu, chẳng bỏ sót một chúng sanh nào cả!

---o0o---

XÓA SẠCH DUYÊN TRẦN

(Phóng dịch "Thất Bút Câu" của ngài Liên Trì)

I. XÓA SỰ HIẾU DƯỠNG THEO ĐỜI

Công ơn sanh dưỡng
Biển thăm non cao
Gấm vóc trần tu đáp được nào?
Cha mẹ lìa trần cầu
Đạo con mới thành tựu
Ôi chà chà!
Giải thoát xuất trần nhân lớn lao
Phàm tình đâu đã hiểu!
Cháu hiền cùng con thảo
Chân không, lễ diệu mau tham cứu!
Bởi thế nên đem
Năm sắc kim chương xóa sạch làu!

II. XÓA TÌNH VỢ CHỒNG ÂN ÁI

Vợ chồng duyên đẹp
Loan phượng mền yêu
Mối dây ân ái thưở nào tiêu?
Mộng tình theo lẽ dẽ
Duyên hết lìa đôi nẻo!
Ôi chà chà!
Vấn vương vui hết lại buồn đau
Tam đồ thêm khổ não!
Xét rõ phá oan gia
Tìm cửa đạo màu mau thoát tháo.
Bởi thế nên đem

Cả nước duyên kia xóa sạch lầu!

III. XÓA LÒNG QUYẾN LUYẾN CON CHÁU

Cháu con đeo đẳng
Nhu thịt bấu thừa.
Vì con cháu chịu kiếp trâu lừa!
Họ Đậ non Yên xưa
Ngày nay còn đâu nữa?
Ôi chà chà!
Nghĩ lo trăm kể lại ngàn mưu
Cũng về nơi Ô hữu!
Trở lại tánh Bản lai
Dẫu rằng vạn kiếp trường xuân hảo!
Bởi thế nên đem
Con cháu kim lan xóa sạch lầu!

IV. XÓA BỎ NIỆM CÔNG DANH

Công danh khoa bảng
Riêng chiếm ngao đầu
Vui mừng đắc ý buổi thanh thu!
Ăn vàng ngồi tinh đầu
Danh đẹp thơm trường cửu
Ôi chà chà!
Bao nhiêu thanh thiếu những mong cầu
Tóc xanh thành bạch thủ!

Khi tỉnh giấc hoàng lương
Một tiếng cười khan đời mộng ảo!
Bởi thế nên đem
Quý hiển công danh xóa sạch lầu!

V. XÓA BỎ SỰ THAM SANG GIÀU

Của tiền giàu có
Xe ngựa nhà lầu.
Lấy lòng thanh thế sánh vương hầu.
Khi cầu nhiều kiếp khổ
Lúc được lo nghiêng đổ!
Ôi chà chà!
Đạm thanh biết đủ thặng trần tu!
Áo gai dường cảm tú!
Khoảng trời đất tiêu dao
Nhà rộng của nhiều đâu đủ báu?
Bởi thế nên đem
Tài sản điền viên xóa sạch lầu!

VI. XÓA TÂM MÊ ĐẮM SẮC TÀI

Cầm kỳ văn họa
Tài sắc phong lưu
Gieo vàng tỏ ngọc vẻ tươi màu!
Cờ thi hòa rượu đấu
Cầm ca diu dặt tấu!

Ôi chà chà!
Gấm hoa xán lạn suốt canh thâu
Nhã nhạc lừng ngư đầu!
Già chết chột đến nơi
Cấp cứu trăm luân ai đảm bảo?
Bởi thế nên đem
Tài sắc văn chương xóa sạch lầu!

VII. XÓA TÁNH ỦA THÍCH DU NGOẠN

Dạo chơi thắng cảnh
Thu đẹp xuân kiêu!
Túi thi đàn rượu khắp ngao du!
Non nước vài thân hữu
Mưa khói mờ hoa liễu!
Ôi chà chà!
Ráng hồng suối bạc sánh phong lưu
Đâu nghĩ ngày mai hậu?
Sáng tối thoáng qua mau
Thảng thốt quay đầu suy, bệnh, lão!
Bởi thế nên đem
Phong nguyệt tình vui xóa sạch lầu!

VIỆT QUỐC PHU NHƠN

Việt quốc phu nhơn Vương thị, nguyên là vợ của Kinh Vương. Kinh Vương lại là chú của Triết Tôn hoàng đế đời

Tổng. Phu nhơn chuyên niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, lại hướng dẫn các hàng tỳ thiếp đều tu Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc. Trong hàng tỳ thiếp ấy, có một cô thường hay biếng trễ. Phu nhơn gọi lên bảo: "Không thể vì một mình người, mà phá hoại quy củ của ta!". Rồi liền đuổi ra khỏi đoàn thể.

Người thiếp sợ hãi ăn năn, phát tâm tinh tấn niệm Phật không nài mỗi nhọc. Một hôm, cô bảo bạn đồng sự rằng: "Em sắp đi xa!". Đêm lại mùi hương lạ bay đầy phòng, cô không bình chi mà qua đời. Cách vài hôm sau, cô bạn đồng sự thưa với phu nhơn rằng: "Đêm vừa rồi, con mơ thấy người thiếp mãi phân nhờ chuyển lời kính xin cảm tạ ân đức vô lượng của phu nhơn. Bởi nhờ phu nhơn răn trách, mà cô đã được sanh về Cực Lạc!". Phu nhơn bảo: "Nếu nó có thể ứng mộng cho ta biết thì ta mới tin!". Đêm ấy, phu nhơn nằm mộng thấy người thiếp quá cố đến tạ ân như lời đã nói, liền hỏi: "Cõi Tây Phương có thể đến được chăng?". Cô đáp rằng: "Được!", rồi dẫn phu nhơn bay đi. Độ giây phút, đến một bảo trì to rộng mênh mang, ánh sáng giao hòa chói suốt. Trong ao báu, hoa sen lớn nhỏ xen lẫn gồm nhiều màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi hoặc héo. Phu nhơn hỏi duyên cớ, người thiếp thưa: "Chúng sanh ở Ta Bà vừa phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi đây liền hóa sanh một hoa sen. Nếu đương nhơn mỗi ngày tinh tấn tu niệm, thì hoa càng thêm lớn và

tươi đẹp. Trái lại nửa chừng lần lần biếng trễ, tất hoa sẽ héo. Như không tiếp tục tu hành, hoa liền tàn rồi ản mất. Còn phát tâm tinh tấn niệm Phật trở lại, thì một hoa sen khác mọc lên. Nếu công tu lâu ngày vẫn không thôi chuyển, tất tịnh quả sẽ thành thực. Khi đương nhơn bỏ báo thân ở Ta Bà, thần thức sẽ nương gởi vào thai sen ấy, đợi đến khi hoa nở thấy Phật". Nhìn ra xa, trên một đài hoa có vị đầu đội mào ngọc, cổ đeo chuỗi anh lạc, phục sức và thân tướng trang nghiêm, phu nhơn hỏi: "Ai đây thế?". Người thiếp thưa: "Đó là Vô Vi cư sĩ Dương Kiệt. Vị ấy vừa mới vãng sanh về đây". Phu nhơn thấy một người khác mặc triều phục, ngồi trên đóa sen hơi kém hơn, lại hỏi thăm. Cô thiếp đáp: "Đó là cư sĩ Mã Vu, chờ khi công thành quả mãn, cũng lại sắp vãng sanh về đây". Phu nhơn hỏi: "Còn ta sẽ sanh về chỗ nào?". Người thiếp liền dẫn bà bay đi độ vài dặm. Nơi ấy có một hoa tòa to lớn, cánh bích ngọc, đài hoàng kim, phóng ánh sáng rực rỡ. Người thiếp chỉ đóa hoa nói: "Đây là chỗ sanh của phu nhơn, thuộc về kim đài thượng phẩm!".

Khi thức dậy, phu nhơn ghi nhớ rõ điềm mộng, nổi vui mừng bi cảm lẫn lộn, càng tinh tấn tu hành. Đến hơn tám mươi tuổi, nhằm ngày sinh nhật, sáng sớm bà thức dậy, hai tay bung lò trầm hương nhỏ, khói thơm bay tỏa, nghiêm kính đứng hướng về phía Quan Âm Các. Tất cả tỳ thiếp y phục chỉnh tề, sắp thành hàng bước đến định làm lễ

chúc thọ. Nhưng khi nhìn xem lại, thì phu nhơn đã thoát hóa.

Lời bình:

Ấn Quang pháp sư nói: "Tác dụng của thần thức và nghiệp lành dữ đều không thể nghĩ bàn! Có kẻ tạo ác, tuy còn sống ở trên dương thế, mà một phần hình thần đã thọ khổ nơi địa ngục. Lại có hành giả tu Tịnh Độ, tuy hiện đang ở cõi trược, mà một phần thần thức đã sanh về Liên Bang". Trường hợp của Mã Vu trên đây cũng như thế.

Người nữ sinh về Cục Lạc, đều chuyển thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nhưng cô thiếp lại hiện ra thân nữ cho đồng bạn và Kinh Vương phu nhơn trông thấy cũng chỉ là phương tiện hóa hiện, để người quen dễ được nhận thức đó thôi. Điều này độc giả nên thông hiểu và đừng lấy làm nghi hoặc.

TẦN THỊ

Tần thị có chồng là họ Vu, làm nghề đánh cá ở sông Tiền Đường. Con của bà chơi bời theo du đảng, phạm hình luật bị bắt đến quan, khiến cho sản nghiệp đều tiêu tán. Tần thị sầu khổ, đến mé sông muốn tự trầm.

Vừa may đâu, bà gặp một vị tăng là Từ Chiếu pháp sư ở chùa Tịnh Trụ hỏi thăm biết duyên cớ, khuyên bảo rằng:

“Người đời khi bị những cảnh khổ bức bách, đó đều là nghiệp duyên kiếp trước. Vậy nên cố gắng an lòng nhẫn chịu. Nếu quản trí mà tự tử, tất gốc tội nghiệp càng sâu. Muốn giải trừ nghiệp khổ, chỉ có con đường duy nhất là làm lành niệm Phật!”. Tần thị nghe nói tỉnh ngộ, liền đốt một ngón tay trước bàn Phật để cúng dường, và phát nguyện ăn chay trường tu Tịnh Độ. Bà hành trì như thế hơn mười năm không biếng trễ. Khi gặp mọi người, đều chấp tay xưng là Phật tử.

Một hôm Tần thị thỉnh chư tăng đến nhà tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn mình thì ngồi lần chuỗi niệm Phật. Khi tụng đến chương Quán Tượng, bà yên lặng mà thoát hóa.

PHỤNG THỊ

Phụng thị, tên Pháp Tín, người đời Tống, quê ở quận Quảng Bình. Bà nguyên là vợ của quan Thừa tuyên sứ Trần Tư Cung. Thuở nhỏ phụ nơn vốn hay đau yếu, khi về nhà họ Trần, bệnh càng nhiều.

Bảy giờ Từ Thọ Thâm thiên sư đang hoằng pháp ở Vương Thành. Bà đến nơi đánh lễ, cầu xin chỉ dạy phương pháp trừ bệnh tật. Thiên sư bảo phải trì trai và niệm Phật. Phụ nơn tin nhận, về nhà chưa đầy một tháng, liền bỏ đồ trang sức, ăn chay trường, mặc áo vải, mỗi ngày hằng tụng kinh niệm Phật. Khi làm các công đức, bà đều hồi hướng

cầu sanh Tây Phương. Không bao lâu, bệnh hoàn toàn lành mạnh. Tuy vẫn lo liệu việc nhà như cũ, nhưng phu nhon không bỏ thời khóa tu trì.

Hành đạo như thế hơn mười năm, bà không lộ dáng biếng trễ, chẳng tỏ vẻ kiêu căng, thể mạnh tâm an, thần khí càng thêm hưng vượng. Một hôm phu nhon cầm bút viết kệ rằng:

Duyên nghiệp cuốn lôi xót những ngày!

Từ lâu uổng chịu kiếp trâu cày.

Buộc vàm xỏ mũi nay đà thoát,

Rủ sạch thân tâm lại cõi Tây.

Hàng tùy thuộc thấy lời kệ, đều lấy làm lạ. Phu nhon bảo: “Ta từ thanh tịnh giới, vì sai một niệm nên lạc đến chốn này. Nay duyên Chi-na sắp mãn, quả Liên quốc hầu kê, rất thích hợp với nguyện ta, có điều gì mà kỳ lạ?”. Tháng chín năm ấy, phu nhon nhiễm bệnh. Vào ngày đầu tháng mười một, bà gọi thị nữ bảo: “Thần thức ta dạo chơi Tịnh Độ, lễ cần Đức A Di Đà Thế Tôn, Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí dùng con mắt từ bi hoan hỷ, ngắm nhìn. Trăm ngàn muôn ức Phật tử thanh tịnh đều cúi đầu chào mừng ta được sanh về cõi ấy. Đến như rừng quỳnh ao báu, cung ngọc lưới châu, ánh sáng vẻ đẹp, đều đúng y như kinh Thập Lục Quán đã nói. Cảnh trí kỳ diệu không cùng, đến đó mới biết, không thể diễn tả cho hết được!”. Thị nữ mời

Trần Tư Cung tới thuật lại, rồi đồng cùng nhau chấp tay niệm Phật.

Đến sáng hôm sau, phu nhơn nằm nghiêng mình bên mặt mà mẫn phần. Ba ngày kế mới nhập liệm, người trong nhà vẫn còn nghe mùi hương lạ. Khi sắp trà tỳ, gia nhơn còn quyến luyến giở ra nhìn, gương mặt còn tươi như lúc sống. Phu nhơn hưởng dương ba mươi sáu tuổi.

NGÔ THỊ

Ngô thị, người đời Tống, nguyên là vợ quan Đô viên ngoại lang Lữ Hoằng. Viên ngoại lang vẫn là bậc thông suốt Phật lý, cùng vợ đồng chí hướng thanh tu.

Phu nhơn có hai vị thị nữ, cũng trường trai tu niệm như bà. Một cô ưa Thiên tông, sau mang bệnh song vẫn thản nhiên cười nói, và ngồi thoát hóa xem rất tự tại. Cô kia giữ giới khắc khổ, nhiều khi trọn ngày không ăn, chỉ uống một chén nước gia trì chú Đại Bi của phu nhơn mà thôi. Ngày nọ, cô thấy ba vị đứng trên ba đài sen báu hiện ra trước mắt, nhưng chỉ lộ những bàn chân. Vài hôm sau thấy đến đầu gối. Đôi ba bữa nữa, thấy tới thân mình. Rồi lần lần đầu mặt, viên quang, các tướng tốt đều hiện ra đầy đủ. Trước mắt, nghiêm nhiên là diệu tướng của Tây Phương Tam Thánh, đức A Di Đà đứng giữa, hai bên là Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí. Không bao lâu, đất vàng, ao báu, lầu đài, rừng cây, chim lạ, các nam tử thanh tịnh ngồi thiên

hoặc đi kinh hành, đều lần lượt hiện ra đầy đủ rõ ràng, như nhìn đường chỉ trong lòng bàn tay. Cô thấy như thế suốt ba năm, chớp mắt cũng không ngăn cách, hằng đem cảnh giới ấy thuật lại cho mọi người biết. Đôi ba kẻ hỏi: “ Cô có nghe được Phật thuyết pháp chăng ? ”. Đáp: “Tôi chỉ được thiên nhãn, chưa đắc thiên nhĩ, nên không nghe được lời thuyết pháp của Phật và chư Bồ Tát !”. Ít lâu sau, cô tự biết trước ngày vãng sanh, từ biệt người quen thân, rồi niệm phật mà hóa.

Riêng phần phu nhơn, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Trên bàn Phật, bà để vài mươi chiếc bình đựng đầy nước sạch. Mỗi khi phu nhơn trì chú Đại Bi, thường thấy đức Quán Thế Âm phóng ánh sáng vào bình. Ai đau bịnh, bà đem nước ấy cho uống đều được an lành. Có điều lạ, qua tiết đông nước trong bình không hóa thành băng, và dù để lâu sắc vị cũng chẳng biến đổi. Do những sự việc trên, người trong vùng đều gọi phu nhơn là Quán Âm huyện quận. Sau bà trì chú niệm Phật rồi an lành mà vãng sanh.

DIÊU BÀ

Diêu bà, chưa được rõ tên và nguyên quán. Bà chuyên tu Tịnh Độ, quán và niệm Phật không xen hở. Một buổi chiều, đang ngồi hướng về Tây trì niệm, bà bỗng thấy nơi

vàng nhựt, đức Phật A Di Đà hiện thân, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ. Bà đem việc đó thuật rõ với Tư Tịnh đại sư, xin họa cảnh tượng ấy. Có vị tăng là Pháp Di, làm bài kệ tán như sau, để dưới bức tượng:

Thế giới Cực Lạc có phương sở.

Ở chỗ mặt trời lặn mỗi ngày.

Vì thế Phật dạy Vi Đề Hy.

Quán vàng nhựt lặn như huyền cổ.

Lành thay Diêu Thị một lão bà!

Dùng được tâm này cầu Tịnh Độ.

Sáng tướng tối tướng qua nhiều năm

Đi niệm ngồi niệm quên lao khổ.

Di Đà lần từ tâm tịnh sanh,

Hốt nhiên trước mặt kim dung lộ.

Bấy giờ hư không chẳng chút mây.

Ngọn dâu bóng xế ngự ngàn cây.

Rực rỡ Phật huy mờ ánh nhựt.

Ngọc hào, mắt biếc tướng màu đây.

Mừng vui kinh lạ lẫn thương bi!

Bà liền đến chùa bạch Đại sư.

Thuật rành chỗ thấy diêm hy hữu

Xin vẽ kim dung cảnh tượng này.

Tôi khen việc lạ, khi nghe rõ

Khai thị người mê dùng kệ tỏ.

Đức Phật, Tây Phương vốn chẳng xa

Xiển đề đâu hiểu sự lý đó.
Mười muôn ức cõi tuy cách nhau,
Một niệm vượt qua nguyên chẳng khó.
Nếu muốn tìm đường hỏi lối Tây
Tây Phương thẳng lối từ tâm nọ.

VƯƠNG THỊ

Vương thị, người đời Tống, quê ở Minh Châu, mỗi ngày thường trì tụng kinh Kim Cang. Cô mang thai đã hai mươi tám tháng mà chưa sanh, thân hình càng lúc càng gầy. Ngày nọ, ngẫu nhiên đứng tựa cửa, một bậc dị tăng đi ngang qua, chăm chú nhìn, rồi bảo: “Người có căn lành, sao chẳng ấn thí kinh Kim Cang một ngàn quyển?”. Vương thị y theo lời, lại trai tăng ngàn vị và tụng ngàn quyển kinh Kim Cang. Việc hoàn tất canh ba đêm hôm ấy, cô mộng thấy vị thần cầm kim cang bảo xử chỉ vào bụng. Khi thức dậy đã sanh hai đứa con trai nơi giường từ lúc nào mà không hề hay biết.

Từ đó Vương thị trì trai tụng kinh không thôi nghỉ. Đến năm sáu mươi một tuổi, cô bị bạo bệnh chột tất hơi, thấy hai sứ giả dẫn xuống ra mắt Minh Vương. Sau khi trình bày mình đã tụng kinh Kim Cang từ lúc tuổi trẻ, cô được Minh Vương cho ngồi nơi giường bằng vàng bên mé điện, và bảo thử tụng qua một biến kinh. Vương thị vâng lời tụng xong, vua hỏi: “Sao chẳng niệm chú bồ khuyết?” Cô

đáp: “Trên dương thế không thấy có bản chân ngôn ấy?”. Minh Vương sai phán lại soạn trong Đại Tạng, lấy bản chú ra trao cho Vương thị và bảo: “Khi trở lại dương gian, nên lưu thông bản chú này đừng sơ sót. Về sau người mãn phần, sẽ được sanh thẳng sang thế giới Cực Lạc, không còn trở lại đây nữa!”.

Sau khi hoàn sanh, Vương thị làm y theo lời chỉ dạy. Đến năm chín mươi một tuổi, không bệnh mà tọa hóa. Chân ngôn bồ khuyết ấy như sau: “Um ! Hô rô hô rô xá duệ mục khế xóa ha”.

VỢ TƯỚNG THẬP BÁT

Vợ Tướng Thập Bát, người đời Tống, quê ở Hải Diêm. Đến tuổi trung niên, cô khuyên chồng cùng mình dứt trừ ái dục, hợp chí tu hành. Mỗi ngày vợ chồng đều tụng Kinh Đại thừa và niệm Phật. Hai người hành trì như thế trải hơn bốn mươi năm.

Một hôm, cả hai tắm gội thay y phục, rồi đốt hương lễ sám niệm Phật. Kế đó, đều lưu lại một bài tụng mà vãng sanh. Tướng Thập Bát viết bài tụng rằng:

Chát thân hư huyễn này
Bốn đại hợp thành đây!
Sẽ tan về gốc cũ
Rồi tiếp tục vắn xoay.
Các huyễn khi đã diệt

Tro bay khói cũng tuyệt.
Nhu khoảng không cơn gió
Tợ trời xanh bóng nguyệt.
Đã chẳng chi ngăn cách
Lại một màu sáng sạch.
Tất cả đều dứt trừ
Không nghĩ bàn biện bạch!
Năm qua hơn bốn chục
Xa lìa các thị dục.

Chỉ xiển dương Đại thừa
Sớm chiều niệm tụng đọc.

Ngày nay buông xả trở về Tây
Tự có duyên lành quả cụ túc!

Bài tụng của vợ Tướng Thập Bát như sau:
Tụng quá Liên kinh muôn bốn thiên,
Bình sanh hương hỏa có nhân duyên.
Tây Phương là chỗ ta về đến,
Trăng gió đồng nương Bát nhã thuyền!

CHÚC THỊ

Chúc thị, người đời Minh, quê ở Công An, nguyên là vợ của Cũng Trọng Thuần. Cô có mấy người cháu là anh em Viên Hoảng Đạo thường luận bàn về Phật lý, nên được nghe hiểu, tin nhận và hành trì theo Pháp môn Tịnh Độ. Ngoài việc niệm Phật, cô còn kiêm tụng kinh Kim Cang.

Một hôm, Chúc thị bảo các con rằng: “Phật dạy ba ngày nữa sẽ đến rước mẹ!”. Đến kỳ hạn, cô tắm gội, mặc lễ phục ngồi trước bàn Phật. Người trong thân quyền đều đứng sắp hàng hai bên. Giây phút, cô tự nói: “Đức Phật đã đến, phóng ánh sáng nơi bạch hào xa vài trượng”. Lại nói: “Tôi thấy một vị tăng tướng tốt trang nghiêm, tự xưng là Tu Bồ Đề. Trong khoảnh khắc ngài phân thân ra hơn một trăm vị khác”. Một thân quyền ở gần bên bảo: “Kinh Kim Cang điệp lại một trăm ba mươi tám lần Tu Bồ Đề, có phải là sự cơ cảm đầy chãng?”. Đoạn các quyền thuộc đều đốt hương cầm nơi tay, xưng danh hiệu Phật. Chúc thị mỉm cười mà qua đời.

Lúc ấy trong nhà có một tỳ nữ mới chín tuổi, đang nằm ngủ gật nơi đất bỗng tự kêu to lên rồi đứng dậy ôm mặt khóc. Gạn hỏi, nó thưa: “Con thấy mấy vị thần mặc giáp vàng rất cao lớn, cầm tràng phan đưa bà đi. Cán phướn đung trủng mặt, con đau quá nên bất giác kêu lên thất thanh”. Người nhà kiểm tra lại thấy dấu bầm còn hiện rõ nơi mặt. Đến lúc tản liệm xong, khách tới thăm viếng đều nghe từ quan tài mùi hương lạ tỏa ra bát ngát.

LƯ THỊ

Lư thị, tên Phước Trí, vợ của Trình Quý Thanh, trước tiên ở Huy Châu, sau cả nhà thiên cư về Hồ Châu.

Quý Thanh thờ Phật rất kính thành, gắng sức tu phước nghiệp. Lư thị cũng đem hết tài sản phụ giúp vào việc ấy.

Cô ăn chay trường mỗi ngày niệm Phật ba muôn câu, kiệm ước phần mình, rộng giúp kẻ dưới, chưa từng mắng người. Niên hiệu Sùng Trinh thứ năm đời Minh, cô đau nặng, thỉnh pháp sư Cổ Đức đến thọ năm giới. Sau khi nghe lời pháp yếu về Tịnh Độ, cô bèn quyết ý vãng sanh. Quý Thanh vì vợ tụng kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn Thiện Tài tham phỏng năm mươi ba bậc thiện tri thức, mỗi mỗi đều giải thích rành rẽ. Lư thị lãnh ngộ được tất cả. Quý Thanh lại sách tấn về việc vãng sanh, bảo rằng: “ Trăm kiếp ngàn đời, quan trọng ở giờ phút lâm chung này. Cô phải gắng sức thẳng về Tây Phương, chớ nên do dự!”. Lư thị nghe xong, phát tâm mạnh mẽ như quên cả đau bệnh, cao tiếng niệm Phật liên tiếp cả đêm ngày, như thế suốt cả nửa tháng. Bà mẹ và con gái đến thăm hỏi, cô đều từ tạ bảo đi nơi khác, xin đừng làm rối loạn tâm mình.

Ngày mừng tám tháng mười một năm ấy, Lư thị bỗng thấy hoa sen hiện ở trước mắt, Hóa Phật duỗi tay xuống tiếp dẫn. Nỗi vui mừng tràn ngập cả thân tâm, cô bảo người nhà mau nấu nước thơm đem đến cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, cô nằm nghiêng bên mặt, chấp tay hướng về Tây, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà qua đời. Lúc ấy vừa đúng giờ Ngọ. Đến chiều người nhà thử rờ nơi đánh, còn cảm thấy nóng ran cả bàn tay. Cô hưởng dương được ba mươi chín tuổi. Ngẫu Ích

đại sư vì cô viết truyện ký, có phụ thêm lời khen ngợi rằng:

Thương chúng sanh ba cõi,
Ái dục sâu thành căn.
Gốc ái nếu chẳng nhỏ,
Làm sao được vãng sanh.
Cõi hoa sen sáng sạch,
Lìa hẳn các trần tình.
Duyên ái này dứt được,
Chất ngọc kia mới thành.
Mạnh mẽ thay Phước Trí,
Bậc nữ lưu hùng anh!
Suốt ngày đêm nửa tháng,
Công tịnh niệm ân cần.
Mẹ con, niềm ái luyện,
Như khô mộc, hàn băng.
Hoa hiện, Phật tiếp dẫn,
Mắt nhìn thấy rõ ràng.
An lành năm xả báo,
Vĩnh viễn từ khổ luân.
Nay ta xin tùy hỉ,
Nguyện cùng các đồng nhơn.
Dứt trừ lưới ái ân,
Chúng nhập Diệu huyền môn!

PHÍ THỊ

Phí thị, vợ của Trầm Xuân Giao, nhà ở trấn Song Lâm tại Hồ Châu. Bà góa chồng sớm, làm nghề dệt vải để sanh sống. Cảm xúc về thân thể mình, bà phát tâm ăn chay trường tu niệm, nhà có thờ tượng vẽ Tam Thế Phật và tượng cốt Quán Âm bằng gỗ chiên đàn. Mỗi ngày bà tụng một quyển kinh Kim Cang, niệm Phật ngàn câu, cứ giữ mực thường như thế không hề thiếu sót.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười một, binh dịch hoành hành khắp vùng ấy. Chàng rể là Trương Thế Mậu, rước và tản cư về ở nhà mình. Phí thị đem theo cốt tượng Quán Âm, thờ riêng ở một gian lều nhỏ để chiêm bái trì tụng. Mỗi ngày trong thời khóa lễ, bà đều khấn nguyện cho khói hương bay đến chỗ thờ tượng Tam Thế Phật ở ngôi nhà cũ. Như thế trải qua ba năm, một hôm giữa hư không bỗng có khói hương nhiều quanh gian lều nhỏ vài ngày. Kế tiếp nơi bức tường quét vôi trên chỗ thờ tượng Quán Âm, nổi hiện lên tượng Tam Thế Phật rất trang nghiêm tịnh diệu, hình nét màu sắc đều rõ ràng. Kẻ gần xa nghe chuyện ấy, đến chiêm lễ mỗi ngày một đông. Có người thử dùng khăn sạch lau mạnh chà xát, màu nét càng hiện lên sáng rõ.

Đến năm thứ tư, một hôm Phí thị bảo chàng rể rằng: “Mẹ muốn trở về thăm ngôi nhà cũ, để viếng tượng Tam Thế Phật”. Vừa về đến nơi xưa, bà liền quét dọn rửa lau sạch sẽ, rồi đốt hương lễ Phật tụng kinh. Đến sáng sớm

ngày thứ ba, Phí thị tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đến giờ Ngọ, bà bỗng to tiếng bảo: “Đức Phật A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn. Mọi người ở lại cố gắng tu hành. Tôi đi đây”. Nói xong, liền nhắm mắt mà vãng sanh, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

TỪ THÁI NGHI NHƠN

Từ Thái Nghi Nhơn là mẹ của cư sĩ Từ Hạo Hiên ở Tiền Đường. Bình sanh bà chuyên tu Tịnh Độ, thờ cúng rất nghiêm cẩn. Ở chùa có cho thỉnh bức họa đồ Tây Phương công cứ, chính giữa in hình tượng Phật, xung quanh gồm vài ngàn vòng tròn, niệm đủ ngàn câu ghi một điểm son vào giữa vòng ấy. Thái Nghi Nhơn niệm Phật theo bức Tây Phương công cứ đó, mỗi khi ghi số đầy đủ xong một họa đồ, liền đem cất vào túi vải vàng. Bà niệm hết bức này sang bức khác như thế được mấy năm.

Niên hiệu Khang Hy thứ ba mươi bốn đời Thanh, Thái Nghi Nhơn mãn phần. Khi tần liệt xong, người nhà đem túi vải vàng đốt ở trong bồn. Bỗng một tiếng nổ nhẹ nổi lên, nơi bồn chiếu ra ánh sáng năm sắc. Mọi người lại gần xem, thấy túi vải biến thành màu nâu, trên đó hiện lên nét lâu các câu lơnh khắp xung quanh. Chính giữa nổi lộ rõ vài mươi đóa hoa sen, mỗi đóa hoa có một Đức Phật chấp tay ngồi kiết già. Trên hoa lại hiện hình các thiên nữ đang cung kính vi nhiễu. Mỗi nét của bức họa rất tinh vi, màu

trắng như sắc phấn. Ai trông thấy cũng đều kinh lạ thờ than khen ngợi. Rạng ngày khẽ vạch tro ra, thấy hình tượng hiện nơi lưng túi vải cũng giống như bề mặt không khác. Duy phía sau mỗi đức Phật lại có một lão bà cầm phất trần đứng hầu.

Cư sĩ Từ Hạo Hiên viết truyện ký về thân mẫu, có ghi rõ việc này.

TÔN THỊ

Tôn thị có chồng họ Dư, sương cư sớm, quê ở Từ Châu, và nguyên là mẹ của Chiêu Minh hòa thượng. Khi hòa thượng chủ trì chùa Cao Môn ở Dương Châu, rước thân mẫu về phụng dưỡng nơi một gian tịnh thất bên chùa.

Tôn thị lúc mới đến ở, rất đỗi nhớ nhà. Mỗi khi cùng hòa thượng tiếp chuyện, bà thường đề cập đến việc quê hương gia sự. Hòa thượng vì mẹ nói về các pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, khuyên bà nên xả bỏ tất cả, nhứt tâm niệm Phật để cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng nói mãi Tôn thị vẫn chẳng tỉnh ngộ. Hòa thượng liền ẩn bóng chuyển lời bảo: “ Nếu muốn được gặp mặt, phải ráng niệm Phật!”. Bà mời gọi mãi cũng chẳng đến. Cuối cùng không biết làm sao, bà phải gắng gượng trì danh hiệu Phật, nhưng bước đầu còn khó khăn, chưa thể liên tục. Được ba năm, công tịnh niệm càng thuần, bà phát lòng tin sâu, xin thọ giới Bồ Tát, rồi sớm hôm lễ niệm rất tinh cần. Lúc ấy hòa

thượng mới đến thăm và hỏi: “Mẹ còn nhớ nhà chăng?”. Bà đáp: “Niệm Phật rất tốt, tôi không còn nhớ nhà nữa!”.

Một hôm Tôn thị ngồi trước sân, đối diện với tháp chùa mà niệm Phật. Bỗng nhiên tâm nhãn mở sáng, bà thấy thế giới Kim Sắc hiện ra, quang cảnh trang nghiêm chói rực rỡ không ngăn mé. Lúc ấy tường vách núi rừng dường như tan rã tiêu trầm. Bà cả mừng, đứng lên sấn bước muốn đi tới, đột nhiên tất cả đều ảm mất. Từ đó, sáu căn của bà lặng lẽ, khi động tịnh ăn ở câu Phật hiệu thường hiện khởi, không sanh ra vọng niệm khác. Trải qua khoảng thời gian lâu như thế, đêm nọ Tôn thị mộng thấy đi đến một ngôi nhà lá, có người đàn bà đang nằm chỗ sắp sanh. Bà kinh hãi tự nghĩ: “Mình chí nguyện cầu về Tây Phương, tại sao lại đến chỗ này? Vả lại sự luân hồi, hết ra bào thai này, lại vào bào thai khác, thật rất đáng sợ!”. Nghĩ xong, vội chạy trở ra, bỗng giật mình thức giấc. Sáng ngày, bà đem việc ấy thuật với Chiêu Minh hòa thượng và nói: “Duyên đời của tôi đã mãn. Xin tập hợp chư tăng trợ niệm để đưa tôi về Tây Phương!”. Hòa thượng y như lời. Bà ngồi day mặt về Tây, chấp tay niệm Phật theo chư tăng mà vãng sanh.

Lúc bấy giờ nhằm niên hiệu Càn Long thứ hai mươi bảy.

DƯƠNG THỊ

Dương thị, người đời Thanh, nhà ở trên gò Đá Vôi phía cửa Bắc thành Hàng Châu. Hơn năm mươi tuổi bà đau bệnh phong, nằm rên la suốt đêm ngày.

Một hôm có vị tăng là Lữ Đình từ kinh sư trở về núi Thiên Mục, đi ngang qua nhà. Con trai của bà mời vào nấu đồ chay cúng dường, nhân tiện thỉnh bước sang phòng bên thăm mẹ mình. Dương thị chau mày kêu rên rồi hỏi:

-Tôi đau nhiều lắm, sư có phương thuốc nào làm cho lành mạnh chăng?

Ngài Lữ Đình đáp:

-Có, nhưng sợ e bà không chịu uống!

Bà nói:

-Nếu quả thật có phương hay, tại sao tôi lại không chịu uống?

Sư bảo:

-Bệnh từ nơi thân mà sanh. Thân này lại do bốn đại giả hợp, nhân nơi nghiệp mà có. Nếu bà có thể xả bỏ thân, bệnh sẽ tự dứt trừ.

Bà hỏi:

-Trừ ra khi chết, chớ làm sao mà bỏ thân được?

Sư dạy:

-Cách bỏ thân là bà phải xả tất cả, đừng nghĩ đến thân đau hay mạnh, chỉ một lòng hướng về Tây Phương chuyên niệm A Di Đà Phật. Đức A Di Đà là bậc đại y vương, có thể trừ tất cả bệnh của chúng sanh. Bà nên đem

hết lòng thành khẩn mà niệm Phật, đức Phật A Di Đà sẽ đến cứu độ!

Dương thị hỏi:

-Đức Phật quả thật sẽ đến đây chăng?

Sư nói:

-Chắc chắn sẽ đến, chỉ e bà niệm không chí thành tha thiết mà thôi!

Sau đó, sư từ già ra đi. Dương Thị chí thành hướng về phương Tây chuyên trì danh hiệu Phật, mỗi ngày càng thêm khẩn thiết. Độ năm tháng qua, bà gọi con bảo:

-Đức Phật A Di Đà đã đến. Bốn hôm sau, mẹ sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Con hãy đi thỉnh sư Lữ Đình, để mẹ từ biệt và cảm ân giáo hóa của Ngài!

Bảy giờ sư đang ở núi Thiên Mục không đến được. Tới kỳ hạn, người con thỉnh mười vị sư tăng khác đến nhà tụng kinh niệm Phật hộ trợ. Dương thị tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay hướng về Tây niệm Phật mà vãng sanh.

DƯ THỊ

Dư thị, pháp danh Chân Tu, là vợ của cư sĩ Châu Vĩnh Phù ở đất Ngô. Năm ba mươi hai tuổi cô góa chồng, đến năm ba mươi sáu tuổi phát tâm trường trai thờ Phật.

Lúc hơn năm mươi tuổi, Dư thị đem hết việc nhà giao phó cho con trai và con dâu, rồi chuyên tu Tịnh Độ. Đến tuổi bảy mươi, vào lúc cuối hạ sang thu, đêm nọ bà nằm

mơ thấy mình đi dạo tới một bờ hồ to rộng mênh mang. Trong hồ có chiếc thuyền chở mười mấy người gồm chư ni và các nữ Phật tử. Trong số ấy có một vị đưa tay vờn thỉnh nói: “Mau đi theo về Tây Phương!”. Dư thị tự nghĩ: “Lúc bây giờ chưa thuận tiện, đợi đến cuối năm sẽ đi!”. Vị đó liền nói: “Thôi, hãy đợi chuyến sau!”. Đến ngày mùng sáu tháng chín, bà lại mộng thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn. Thức giấc, Dư thị tự biết đã tới thời kỳ vãng sanh, sáng ra cho người thỉnh thầy quy y là pháp sư Văn Kỳ đến lễ từ biệt. Bà có xin một cành sen nơi chùa, nhưng lúc ấy hoa đã tàn, nên pháp sư chỉ đem cọng lá sen đến trao cho. Dư thị vui mừng tiếp lấy, niệm Phật càng chí thiết. Khi đó mọi người đều nghe mùi hương lạ bay, thơm cả trong ngoài. Tới sáng sớm ngày mười một, bà bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội, thay y phục mới sạch. Xong đâu đấy, bà ngồi ngay thẳng niệm Phật độ một lúc, rồi nằm nghiêng bên mặt mà qua đời.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ ba mươi sáu.

Lời Bình:

Cõi Tịnh Độ ở mười phương, chỉ thuần là hóa sanh, không có người nữ. Khi xưa, Vi Đề Hy phu nhơn vì con ác nghịch phát tâm chán lìa cõi Ta Bà, được Phật thuyết pháp và thọ ký cho vãng sanh về miền Cực Lạc. Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật cũng huyền ký cho người nữ thọ trì kinh này sẽ được sự lợi ích khi vãng sanh. Thế nên biết

hàng phụ nữ ở Ta Bà có nhân duyên lớn với cõi Tây Phương Cực Lạc. Từ khi Liên tông thành hành, những bậc hiền lưu trong khuê các phần đông đều phát lòng tin, chuyên chí niệm Phật, và được sự lợi ích giải thoát trong một đời. Những vị mang hình dáng trượng phu, xem gương ấy há không hổ thẹn ư?

CHIM ANH VÕ

Đời Đường, nhà họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Anh Võ. Vì trong kinh Di Đà có nói đến loại chim này, nên Bùi thị thường dạy nó niệm Phật và phép tu Lục trai. Đến ngày trai kỳ, nếu quá Ngọ có ai đem thức ăn đến, suốt buổi chim không ngó tới. Có kẻ bảo nó khi niệm Phật, phải từ nơi “có niệm” đến chỗ “không niệm”, thì chim ngược đầu dương cánh dờng như nhận thức.

Đến sau thấy nó thường im lặng, có kẻ nói đùa: “Anh Võ không còn niệm Phật nữa!”, chim liền phát thanh xuống: “Nam Mô A Di Đà Phật”. Khi mùa hè gió mát, lúc đêm vắng trăng trong, Anh Võ thường cất giọng cao thấp hòa nhã, thanh thoai như cung đàn tiếng sáo, niệm Phật liên tục không dứt. Mọi người nghe thấy đều khen ngợi và phát tâm cảm ngộ.

Tháng bảy, niên hiệu Trinh Nguơn thứ mười chín, chim có vẻ tiều tụy ủ rũ. Bùi thị đã nuôi dưỡng quen, biết nó sắp chết, liền cầm khánh ra và bảo rằng: “Phải chăng con sắp

muốn về Tây Phương? Vậy con hãy giữ chánh niệm, nương theo tiếng khánh mà niệm Phật!”. Nói xong, liền đánh khánh niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Anh Võ cũng niệm theo. Được một lát, chim xếp cánh đứng yên, an lành mà vắng sanh. Sau khi thiêu hóa xác nó, Bùi thị bới tro kiểm lại, được hơn mười hột xá lợi. Quan Tiết đạt sứ Vi Cao có viết truyện ký về chim Anh Võ này.

Đời nhà Minh, một thổ dân ở Lĩnh Nam cũng có nuôi con chim Anh Võ trắng, thường dạy nó tụng đọc. Mỗi buổi sáng sớm, chim đều tụng Bạch y thần chú, rồi kế tiếp niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Nó cũng đọc thuộc bài Quy Khứ Lai Từ, phú Xích Bích, và nhiều thi hay của Lý Bạch. Nếu thời khóa sớm mai chưa xong, dù ai có đem thi văn ra dạy bảo, chim cứ tiếp tục trì niệm không nghe theo. Sau Anh Võ cũng niệm Quán Âm rồi thoát hóa.

CHIM CÙ CÁP

Trong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, một người ở quận Trường Sa có nuôi con chim Cù Cáp (một loại giống như chim Cu, Bồ câu) và đặt tên nó là Bát Bát Nhi. Một hôm ngẫu nhiên nghe vị tăng niệm Phật, chim liền ứng thanh niệm theo. Nhà chủ liền đem nó tặng cho tăng sĩ ấy. Về chùa, chim niệm Phật từ sáng đến tối không dứt. Lâu ngày, Cù Cáp chết, vị tăng đem xác nó chôn sau chùa. Vài hôm, nơi chỗ chôn có một cành hoa sen mọc lên. Bới đất

tìm, thấy cọng sen phát xuất từ nơi mỏ chim. Một văn nơn làm bài thi khen ngợi việc ấy rằng:

“Có một linh cầm Bát Bát Nhi
Biết theo tăng dạy, niệm A Di
Chết chôn nơi đất sen lành mọc
Nghe chuyện người đời cũng nghĩ suy!”

* Một vị tăng nơi chùa Chánh Đẳng tại Hoàng Nham ở núi Thiên Thai, cũng có nuôi một con Cù Cáp. Mỗi ngày vào thời khóa tụng, chim đều tùy theo chư tăng niệm Phật. Một hôm nó đứng chết trong lồng, vị tăng đem xác ra đào đất mà chôn. Vài ngày sau, từ nơi mỏ chim mọc lên một cành hoa sen màu tím vượt cao khỏi mặt đất. Đại Trí luật sư làm bài kệ khen ngợi chuyện đó, trong ấy có hai câu:

“Lồng son đứng hóa âu thường sự
Sen tím mọc lên mới diệu kỳ!”

GÀ BIẾT NIỆM PHẬT

Trong niên hiệu Sùng Trinh đời nhà Minh, có quan Tư Lý ở Phước Châu là Ngô Tuyết Nhai thờ Phật rất thành kính. Chư tăng nơi chùa Khai Nguơn trong vùng ấy, phần nhiều ăn thịt, không giữ giới hạnh. Ông liền tới chùa quở trách và dựng bia đá răn cấm.

Một hôm Tuyết Nhai đến chùa du ngoạn, bất ngờ gặp một con gà đang cất tiếng niệm Phật. Ông bảo kẻ tùy tùng

ví bắt được, rồi đem vào chùa gạn hỏi chư tăng rằng: “Các sư bảo trong chùa từ lâu không nuôi sanh vật, tại sao lại có con gà này? Nay tôi thấy gà là loại súc sanh mà còn biết niệm Phật, xét lại các sư mang hình thức xuất gia song phá giới, thì còn thua nó rất nhiều!”. Chư tăng ở đó nghe qua hồ thẹn, từ đây lập thệ quyết giữ gìn trai giới. Tuyết Nhài đem con gà về nuôi trong dinh thự, nó thường niệm Phật không dứt.

Sau ông được thuyên chuyển làm quan ở Đôn Dương, thấy am Hải Hội ở gần đó là nơi tiếp chúng đông đảo, mới đưa con gà đến am, để cho người tới lui nghe thấy phát lòng tín hướng. Sau khi về am một thời gian, ngày nọ gà đứng niệm Phật mà thoát hóa. Hàng thiện tín cảm ngộ, chung nhau xây tháp cúng dường để lưu niệm.

*

* Lại một chuyện : Sư Giác Viên ở Trung Châu phát tâm muốn trai tăng nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, liền gởi tờ Phở khuyến mộ các nơi, và nhập thất ba năm để cầu nguyện. Vị tăng hộ thất đi khát thực nơi nhà họ Hoa, thì có con gà ở nhà ấy theo ông mãi. Về nửa đường, vị tăng sợ mang tiếng, bắt con gà đem giao trả nhà họ Hoa bảo đóng cửa nhốt nó lại. Nhưng gà vẫn vượt lên xà nhà tìm chỗ chui ra, bay theo vị tăng về tới tịnh thất. Sư Giác Viên an thất ba năm, gà cũng quanh quần đứng ngoài thất ba năm để nghe niệm Phật. Sau sư ra thất, đem nó đến chùa Đông

Lâm đề cho quy y thọ giới. Khi đại chúng lên chánh điện niệm Phật, gà cũng đi theo. Đến cuối năm, việc trai tăng xong xuôi, gà liền đứng mà thoát hóa. Chư tăng chú nguyện và đem chôn bên chùa.

*

* Lại truyện chép: Ở Giang Tây có con rắn biết nghe kinh. Nơi Lô Châu có con mèo ngồi thoát hóa. Tại Hiệp Trung có con khỉ nghe kinh rồi ngồi thoát tục. Ở Sào huyện có chim sẻ đứng hóa. Và quan Đại tham Hoàng Đình Thúy đem con heo vào chùa phóng sanh sau nó cũng ngồi thoát hóa. Các chuyện linh dị như thế không thể thuật hết được.

Lời Bình:

Cổ đức nói: “Súc sanh nguyên cũng là người. Xưa nay người, súc luân hồi đổi thay!”. (Súc sanh bản thị như lai tổ. Như súc luân hồi cổ đạo kim). Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Các súc thú trong đời trước, khi còn làm người, có nhiều loại đã gieo hạt giống Phật. Nhưng vì ác nghiệp quá nặng, chúng mới bị lôi cuốn trong nẻo luân hồi. Thế nên trong ba ác đạo từ Địa ngục, Ngạ quỷ đến Bàng sanh, nếu có chúng sanh nào nhớ lại tiền căn, hướng về Phật pháp, niệm hồng danh Đức A Di Đà, đều được sanh về Cực Lạc. Kinh nói: “Thà chịu khổ địa ngục. Được nghe hồng danh Phật, chẳng muốn hưởng phước trời. Mà không nghe Phật hiệu!”. Kinh cũng bảo: “Tu hành đồng mãnh

một ngày ở cõi khổ Ta Bà, công đức thù thắng hơn tu ở Tịnh Độ một trăm năm”. Các súc sanh như trên, một niệm hướng về Phật còn được giải thoát, huống nữa loài người ư?”.

MỘT TRĂM BÀI KỆ PHẬT (Của Triệt Ngô Thiên sư)

Hán:

**1. Nhứt cú Di Đà
Ngã Phật tâm yếu
Thụ triệt Ngũ thời
Hoàng cai Bát giáo:**

Việt :

Một câu A Di Đà
Tâm yếu của Phật ta.
Dọc năm thời thấu suốt
Ngang tám giáo trùm xa.

Lược giải:

Một câu niệm Phật là tâm yếu của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tâm yếu, cũng gọi là tâm tông, là yếu chỉ tức sắc tức không của cảnh giới chân tâm, không thể dùng lời nói và tư tưởng để luận bàn suy nghĩ được. Năm thời là: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và

thời Pháp Hoa. Tám giáo là: Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí mật và Bất định giáo. Dục là chỉ cho chiều cao thuộc thời gian. Ngang chỉ cho chiều rộng thuộc không gian. Ý nói câu niệm Phật rất màu nhiệm, về nghĩa lý bao trùm Năm thời Tám Giáo, về cao rộng suốt cả Thời gian, Không gian.

*

Hán :

2. Nhứt cú Di Đà

Ý chỉ như hà ?

Tri âm thường thiếu

Mộc nhĩ thiên đa !

Việt:

Một câu A Di Đà

Ý chỉ diệu bao nhiêu ?

Bạn tri âm thường ít

Kẻ tai gỗ riêng nhiều !

Lược giải:

Như bài kệ trên đã dẫn, ta thấy đại khái ý chỉ của câu niệm Phật cao diệu như thế nào! Cho nên Thành Thời đại sư đã nói trong một bài Đề Từ: " Mà trong A Di hồng danh thâm. Nghìn muôn khôn tìm ra tri âm! Thiên Như lòng từ soi chân đấng. Đưa người mau ra vòng mê

làm... Ôi câu hồng danh màu thâm xa. Sâu cùng chư
tông làng thiên na. Buông ra thâu vào đều như như. Tương
tư mơ đầy trời Liên hoa!". Điệu đàn niệm Phật cao
siêu màu nhiệm như thế, trừ ra bậc tri âm, chớ kẻ tai gỗ
làm sao nghe thấu? Vì thế nhiều kẻ đã lầm đánh giá Niệm
Phật là pháp thấp kém, chỉ để cho kẻ ngu dốt, hạng người
già cả tu hành. Thật đáng cảm xót vì cảnh ít tri âm, như lời
một bậc tiên bối đã than:

**Nga nga hồ chí tại cao sơn
Dương dương hồ ý tại lưu thủy !
Đàn Bá Nha ít kẻ tri âm
Những nghe qua xót trộm lại đau thâm
Chung Kỳ mất đập cầm không khảy nữa!**

*

Hán:

**3. Nhứt cú Di Đà
Đại ý phân minh
Xà sanh cung ảnh
Dược xuất kim bình.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đại ý thật phân minh
Rắn sanh từ cung ảnh
Thuốc lấy ở kim bình.

Lược giải:

Một người tới nhà bạn thân chơi, cô giao rót trà ra chén mời uống. Lúc ấy vào khoảng đầu đêm, ánh đèn chập chóa in bóng cung treo gần bên vào chén giống như con rắn đang lăn quăn chao động. Trong lúc không kịp suy nghĩ, người ấy uống vội hết chén trà, rồi chợt sanh lòng nghi là mình đã nuốt mất con rắn nhỏ vào bụng, nhưng không dám nói. Về đèn nhà anh lo sợ, rồi phát bệnh. Sau bạn đến thăm, hỏi biết duyên cớ, mời đến nhà để đĩa đèn và chén trà chỗ cũ, chỉ cây cung treo gần bên, người ấy mới dứt hết mối nghi và lành bệnh. Thuở xưa người Ấn Độ khi luyện thuốc quý, thường dùng gương dày hoặc ngọc thủy tinh tụ ánh sáng mặt trăng để lấy nước. Luyện xong lại cất thuốc vào bình bạc hoặc bình vàng, cho tăng thêm hiệu lực linh nghiệm. Đây ý nói câu niệm Phật rõ ràng là pháp viên đốn đi thẳng vào chân tâm, ngay lúc niệm Phật tức đã thể hiện Phật tánh, ví như thuốc quý lấy ra từ bình vàng. Kẻ không biết làm hiểu niệm Phật là pháp Quyền giáo để dứt trừ vọng tưởng, hoặc pháp Tiệm giáo để gieo lằn thiện căn. Như thế có khác gì anh chàng lơ lạc nghi ngờ làm bóng cung là rắn đâu ?

*

Hán:

4. Nhứt cú Di Đà

**Danh dị phương tiện
Phổ nhiếp quần cơ
Bàng thông nhất tuyền.**

Viết :

Một câu A Di Đà
Phương tiện cực màu lạ
Nhiếp khắp hết căn cơ
Rẽ thông vào Bát nhã.

Lược giải:

Ấn Quang đại sư nói: "Tu các môn khác phải nhiều đời mới thoát luân hồi, và theo như Khởi Tín Luận thì phải trải qua một muôn đại kiếp tu hành liên tục mới vượt lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như quan chức phải từ phẩm bậc nhỏ lần lượt thăng đến ngôi Tể tướng. Riêng môn Niệm Phật là phương tiện màu lạ để mau thành Phật, một đời được đởi nghiệp vãng sanh thoát khỏi luân hồi, một kiếp đã bước lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như Thái tử khi mới sanh ra, đã tôn quý vượt hẳn quần thần "Môn Niệm Phật lại nhiếp tất cả căn cơ, dưới từ loài quý súc, hạng ngu tối dốt nát tật nguyên, trên đến bậc Đẳng giác Bồ Tát như Văn Thù Phổ Hiền cũng có lời nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chữ "Nhất tuyền" đây là chỉ cho môn thiền Trục chỉ, tức đường lối thẳng vào Bát nhã chân tâm.

Ngài Triệt Ngộ dùng từ ngữ này, bởi ngài là một "đại thiên sư". Lại "Nhất tuyền" cũng hàm chỉ cho đường lối đặc sắc nhiệm mầu của môn Tịnh Độ.

*

Hán:

5. Nhứt cú Di Đà

Khai vãng sanh môn.

Thị đa phước đức

Phi thiếu thiện căn.

Việt:

Một câu A Di Đà

Mở đường lối vãng sanh

Đó là nhiều phước đức

Chẳng phải ít căn lành.

Lược giải:

Từ khi Vi Đề Hy phu nhân chán cõi đời trước ác, cầu sanh về thế giới đẹp an vui, đức Thích Tôn mới nói ra môn Tịnh Độ mở đường lối vãng sanh, để hành giả được dễ dàng thuận tiến trên bước đường giải thoát. Muốn làm một bậc thượng thiện nhân cao quý ở cõi đẹp mầu như thế giới Cực Lạc, phải là người có nhiều phước đức căn lành. Theo kinh Vô Lượng Thọ: Chúng sanh nào đời này nghe nói Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc, phát lòng tín nguyện, chí thiết niệm

Phật cầu vãng sanh. Những chúng sanh đó trong tiền kiếp đã từng gặp nhiều đức Phật, và gieo trồng nhiều phước đức căn lành rồi.

*

Hán:

**6. Nhứt cú Di Đà
Lâm chung Phật hiện
Tứ biện thân tuyên
Lục phương cộng tán.**

Việt:

Một Câu A Di Đà
Khi lâm chung Phật hiện
Tứ biện khó thân tuyên
Sáu phương đồng khen ngợi.

Lược giải:

Liên Trì đại sư nói: "Một câu A Di Đà gồm: Đại thiện căn, đại phước tiện, đại phước đức, đại trí huệ, đại giải thoát, đại từ bi. Câu niệm Phật đã có nhiều công đức lớn như thế, nên người niệm Phật mau diệt nhiều tội chướng, mau sanh nhiều phước huệ, khi lâm chung quyết định Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Cho nên chư Phật sáu phương hiện ra tướng lưỡi rộng dài, tiêu biểu cho

sự tuyên thuyết pháp môn tối thượng thừa, mà ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Tịnh Độ. Đã là pháp môn công đức không thể nghĩ bàn; thì đức Thích Ca Mâu Ni và chư Phật dù đã dùng Tứ biện tài là: Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Nhạo thuyết vô ngại biện, cũng không thể tuyên dương ngợi khen cho hết được !

*

Hán:

**7. Nhứt cú Di Đà
Thành Phật tiêu chuẩn
Dĩ niệm Phật tâm
Nhập Vô sanh nhẫn.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là thành Phật tiêu chuẩn
Dùng tâm hạnh niệm Phật
Chứng vào Vô sanh nhẫn.

Lược giải:

Niệm Phật chẳng riêng khi lâm chung được sanh về cõi Phật mà thôi. Trong hiện tại nếu hành giả nhiếp cả sáu căn, giữ cho tịnh niệm nối liền, có thể ngay đời này được ngộ

đạo, chúng vào Vô sanh pháp nhẫn. Cho nên gọi: Niệm Phật là tiêu chuẩn thành Phật.

*

Hán:

8. Nhứt cú Di Đà
Chứng tam Bất thối
Chỉ thử nhất sanh
Tiện bổ Phật vị.

Việt:

Một câu A Di Đà
Chứng ba ngôi Bất thối
Chỉ trong một đời này
Được bổ lên Phật vị.

Lược giải:

Ba ngôi bất thối chuyển là: Vị bất thối, Hạnh bất thối, và Niệm bất thối. Cứ theo Thiên Thai Giáo, chúng được đệ thất Bất thối tâm trụ, mới lên ngôi Vị bất thối. Chúng Thập hồi hương, lên ngôi Hạnh bất thối. Và khi chúng Sơ địa mới vào ngôi Niệm bất thối. Nhưng ước theo đường lối phổ thông của đại thừa giáo thì: Phá được Kiến tư hoặc mới lên ngôi vị Bất thối. Phục đoạn Trần sa hoặc, lên ngôi Hạnh bất thối. Và tiến phá Vô minh hoặc mới vào ngôi Niệm bất thối. Như thế chúng được ba ngôi Bất

thối thật không phải dễ! Theo các giáo môn khác, tất phải tu tập trải A tăng kỳ số kiếp mới chứng nhập được. Với pháp môn Tịnh Độ, khi được vãng sanh kể như vĩnh viễn không còn bị thối chuyển nữa. Điều này, theo kinh giáo, gọi riêng là Xứ bất thối. Từ Xứ bất thối, địa vị Tam bất thối đã cầm chắc trong tay, lần lượt sẽ tiến lên Phật quả. Cho nên kinh Di Đà nói: chúng sanh khi về cõi nước Cực Lạc, đều là bậc A bệ bạt trí (Bất thối chuyển)". Chư thiện nhơn ở Cực Lạc sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, chỉ trong một kiếp sanh về nơi đó, đã dư thời gian chứng lên ngôi Như lai sanh bổ xứ, được bỏ vào Phật vị rồi.

*

Hán:

**9. Như lai cú Di Đà
Mãn thập đại nguyện
Khởi đắc Phổ Hiền
Thác giáo liễu biện !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tròn đầy mười đại nguyện
Đâu phải đức Phổ Hiền
Dạy làm cho xong chuyện !

Lược giải:

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới, sau khi đức Phổ Hiền nói mười đại nguyện vương, ngài liền tự phát thệ và khuyên Thiện Tài đồng tử cùng hải chúng Bồ Tát trong biển thế giới Hoa Tạng, đều nên niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Lời phát thệ ấy như sau:

**Tôi nguyện khi lúc sắp mạng chung
Đứt trừ tất cả điều chướng ngại
Diện kiến đức Phật A Di Đà
Liên được sanh về Cõi An Lạc.**

Tại sao thế ? Vì muốn vào cảnh giới Bất tư nghì giải thoát, muốn thành tựu các công đức, muốn chứng Phật quả phải thật hành mười Đại nguyện vương, và muốn không bị nhiều chướng duyên làm cho thối chuyển, muốn sớm mau hoàn mãn mười Đại nguyện vương ấy, tất phải cầu sanh Cực Lạc! Cho nên lời đức Phổ Hiền khuyên dạy chư Bồ Tát niệm Phật cầu về Cực Lạc, không phải là điều dạy bảo cạn cợt lạc lảm, nói suông rồi cho xong chuyện ! Mà chính đó là lời khuyên dạy tối quan yếu, bao gồm ý vị rất sâu sắc, phải suy gẫm nhiều mới thấu hiểu !

*

Hán:

10. Nhứt cú Di Đà
Bạch ngưu giá cảnh
Kỳ tạt như phong
Hành bộ bình chánh

Việt:

Một câu A Di Đà
Xe gác ách trâu trắng
Chạy lẹ như gió bay
Bước đi thật bằng vững.

Lược giải:

Câu niệm Phật, đối với bậc cao, thì có niệm đồng với không niệm. Và mặc dù không nghĩ rằng mình là người hay niệm, đức Phật là vị được niệm, tâm niệm hăng rỗng không, nhưng cũng chẳng ngại gì câu niệm Phật thường hiển lộ rành rẽ rõ ràng. Như chư Bồ Tát, Tổ sư vẫn đi đứng, nằm ngồi, vẫn ăn cơm mặc áo, vẫn thuyết pháp tụng kinh, mà không thấy có các tướng ấy. Các ngài làm pháp hữu vi mà tâm vô vi, tâm tuy vô vi song vẫn làm tất cả pháp hữu vi. Như thế mới chẳng đọa vào lỗi "không và có", tiến lên cảnh giới Đại thừa. Cho nên đức Lục Tổ đã bảo:

Không niệm, niệm mới chánh
Có niệm, niệm thành tà

Có, không đều chẳng tướng Ngồi được Bạch ngưu xa.

Cần nhận rõ: Không và Có trên đây, chẳng phải là không niệm Phật tụng kinh. Đây chính là niệm Phật đi vào cảnh giới chân không, chẳng tướng nghĩ rằng mình có niệm hay không niệm. Với bậc kém hơn, tuy chưa thể ứng dụng được như thế, nhưng biết niệm Phật tức là đã tiến lên đường tu bằng phẳng, bước đi an ổn vững vàng, lần siêu vào cảnh giới Đại thừa. Như đã ngồi trên xe bạch ngưu, bước đi của nó thật bằng vững, không còn lo ngại chi nữa !

*

Hán:

**11. Nhứt cú Di Đà
Như Lai tạng tâm
Thủy ngoại vô lãng
Khí nguyên thị kim.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là tâm tạng Như Lai
Ngoài nước đâu có sóng
Xuyên, vàng vốn chẳng hai !

Lược giải:

Có một tu sĩ hỏi vị thượng tọa: "Niệm Phật để làm gì?". Ngài đáp: "Niệm Phật để thành Phật!". Tu sĩ ấy mỉm cười lui về, ý không công nhận. Tu sĩ đó không công nhận, vì ông chưa hiểu, và chưa ứng dụng được hạnh niệm Phật đi ngay vào Phật cảnh, tức vào tâm tạng của Như Lai. Theo trí phân biệt, ông chỉ chấp nhận và chỉ có thể ứng dụng câu niệm Phật để trừ vọng tưởng, lần lần chứng vào chân như mà thôi. Đó là quan niệm Tiệm giáo của nhị thừa. Nếu theo tâm chấp tướng phân biệt, người ta thấy sóng với nước, xuyên cùng vàng khác nhau. Nhưng thật ra, các thứ đó chẳng phải một, cũng chẳng phải hai. Nếu các hành giả niệm Phật từ thí dụ này để tìm hiểu, tất sẽ xóa tan niệm phân biệt, dung hòa tâm với cảnh, thể nhập pháp môn bất nhị, đi ngay vào tạng tánh của Như Lai. Câu niệm Phật là tâm tạng Phật, đại khái ý nghĩa như thế. Thuở xưa, một hành giả khi chứng ngộ vào cảnh giới này đã có bài kệ:

**Bước đường vô vị đã cùng rồi
Thấy sóng là đâu chỉ nước thôi !
Ông Triệu siêu quần chi lăm đó
Mặt mày trông cũng thể mà thôi.**

Hán:

12. Nhứt cú Di Đà

**Diệu chân như tánh
Xuân tại hoa chi
Tượng hàm cổ cảnh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Lộ tánh diệu chân như
Sắc xuân nơi hoa sáng
Muôn tượng ản gương xưa.

Lược giải:

Thuở xưa, một vị tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "Chư pháp tùng bản lai. Thường tự tịch diệt tướng" (Các pháp từ xưa nay. Tự tướng thường tịch diệt), bỗng sanh nghi không hiểu. Sau mấy năm tham thiền, ông chợt tỏ ngộ, liền viết tiếp thêm hai câu: "Xuân đáo bách hoa khai. Hoàng Oanh đề liễu biếc" (Xuân đến trăm hoa nở, Oanh vàng kêu liễu biếc!). Câu niệm Phật khi đã thuần, hành giả sẽ thấy tánh chân như màu nhiệm lồ lộ hiện bày, không thể dùng lời nói luận bàn, dùng tâm tư nghĩ suy phân biệt được. Cảnh trạng ấy như sắc xuân hiện nơi trăm hoa đua nở sáng tươi, như oanh vàng kêu hót líu lo trên cành liễu sanh biếc, chỉ dùng tâm thiên nhiên mới thể hợp được cảnh thiên nhiên. Nếu nghĩ suy phân biệt, tức là phiền não vọng động rồi, đâu còn chi là xuân nữa! Lại như chiếc

gương xưa tròn to sáng suốt, trong đó in cảnh non nước trời mây, gương cùng cảnh tượng dung nhập nhau, không nghĩ là đây là kia, là một là khác. Người niệm Phật khi ngộ vào tánh diệu chân như cũng như thế. Thời cận đại ở Trung Hoa, một đêm Hư Vân thượng nhân đang ngồi tịnh ngoài trời dưới ánh trăng sáng, vị Thiên sư đồng tham bước đến ướm hỏi thử:

**Mắt cá vẫn nhiều, châu khó nhận
Móng mây dễ lẫn ráng tươi hồng!**

Thượng nhân liền đáp:

**Gương hàm muôn tượng không kim cổ
Chẳng thuộc âm dương sáng đại đồng.**

Thiên sư nghe xong, gật đầu mỉm cười rồi bỏ đi.

*

Hán:

**13. Nhứt cú Di Đà
Thanh tịnh thật tướng
Tuyệt nghị, tuyệt tư
Nan danh, nan trạng.**

Việt:

Một câu A Di Đà

Cảnh thật tướng sạch trong
Tuyệt bàn, tuyệt suy nghĩ
Khó nói, khó hình dung.

Lược giải:

Lập lại ý trên, hành giả niệm Phật khi đi sâu vào tam muội, thể thật tướng của chân tâm lộ lộ hiện bày. Cảnh giới này chỉ đem tâm thanh tịnh khế hợp, không thể dùng lời nói diễn tả, dùng tướng niệm phân biệt để nghĩ ngợi phan duyên. Bởi thế nên khi Thủy Lạo hòa thượng đến tham khấu với ý niệm cầu hỏi về chân tâm, vừa mới cúi lạy đã bị đức Mã Tổ đập cho té lăn tròn. Thế mà hòa thượng tỏ ngộ, vỗ tay cười ha hả. Sự tỏ ngộ ấy chỉ đương nhân tự hiểu, như người uống nước lạnh nóng riêng mình biết lấy mà thôi. Cũng với ý chỉ này, thuở xưa một vị tôn đức đem bài kệ như sauướm hỏi các môn nhân:

**Có pháp không sau trước
Vô hình vốn lặng trang
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.**

Một đệ tử nghe xong, vội ứng tiếng thưa: " Đó là chân tâm !". Liền bị tôn đức rầy quở bác phá.

*

Hán:

14. Nhứt cú Di Đà

**Viên dung pháp giới
Thục thể toàn chân
Giao la vô ngại.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dụng thông tròn pháp giới
Soi lạng thể toàn chân
Xen giăng khắp vô ngại.

Lược giải:

Như trên đã nói, khi hành giả chứng Niệm Phật tam muội, căn trần dứt bật, tự tánh Di Đà dung thông tròn sáng khắp pháp giới. Cảnh tượng ấy lạng lẽ mà chiếu soi, chiếu soi mà lạng lẽ, toàn thể đâu đâu cũng là chân thật. Trong chân thể ấy, hằng sa vô biên thể giới xen giăng nhau, như vô số hạt châu nơi các mắt lưới của trời Đê Thích. Chân cảnh này rất đổi sâu mầu, trong Tứ pháp giới, thuộc về Sự sự vô ngại pháp giới, trong Thập huyền môn, thuộc về Nhân đà la võng cảnh giới môn.

*

Hán:

**15. Nhứt cú Di Đà
Đại viên trí cảnh
Thân độ ảnh hàm
Trùng trùng yêm ánh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Gương Đại Viên trí cảnh
Thân độ bóng hàm nhau
Lớp lớp màu lấp lánh !

Lược giải:

Đây lại nói tiếp về công hạnh niệm Phật của hành giả khi chúng cùng cực chân cảnh tự tánh Di Đà. Chân cảnh này như thể gương tròn sáng không ngăn mé, bao gồm muôn tượng sum la, gọi là Đại viên cảnh trí. Trong thể Đại viên ấy, "Thân" thuộc về phần Chân như tịch chiếu môn. "Độ" thuộc về phần Thế giới sanh diệt môn, đều hàm chứa hình bóng lẫn nhau. Sự hàm ảnh đó như mỗi hạt châu nơi mắt lưới của trời Đế Thích, đều ngậm chứa hình bóng của vô số hạt châu khác. Cảnh hàm ảnh giữa Không với Không, Sắc cùng Sắc, Sắc và Không xen lẫn ngậm bóng nhau ấy, thật là lớp lớp tầng tầng, lấp lánh vô ngại nhiệm màu khó bề diễn tả.

*

Hán:

**16. Nhứt cú Di Đà
Không Như Lai tạng
Vạn pháp vị hình**

Nhứt chân tuyệt tướng.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là không Như Lai Tạng
Vạn pháp dứt hình dung
Nhứt chân tuyệt sắc tướng.

Lược giải:

Tiếp theo ý nghĩa trên, cảnh giới tuy nhiên sum la như thế, song hành giả phải một tâm lặng lẽ thể nhập vào Không Như Lai Tạng. Tâm cảnh này dứt cả muôn pháp, tuyệt cả sắc tướng, chỉ là một thể Nhất chân không còn phân biệt.

*

Hán:

**17. Nhứt cú Di Đà
Viên mãn Bồ Đề
Thiên cảnh vô thượng
Vân bất dữ tề.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tròn đủ Bồ Đề đạo
Ráng mây đều ở thấp
Khoảng không trời rộng cao.

Lược giải:

Khi hành giả đã thể nhập Không Như Lai Tạng, thì đạo Bồ đề tròn đủ, con đường giác ngộ đến mức cao tuyệt rồi. Cảnh giới ấy như trạng thái của người: "Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao". Khi xưa ông Khâu Chuẩn đời nhà Tống, thưở bé theo cha lên núi Thái Sơn, đã đặc ý đọc lên bốn câu thi cũng mừng tượng như hai câu sau của bài kệ trên:

**Bất dữ quần phong ngữ
Cánh vô sơn dữ tề
Cử đầu hồng nhật cận
Hồi thủ bạch vân đề.**

Tạm dịch:

*Chẳng cùng muôn đánh đồng bạn
Lại không một núi dám qua
Ngước mắt vàng hồng kê cận
Cúi đầu mây bạc thấp xa!*

Nhưng đó chỉ là khẩu khí của một vị Tể tướng, vì trên còn có vàng hồng, còn có Thiên Tử. Chưa bằng vua Hồng Võ đời nhà Minh lúc du ngoạn núi này, cũng tức cảnh hai câu:

Nhứt thượng, nhứt thượng, cánh nhứt thượng

Vô hạn yên vân nhãn để thâm !

Tạm dịch:

*Lên cao càng lúc càng cao tí
Vô hạn trời mây dưới mắt nhìn !.*

Đây mới thật là khẩu khí của một bậc Thiên Tử, đứng trên muôn dân. Có thể mượn hai câu sau này để tạm hình dung cảnh giới giác ngộ tròn đầy cao tuyệt của một vị Pháp Vương đứng trên vạn pháp.

*

Hán:

**18. Nhứt cú Di Đà
Đại bát Niết Bàn
Nhất luân minh nguyệt
Vạn lý không hàn !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là cảnh Đại tịch diệt
Muôn dặm trống thanh lương
Chỉ một vàng minh nguyệt !

Lược giải:

Khi đã vào thể nhiệm màu cao tuyệt của Không Như Lai tạng, hành giả niệm Phật ở cảnh giới mà nhà Thiền gọi là "Chẳng cùng muôn pháp làm bạn" (Bất dữ vạn pháp vi lữ). Cảnh giới này như vàng trắng tròn sáng, chiếu soi muôn dặm, vắng lặng thanh lương, là cảnh Đại tịch diệt hay Đại Bát Niết Bàn vậy. Đây cũng gọi là cảnh "Song vong", người chẵn và trâu đều mất, phiền não cùng pháp trừ phiền não không còn. Như lời xưa đã diễn tả:

**Soi lại người, trâu đã mất tung
Dặm ngàn vắng lạnh nguyệt linh lung !
Ý này đoan đích như ai hỏi
Cỏ biếc hoa tươi tự thắm hồng !**

*

Hán:

**19. Nhứt cú Di Đà
Khai Bát nhã môn
Thập hư vạn pháp
Nhứt khẩu bình thôn.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Mở toang cửa Bát nhã
Muôn pháp cõi thập hư
Một miếng nuốt tất cả.

Lược giải:

Bát nhã là trí huệ. Thập hư có nghĩa: cõi hư không ở mười phương. Một câu Phật hiệu, nếu niệm cùng cực, tất mở toang được trí huệ và bao hàm muôn pháp ở mười phương hư không. Muốn một tiếng nuốt trọn muôn pháp cõi thập hư, bên trong hành giả phải tiêu trừ bốn đại năm uẩn thuộc ngã chấp, bên ngoài xả bỏ sáu trần cùng thời gian, không gian thuộc pháp chấp. Khi chuyên giữ một câu Phật hiệu, xả trừ quan niệm chấp thân tâm và thế giới như thế, đến lúc sức cực công thuần, tâm của đương nhân bỗng mở rộng rang, bao trùm muôn pháp khắp mười phương, như bọt nước hòa tan đồng sức hàm chứa cùng biển rộng. Đó gọi là một miếng nuốt tất cả. Thuở xưa cư sĩ Bàn Uẩn đêm tham khấu đức Mã Tổ hỏi: " Thế nào là ý của Tổ Sư Đạt Ma từ Tây Phương đến ?". Mã Tổ đáp: " Đợi khi nào ông uống một hớp hết nước sông Tây Giang, ta sẽ nói cho biết !". Cư sĩ nghe xong bỗng đại ngộ. Hành giả niệm Phật nên theo dõi bước đại ngộ này, đừng quan thiệp vào lý giải.



Hán:

**20. Nhứt cú Di Đà
Hoa ốc môn khai
Tùng giả lý nhập
Khoái tùy ngã lai...**

Việt:

Một câu A Di Đà
Mở cửa nhà đẹp cao
Gọi các hàng tưng giả
Mau theo ta đi vào.

Lược giải:

Hoa ốc đây, chỉ cho cảnh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng. Khi hành giả chứng được Niệm Phật tam muội rồi, tâm cảnh rộng rang, lần lần đi sâu vào biển thế giới Hoa Tạng, gồm vô biên quốc độ màu đẹp trang nghiêm. Tự mình giác ngộ chứng được đức trí, lại dùng vô lượng phương tiện khuyến dẫn kẻ hữu duyên đồng bước theo vào nơi hoa ốc để thật hiện đức Bi... Đây là bản nguyện cao cả của người học đạo.

*

Hán:

21. Nhứt cú Di Đà
Nhập vương tam muội
Tự địa quân kinh
Như thiên phổ cái.

Việt:

Một câu A Di Đà
Vào tam muội Bảo vương
Như đất đều nâng đỡ

Tợ trời che khắp miền.

Lược giải:

Niệm Phật tam muội cũng gọi là Bảo Vương tam muội. Khi chúng được tam muội này, diệt vô lượng tội chướng, tăng vô biên phước huệ, độ vô số chúng sanh, đức hóa lan rộng khắp mọi nơi như trời che đất chở. Từ nơi Niệm Phật Bảo Vương tam muội này, Bồ Tát rưới vô lượng mưa pháp độ khắp chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Vân Bồ Tát đã bảo Thiện Tài đồng tử:

... "Thiện nam tử ! Chư đại Bồ Tát có vô biên hành môn trí huệ thanh tịnh. Đó là: Môn Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, thường thấy các thứ cung điện nghiêm sạch nơi tất cả quốc độ của chư Phật. Môn Linh Nhứt Thiết Chúng Sanh Niệm Phật, tùy nơi tâm ưa thích của các chúng sanh, đều khiến cho được thấy Phật và được thanh tịnh. Môn Linh An Trụ Lực Niệm Phật, khiến cho được vào mười lực của Như Lai. Môn Linh An Trụ Pháp Niệm Phật, khiến cho thấy vô lượng chư Phật được nghe pháp mầu. Môn Chiếu Diệu Chư Phương Niệm Phật, thấy trong tất cả thế giới, các Phật hải đều đồng nhau không sai khác. Môn Nhập Bất Khả Kiến Xứ Niệm Phật, thấy tất cả cảnh vi tế trong các việc thần thông tự tại của chư Phật. Môn Trụ Ư Chư Kiếp Niệm Phật, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai không tạm mất. Môn Trụ Nhứt Thiết Thời Niệm Phật,

trong tất cả thời thường thấy Như Lai đồng ở gần bên không xa lìa. Môn Trụ Nhứt Thiết Sát Niệm Phật, trong các quốc độ đều thấy thân Phật vượt hơn tất cả không chi sánh bằng. Môn Trụ Nhứt Thiết Thế Niệm Phật, tùy nơi tâm mình ưa thích, thấy khắp chư Như Lai trong ba đời. Môn Trụ Nhứt Thiết Cảnh Niệm Phật, khắp trong tất cả cảnh giới, thấy chư Như Lai lần lượt hiện thân. Môn Trụ Tịch Diệt Niệm Phật, trong một niệm thấy chư Phật trong tất cả cõi thị hiện vào Niết Bàn. Môn Viên Ly Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả Phật từ chỗ mình ở đi ra. Môn Trụ Quảng Đại Niệm Phật, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Môn Trụ Vi Tế Niệm Phật, khoảng một đầu lông có bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, đều đến tận nơi mà thừa sự. Môn Trụ Trang nghiêm Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng Chánh Giác hiện sức thần biến. Môn Trụ Năng Sự Niệm Phật, thấy tất cả Phật hiện ra nơi đời phóng ánh sáng trí huệ, chuyển bánh xe pháp. Môn Trụ Tự Tại Tâm Niệm Phật, tùy tâm mình ưa thích, tất cả chư Phật đều biết và hiện ảnh tượng. Môn Trụ Tự Nghiệp Niệm Phật, biết tùy theo nghiệp lành chứa nhóm của chúng sanh, hiện ra ảnh tượng khiến cho giác ngộ. Môn Trụ Thần Biến Niệm Phật, thấy Phật ngồi trên hoa sen tươi nở rộng lớn đầy khắp pháp giới. Môn Trụ Hư Không Niệm

Phật, quán sát Như Lai có nhiều thân như mây, trang nghiêm pháp giới và hư không giới...".

Môn Niệm Phật xuất sanh nhiều tam muội và lợi ích khắp chúng sanh như thế, nên gọi là Vương tam muội, và như trời che đất chở.

DIỆU HIỆP

Diệu Hiệp đại sư, người ở huyện Cần tại Minh Châu. Ngài xuất gia khoảng cuối đời nhà Nguyên sang đầu triều Minh, nghiên cứu tinh tường về Thiên Thai Giáo quán, chuyên tu môn Niệm Phật tam muội. Đại sư có soạn thuật hai quyển Niệm Phật Trục Chi, trong đó thiên Trục Chi Tâm Yếu phá vọng hiển chân, biện giải đến chỗ tinh vi. Văn rằng:

"... Đức Thế Tôn thấy cõi Ta Bà có các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, nghiệp phiền não thiêu đốt buộc ràng, nên khuyên chúng hữu tình niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng cách Phật lâu xa, con đường Thánh đạo càng bị cỏ tranh khuất lấp. Nhiều người nghe nói: "Các pháp đều ở nơi tâm", liền lầm nhận nghiệp vọng tưởng thuộc bóng duyên sáu trần trong thân là tâm mình. Do đó nên bảo: "Phật ở nơi đây, cõi Cực Lạc cũng ở trong ấy, không cần tìm cầu đâu xa!". Họ không biết thể huyền bóng duyên sáu trần đó, thuộc về vọng tâm, vốn không bền

chắc. Nếu tiền trần tiêu tan, vọng tâm ấy liền diệt. Như thế, làm sao có cõi Cực Lạc ở trong đó được?

Có kẻ lại miễn cưỡng bảo: "Các bậc ngộ đạo thấy tánh đều nói cõi Phật ở nơi tâm. Đã thấy tánh, lẽ đâu còn chấp bóng duyên của sáu trần nữa!". Các người ấy đâu biết rằng sự ngộ đạo thấy tánh đó, là ngộ được bản tâm chân thật, chớ không phải là vọng tâm như họ tưởng. Muốn ngộ được chân tâm ấy, phải thấu suốt ở trong huyễn thân, huyễn thân lại ở trong thế giới, và tất cả thế giới sạch lành hoặc như ác đều ở trong hư không. Thế hư không ấy tuy bao gồm tất cả y báo chánh báo của mười phương, rộng lớn không ngần mé, nhưng lại ở trong chân tâm sáng suốt bất động vô cùng vô tận của ta, ví như một cụm mây nhỏ điểm lơ lửng giữa khoảng thái thanh bao la lạng lẽ. Chân tâm đã rộng lớn như thế, làm sao tất cả mười phương thế giới hoặc như hoặc sạch lại không ở trong tâm? Thế thì đức Phật hoặc các bậc ngộ đạo nói các pháp ở nơi tâm, là chỉ cho chân tâm đó, chớ không phải vọng tâm thuộc bóng duyên sáu trần trong huyễn thân này đâu! Chân tâm ấy vượt niệm hiểu biết, lìa sự thấy nghe, dứt hẳn các tướng sanh, diệt, thêm, bớt. Tất cả thế giới gồm thân chư Phật và chúng sanh đã ở trong chân tâm đó, thì cảnh Ta Bà cùng Cực Lạc đều là tâm của ta. Cho nên các hữu tình ở trong đó tùy ý bỏ Đông cầu Tây, chán cõi như thích cảnh sạch, dù có trước tướng, vẫn không lìa ngoài chân tâm.

Bởi thế, khi cảnh tướng đẹp của cõi Cực Lạc và đức A Di Đà hiện ra, tức từ tâm ta hiển lộ. Và khi tâm ta hiển lộ thì Đức A Di Đà hiện ra. Tâm ta là tâm đức Phật kia, đức Phật kia là Phật của tâm ta, đồng một thể không khác, nên gọi "Duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà". Cho nên khi nói duy tâm hay bản tánh, chẳng phải chỉ cho cái vọng tâm sanh diệt thuộc bóng duyên sáu trần trong huyễn thân. Và ở phương Tây chẳng phải không có cõi Cực Lạc cùng Đức A Di Đà, mà nói không cần tìm cầu. Cầu Đức Phật kia chính là cầu tâm mình, muốn sớm ngộ chân tâm mình, phải cầu đức Phật kia. Thế thì tại sao đời nay các nhà thức giả vừa mới biết chút ít lý thiên, những tăng sĩ nông cạn phá rối Phật pháp, không nghiên tâm sâu chân lý để ngộ cảnh tức là tâm? Mà trở lại ở trong môn Bất nhị, họ chia trong bỏ ngoài, phân tâm phân cảnh, dạy người tìm trong bỏ ngoài, lìa cảnh để cầu tâm, khiến lòng thương ghét thêm rộng nhiều, niệm phân biệt càng sâu đậm? Khi phân chia cảnh, thì cho cõi Cực Lạc ở ngoài, dạy người chẳng nên cầu vãng sanh....

Và khi phân chia tâm, lại lầm nhận vọng thức là tâm, bảo cõi Cực Lạc ở trong đó. Càng sai lầm hơn nữa, họ cho chân tâm là rỗng không, lìa tất cả cảnh tướng nhân quả lành dữ tội phước, nên từ đó muốn tỏ ra mình là vô ngại, lại buông lung theo duyên đời, dạy người không cần lễ Phật. Tụng kinh sám nguyện, tu phước, bảo là trước tướng.

Đối với cảnh Thiên cung, Địa ngục và các cõi Tịnh Độ, tuy nghe trong kinh nói đến, nhưng vì mắt phàm không thấy, họ bác hẳn nói không có, cho lời kinh là quyền thuyết. Họ lại bảo cảnh vui hiện tại, hay một niệm vui tươi là Thiên đường, cảnh khổ trước mắt, hoặc một niệm phiền não là Địa ngục. Sự hiểu biết cạn cợt nông nổi như trên, thật đáng thương xót!

Phải biết tâm ta cùng tâm Phật đồng một chân thể. Đức A Di Đà chứng ngộ đầy đủ tâm ấy, nên phóng ánh sáng oai đức soi khắp mười phương, dùng sức nguyện thương xót rộng sâu nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Ta tuy đồng một tâm thể với Phật, nhưng bởi bị sức nghiệp vô minh phiền não che lấp buộc ràng, chưa chứng ngộ được bản tâm, nên cần phải tu tất cả hạnh lành, và niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc. Vì tất cả pháp chẳng phải khác, nên muôn hạnh đều hướng về chân tâm, đều trôi về biển Phật. Bởi tất cả pháp chẳng phải đồng, nên tuy cùng một tâm thể, vẫn có thiện có ác, có uế có tịnh, thì ở địa vị phàm phu phải bỏ ác cầu thiện, bỏ uế cầu tịnh, phát nguyện cầu sanh để mau chứng ngộ chân tâm. Khi tu hành như thế, ví như một giọt nước gieo vào biển, tất cả sẽ đồng một vị một thể với biển cả. Lúc được chứng ngộ toàn thể chân tâm, thì trong ánh đại quang minh sẽ thấy tất cả cảnh tướng thiện ác như sạch ở mười phương thế giới đều như bóng như huyễn, sanh diệt không dừng. Sự thiện ác như sạch sanh

diệt như huyễn ấy, cũng tức là tâm, nhưng không làm ngại đến tâm thể đại quang minh, như một cụm mây nhỏ không làm ngại đến hư không bao la rộng rãi. Chứng ngộ được như thế mới có thể nói là vô ngại.

Đa số hàng thiện tín nơi thôn ấp quê mùa, tuy không thông hiểu Phật lý, nhưng vì tin có Phật và cõi Cực Lạc, chuyên tâm làm lành phát nguyện niệm Phật, nên khi lâm chung được sự lợi ích vãng sanh, lên ngôi Bất thối chuyển, mau chứng quả đại Bồ đề. Trái lại người có chút ít học thức thông minh, bởi chưa thấu suốt lý tánh, bác sự tướng, trệ vào thiên không, dù tu đạo hạnh, kết cuộc lại lạc vào vòng ngoại đạo, chìm trong nẻo luân hồi. Cho nên hàng Phật tử chân chánh, về chữ Tín phải tin có tội phước nhân quả, có địa ngục, thiên đường, có mười phương Tịnh Độ. Về chữ Nguyện, nên phát tâm cầu sanh Cực Lạc, để sớm thoát ly nỗi khổ ở Ta Bà, mau chứng ngộ bản tâm, khỏi sự luân hồi sống chết, rồi độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật quả. Về chữ Hạnh, phải hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, tu các nghiệp lành, thọ trì tam quy, giữ gìn giới phạm, phát lòng Bồ đề, tụng kinh niệm Phật, khuyên người tu hành, đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương. Phải nghĩ mạng người vô thường, chỉ mong manh trong hơi thở, việc thế tục quanh quẩn buộc ràng, móc nối nhau không dứt. Nếu chẳng phát tâm mạnh mẽ, cắt một dao cho đứt đoạn, nhảy hết sức để vượt qua, thì biết chừng nào mới

được an nhàn giải thoát? Nay tôi thiết tha đánh lễ, kính khuyên các Phật tử, nên một lòng thật ngộ thật tu, nguyện ngày kia đồng làm bạn lành nơi cõi Liên hoa thế giới...”.

Về sau khi lâm chung, đại sư biết ngày giờ trước, an tường niệm Phật mà vãng sanh.

MINH CHỨNG

Thích Minh Chứng tự Vô Trần, họ Ngụy, quê ở Côi Kê. Tánh ông thuần giản ít nói, thuở bé không thích mùi tanh của thịt cá, thường muốn xuất gia. Đến 15 tuổi nhân sang viếng cảnh chùa làng gần bên, ông gặp một vị lão tăng mày lớn lông mi dài, mới diện kiến có cảm giác như đã quen biết nhau từ trước. Hỏi ra thì lão tăng ở non Ngũ Đài vừa đến, ông liền nương theo xin làm đệ tử. Lão tăng bảo: "Ba năm sau người mới có thể xuống tóc. Hiện thời phải gắng khổ hạnh làm công quả trong chùa, và học tập các kinh điển trước".

Từ đó Minh Chứng đến tòng lâm, làm các công việc nặng nhọc, học chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày tụng thuộc lòng một chữ. Ban đêm thì lễ đức Quán Thế Âm, có khi lạy luôn tới sáng không nằm nghỉ. Trải 3 năm như thế, việc tụng chú vừa xong, bỗng bị bệnh 7 ngày, cả mình đau nhức dường như thay đổi gân cốt. Khi bệnh lành trí tuệ chợt mở sáng thì vị lão tăng ở non Ngũ Đài cũng vừa đến, vì xuống tóc, hội chúng lại, truyền cho giới Cụ túc, lại dạy

trọn đời phải tụng kinh Pháp Hoa. Minh Chứng liền giở kinh ra tụng, thấy thông suốt không trệ, dường như đã có học tập từ lâu. Kế tiếp tụng sang các kinh như: Hoa Nghiêm, Niết Bàn, cũng đều thông thuộc. Sư liền đến đánh lễ lão tăng và bạch rằng: "Con nguyện suốt đời đi khất thực cúng dường thầy để báo ân đức!". Nhưng ngay đêm ấy lão tăng bỗng đi đâu mất. Vâng theo lời thầy, mỗi ngày Minh Chứng đều tụng một bộ Pháp Hoa, ngoài y bát ra không chứa để món chi, có người cúng dường liền tùy duyên thí xả. Sư vốn ít nói, ai hỏi đến chỉ mỉm cười mà thôi.

Nắng lại mưa qua, tu hành một mực như thế trải đúng 30 năm. Một hôm sau khi tụng kinh xong, sư có vẻ ủ dột không vui, đệ tử hỏi duyên cớ, đáp rằng: "Ta trì tụng một đời mục đích cầu sanh Tịnh Độ, nay sao còn đọa vào vòng phước báu cõi hồng trần?" Do đó, lại tinh tấn tụng niệm thêm 3 năm nữa. Ngày nọ, sư bỗng vỗ bàn cười lớn bảo: "Ta đã được đến thế giới hoa sen, thoát ly cõi bụi hồng, từ nay không còn bị nghiệp duyên ràng buộc!". Hôm sau Minh Chứng liền đến chùa Vân Thê yết kiến Liên Trì đại sư. Khi trở về đến một bờ suối, sư gọi thị giả dặn: Con hãy đi thông tin trước cho hàng đệ tử biết, ngày mai thầy sẽ vãng sanh". Hôm sau khi các đồ đệ đã tập họp, Minh Chứng hỏi: "Hiện tại là mấy giờ". Một vị đáp: "Vừa đến giờ Ngọ!" sư liền bảo nấu nước cho mình tắm gội, xong

liền đáp y ngòì niệm Phật, rồi tụng sang danh hiệu Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, bỗng chột nhắm mắt nín lặng. Lúc ấy mọi người lại nghe giữa hư không có tiếng niệm: Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, rất rành rẽ rõ ràng. Hàng đệ tử xem lại thì sư đã chấp tay viên tịch như vào thiên đình, mùi hương lạ bay thơm bát ngát.

Bảy hôm sau, các đệ tử mở bảo khám ra thấy dung nghi của sư còn tươi như sống. Bảy giờ nhằm năm Vạn Lịch thứ 21 đời Minh, sư hưởng dương được 50 tuổi. Một đệ tử của Minh Chúng là Chơn Đình, tự Tịnh Minh, cũng theo lời thầy dạy siêng năng niệm Phật, cầu sanh Tịnh ĐỘ. Ngoài ra còn kiêm lễ bái các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tạo tượng trai tăng, tu các khổ hạnh. Đến 70 tuổi, sư cũng biết ngày giờ trước, ngòì day mặt về Tây niệm Phật mà hóa.

KHÔNG CỐC

Không Cốc thiên sư, pháp danh Cảnh Long, tự Tổ Đình, con nhà họ Trần ở Tô Châu. Lúc thơ ấu ngài đã không chịu ăn thịt cá, ưa ngòì xếp vé ngay thẳng trạng như thiên đình. Lớn lên theo Lại Vân hòa thượng ở Biền Sơn, tham khảo về đạo pháp. Năm hai mươi tám tuổi xuất gia ở chùa Hồ Khâu.

Trong niên hiệu Hồng Hi đời Minh, thiên sư được cấp điệp làm tăng, y chỉ với Thạch Am hòa thượng ở chùa

Linh Ân tại Hàng Châu. Kế đó ngài lên núi Thiên Mục khắc khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên thức tỉnh, đem chỗ tỏ ngộ về cầu chứng với hòa thượng Lại Vân, được mong ẩn khả. Thiền sư đã đề xướng tông Trực Chỉ, lại kiêm hoằng dương môn Niệm Phật, từng làm thi Tịnh Độ một trăm lẻ tám bài. Có người hỏi ý kiến về Tứ liệu giản của tổ Vĩnh Minh. Ngài đáp: “Người tham thiền nắm giữ một câu thoại đầu, tự cho ngoài công phu thủ tịnh ra, không còn việc chi khác. Sự niệm Phật vãng sanh cho đến hai thời khóa tụng, họ đều chẳng thật hành. Đây gọi là: “Có Thiền không Tịnh Độ vậy. Lối tham thiền như thế cũng chưa phải là chánh khí, vì chỉ giữ chết câu thoại đầu chẳng khác gì ngói gỗ đất đá. Vướng mắc vào chứng bệnh này, trong mười người đã hết tám chín, không làm sao cứu vãn được! Bậc chân thật ngộ thiền cơ, thì ứng dụng không ngại, như trái bần trên mặt nước đụng đến liền lăn tròn, chẳng dính mắc vào đâu cả. Tham thiền như thế, không khinh sự niệm Phật vãng sanh, cũng không bỏ hai thời khóa tụng, xây qua day lại chỗ nào cũng là đạo. Đây gọi là: “Có Thiền có Tịnh Độ vậy!”.

Thiền sư lại bảo: “Pháp môn Niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả nên xét thân người chẳng bền, cuộc đời như huyễn, duy câu niệm Phật có thể nhờ cậy, cõi Cực Lạc là đáng nương về. Vì thế phải giữ chắc câu hồng danh như bốn mạng, hoặc niệm mau niệm chậm, cao tiếng

thấp tiếng, thân tâm nhàn đạm thâm niệm chẳng quên, động tịnh hưỡn gấp thường hằng không khác. Hành trì như thế ngày kia chạm cảnh gặp duyên bỗng ngộ tánh bản lai, mới biết Tịch Quang Tịch Độ không lìa hiện cảnh. A Di Đà Phật chẳng ngoài tâm mình. Nếu khởi tâm cầu tỏ ngộ lại trở thành chướng ngại. Chỉ dùng lòng tin làm căn bản, tất cả tạp niệm đều chẳng tùy theo. Niệm như thế dù không tỏ ngộ, khi mạng chung cũng được vãng sanh, theo giai cấp tiến tu, không còn bị thối chuyển”.

Về sau, vì không cơ duyên tham khảo, chẳng biết ngày lâm chung của thiền sư như thế nào?

ĐỨC THANH

Đức Thanh đại sư, tự Trùng Ân, lúc lớn tuổi lấy hiệu là Hám Sơn lão nhơn, con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Bà mẹ nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bồng đứa đồng tử trao cho mà mang thai ngài. Đến khi sanh ra, có hai lớp bọc trắng. Năm mười chín tuổi ngài xuất gia, chuyên tâm niệm Phật. Một đêm đại sư mộng thấy đức A Di Đà hiện thân đứng giữa hư không, về phía mặt trời lặn. Tướng Phật mày mắt rõ ràng, sáng suốt trang nghiêm, từ đó thường hiển hiện trước mặt. Kế tiếp ngài đến non Ngũ Đài, thiền ngộ được bản tâm, phát nguyện chích máu tả kinh Hoa Nghiêm và A Di Đà, mỗi nét bút niệm Phật một câu. Lâu ngày động tịnh đều như một.

Năm Vạn Lịch thứ mười đời nhà Minh, đại sư trụ tích tại Lao Sơn. Lý Thái hậu nghe danh mến đức, xuất tiền của cho người đến cất chùa, tứ bảng hiệu là Hải Ấn Tự. Bấy giờ Thái hậu thường sai quan Trung Sứ đi tu tạo chùa tháp các nơi. Trong hàng quyền quý có kẻ hiềm khích với quan Trung Sứ, lập mưu xúi nhóm đạo sĩ phái Đông Xưởng đánh trống đưa đơn đầu cáo, nói ông xâm chiếm đạo viện sửa làm cảnh chùa. Việc ấy gây liên lụy đến đại sư, ngài bị truất bỏ tăng phục, đày tới Lô Châu. Khi từ già đại chúng ra đi, ngài vẫn an nhiên, viết lời kệ tỏ ý chí rằng:

Cà sa cởi lớp đôi nhung trang,

Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng!

Dẫu gặp cảnh duyên dường lửa đỏ,

Tấm lòng băng tuyết dễ chi tan?

Tùy chỗ đi đến, đại sư vẫn mang lớp tục trang thuyết pháp, lại phát nguyện hoàng dương kinh Đại thừa, số luận các bộ như: Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, ngài được ân chiếu xá tội và cho hoàn tăng phục. Trên đường về qua Lô Sơn, đại sư thích cảnh thanh u, kết am ở dưới ngọn Ngũ Nhũ Phong, noi theo gương Viễn Công, đào hồ trồng sen, phân định thời khắc tu Tịnh Độ rất tinh tấn.

Bấy giờ có vị tu thiền ở Hải Dương, trong khi cầu thọ giới pháp, nhân hỏi về yếu chỉ Tịnh Độ. Đại sư bảo:

- "Đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều phương tiện tu hành để ra khỏi vòng sống chết luân hồi, tiến lên Phật quả. Tựu trung duy có môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là rất thiết yếu mau lẹ. Pháp môn này không ai thừa hỏi mà đức Phật tự nói, đủ thấy tầm mức quan trọng đến dường nào! Môn ấy trùm khắp ba căn, thấu cả bốn chúng, không phải quyền tiện vì bậc hạ căn mà lập ra. Kinh nói: "Muốn thanh tịnh cõi Phật, trước thanh tịnh tâm mình!". Cho nên người tu Tịnh Độ phải lấy tịnh tâm làm căn bản. Muốn tâm được thanh tịnh, điều cần nhất là giữ giới căn cho trong sạch. Các giới tuy nhiều, nhưng yếu ước lại không ngoài ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý. Giữ mười nghiệp này sạch lành, là chánh nhân của Thiên cung, Tịnh Độ; trái lại là nhân của nẻo khổ tam đồ. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh như thế, khởi lòng bi cảm, nhằm chán nỗi khổ như ác ở Ta Bà, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc để mau thành đạo quả độ mình độ loài hữu tình, mà lập chánh hạnh niệm Phật. Cách thức niệm Phật lại tùy tiện theo căn cảnh của mỗi người, nhưng cần phải thật tâm thật hạnh mới đem đến hiệu quả thiết thật!".

Lại có cư sĩ Tịnh Tâm đến xin chỉ dạy, hỏi:

- "Tại sao có nhiều người niệm Phật không tinh tấn và khó thành một khối?".

Đại sư khai thị:

- "Điểm quan yếu bậc nhất của sự tu hành là: tha thiết vì thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi. Nếu không tha thiết nghĩ đến điều này, thì làm sao có thể niệm Phật tinh tấn và thành một khối được? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi niệm buông theo vọng tưởng, gốc rễ tình ái bám sâu, ngay ở cõi người vui ít khổ nhiều, còn trong nẻo luân hồi thì sanh lên cõi nhơn thiên như đất nơi móng tay, đọa xuống ba đường ác như đất miền đại địa! Cổ nhơn đã bảo: "Tam đồ một đọa ngàn muôn kiếp. Tái phục nhơn thân biết lúc nào?". Nếu trong đời này không thống thiết vì sự khổ sống chết luân hồi, mỗi niệm vẫn theo tình nhiễm, muốn đem lòng tin hời hợt niệm Phật để cầu thoát ly, thì khác nào mong dùng một gáo nước để cứu muôn xe lửa đỏ? Tu hành như thế chỉ e khi mất thân người khó bề lại được, một phen bê trễ tiếc hận lâu dài! Vậy phải phát lòng tinh tấn, dùng hạnh niệm Phật vượt phá muôn ngàn vọng tưởng, tùy thời tùy chỗ đều giữ cho câu Phật hiệu được hiện tiền. Quyết tâm hạ công phu khổ thiết như thế, lâu ngày sẽ được thuần thực tương ưng, và câu niệm Phật tự thành một khối. Việc này toàn do nơi mình suy gẫm và hết lòng gắng sức. Nếu đem câu niệm Phật làm hình thức bên ngoài, chắc chắn khó mong có ngày được vãng sanh giải thoát!".

Đại sư ở Lô Sơn được mấy năm rồi sang trụ tích tại Tào Khê. Tháng mười niên hiệu Thiên Khải thứ ba, ngài cảm

bệnh nhẹ, bảo người rằng: "Lão tăng duyên đời đã sắp hết!", rồi tắm gội đốt hương, ngồi ngay thẳng mà viên tịch. Lúc ấy có ánh sáng chói hừng trời. Đại sư hưởng thọ được bảy mươi tám tuổi.

VÔ DANH TĂNG

Vô Danh Tăng người đời Thanh, thường ở huyện Hồ Quảng tại Hoàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Sư chuyên niệm Phật ngày đêm không dứt, gặp ai cũng đều xưng A Di Đà Phật.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ 16, lúc quan Tổng binh Huỳnh Đảnh trấn thủ Hoàng Châu, sư lớn tiếng niệm Phật xông ra ngăn đường, bị quân lính bắt đem vào thành. Vừa đầu giặc Trương Hiến Trung đánh phá Hoàng Châu, nửa đêm sư ngồi trên tường thành cao tiếng niệm Phật. Quân sĩ ngủ không được, giận lắm trối liệng xuống thành. Giây phút nghe tiếng sư ngồi trên thành niệm Phật y như cũ. Như thế tất cả bốn lần, hễ liệng xuống thành Đông lại lên thành Tây, liệng xuống thành Nam lại lên thành Bắc. Quân sĩ đều kinh ngạc không dám xem thường, quan Tổng binh nghe biết liền mời đến kính lễ.

Ở vùng ấy năm đó thất mùa lớn, người ăn thịt lẫn nhau. Sư ra ngoài thành bị dân đói cầm dao rượt theo xin xả mạng. Sư cởi áo ra, bảo chúng rằng: "Xin hãy đợi tôi niệm Phật đủ một ngàn câu, rồi sẽ ăn thịt!" Nhưng khi vừa niệm

được 300 câu, chúng gấp muốn chém, bỗng thấy thần binh từ hư không bay xuống. Dân đói đang kinh hãi chạy tứ tán, thì quân sĩ đã thấy sư ở trong thành rồi.

Thọ săn ở núi gần đó bẫy được một con hổ rất to. Sư tìm đến muốn xin chuộc mạng phóng sanh. Họ đòi 30 lượng vàng, sư nói mình chỉ có 4 lượng. Thọ săn bảo: "Nếu ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thì hãy nắm tai con hổ này xoay ba vòng, chúng tôi sẽ giao nó cho, không lấy tiền". Sư thọ ký cho con hổ, rồi nắm tai nó xoay ba vòng. Thọ săn phải y theo lời hứa, giao cho rồi bỏ đi. Sư tháo cũi ra, con hổ quanh quẩn theo một bên, không chịu đi. Sư bèn dẫn nó vào hang động Kim Cang ở núi Hoàng Ma, cùng nhau nương ở. Tuần phủ Lưu Tượng Thăng cùng quan Đốc binh đi qua Hoàng Châu, tìm đến núi thăm viếng và muốn thấy con hổ. Sư gọi, nó thò đầu ra ngoài cửa song. Hai vị muốn thấy toàn thân, hổ liền rống to một tiếng nhảy ra. Quan Tuần phủ cũng nấp lễ xin làm đệ tử, rồi từ giã ra về. Một ngày nọ sư đi khát thực giữa đường, thấy con gà, liền cao tiếng niệm Phật, gà cũng tùy tiếng mà niệm theo.

Năm Thuận Trị thứ 7, sư sang Võ Lâm, đường đi trải qua cửa Bạch Môn, ngụ ở một gian phòng bên sông Tân Hoài. Lúc ấy nhằm tiết Đoan Dương, du thuyền qua lại tấp nập, tiếng ca nhạc vang lừng. Sư thấy trong một du thuyền có Tiên Sinh nguyên là đệ tử quy y của mình, liền lớn

tiếng gọi: "Tiền A Di Đà Phật!". Tiền Sinh nghe thấy liền ghé thuyền lên bờ chấp tay kính chào. Sư hỏi những bạn đồng du, sau khi biết tên họ, liền cất tiếng khóc lớn nói: "Chúng sanh lấy khổ làm vui, đến như thế ư?" Tiền Sinh khẩn cầu chỉ dạy đường yếu tu hành. Sư bảo: "Chỉ nên nhứt tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc!" Lại dặn: "Khi ta đi rồi, nếu người có chỗ nghi nên đến hỏi đại sư Giác Lãng. Đó là bậc người đạo nhân sáng suốt!" Về sau, không biết chung cuộc của sư như thế nào?

Giác Lãng đại sư pháp danh Đạo Thạnh, từng chủ trì đạo tràng Thiên Giới ở Kim Lăng, chùa Sùng Quang ở Hàng Châu, tông phong rất hưng vượng.

ĐẠI KINH

Thích Đại Kinh tự Xung Phù họ Biên, người ở Thiệu Hưng, huyện Gia Khái. Lúc thơ ấu, ông xuất gia tại chùa Đại Hùng ở bản ấp. Lớn lên, nghe sự truyền giáo của ngài Liên Trì, sư vượt suối băng non tìm đến chùa Vân Thê đánh lễ cầu pháp. Cơ duyên hợp nhau, Đại Kinh nguyện trọn đời quy tâm Tịnh Độ.

Tuổi về già, sư trụ tích ở Thiên đường Đại Thiện. Tánh ưa thích kinh Hoa Nghiêm, hằng ngày mỗi thời đều tụng vài quyển rồi mới niệm Phật. Sư có làm 108 bài thi Hoài Tịnh Độ, nay xin trích lục 4 bài như sau:

I

Giống Phật tùy duyên vượt đất mê
Cài thêm câu niệm mãi đơn đề.
Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc
Cực Lạc bay ngang thẳng lối về!

II

Cười phận sơn tăng cũng thật thà
Nặng lòng lắm cảm tháng năm qua.
Gặp người duy nói đường tu Tịnh
Chỉ bảo đành rành một sát na.

III

Răng lười suốt tuôn tiếng Phật hoài
Tuổi già khổ tận đến cam lai.
Đài vàng ít thấy điềm hòe cỏ
Lại gắng chuyên cần oán trách ai?

IV

Tâm yên bỗng khởi niệm Di Đà
Nước lặng đều đều gợn bích ba.
Muôn niệm tan về nơi chẳng niệm
Mà trong vô niệm, niệm hằng sa!

Tháng 11 năm Thuận Trị thứ 6, sư nhiễm bệnh, dự biết giờ lâm chung, cầm bút ghi lại dặn dò hậu sự. Đến thời, tám gọi thay y phục, ngồi hướng về Tây niệm Phật mà hóa.

KIẾN NGUYỆT

Kiến Nguyệt luật sư, pháp hiệu Độc Thê, họ Hứa. Tổ phụ ông quê ở Cú Dung miền Giang Nam, tòng quân tại Điền Sâm, do công trạng được làm Chỉ huy sứ, mới di cư về Sở Hùng. Ông không muốn tập ấm theo quan chức của cha, bỏ nhà đến Xích Đằng Nham tại Kiến Châu tu thân ba năm.

Một hôm ông gặp vị lão tăng trao tặng cho bộ kinh Hoa Nghiêm. Sau khi đọc xong, ông đại ngộ, liền xuất gia, thọ giới cụ túc nơi Tam Muội Quang luật sư. Ngài Tam Muội Quang là vị Sơ tổ về Luật tông chùa núi Bảo Hoa. Khi sắp viên tịch, ngài truyền y bát cho Kiến Nguyệt luật sư làm vị Tổ đời thứ hai. Luật sư từng tu môn Bát Chu Tam Muội, trong vòng 90 ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, không ngồi, không nằm, không nương tựa vào vách. Hàng tăng tục bốn phương đều cảm phục nương về. Các nơi đến lễ thỉnh cầu mở đàn truyền giới, không tháng nào trống sót.

Ngày nọ, luật sư cảm bệnh nhẹ, gọi đồ chúng bảo: "Chớ lo việc thuốc thang. Sau 7 ngày ta sẽ đi xa!". Đến kỳ hạn, ngài yên lặng mà tịch, thọ 79 tuổi. Khi trà tỳ, đại chúng thấy hoa sen và tướng Phật từ trong ngọn lửa bay lên liên tiếp. Hôm sau, bới tro kiếm được hơn một thặng xá lợi năm sắc.

MINH HOẰNG

Thích Minh Hoằng tự Mai Phương, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu. Lúc niên thiếu cha mẹ cưới vợ cho, ông bỏ nhà trốn đi. Bà mẹ thương khóc đến mù cả đôi mắt. Sau cha mẹ nối tiếp nhau qua đời, ông mới vào am Di Đà ở Kha Kiều mà xuống tóc xuất gia.

Từ đó sư đi tha phương hỏi đạo, học tập về Thiên Thai Giáo Quán. Kế tiếp chuyên tu thiền mấy năm, có chỗ tỏ ngộ. Sau sư duyệt xem tạng kinh tại chùa Vạn Niên ở núi Thiên Thai. Lâu ngày đôi mắt đều lao tổn, lần lần bị mù. Sư nói với đồng bạn: "Đây là quả báo do tôi trái với lòng từ ái của thân mẫu xui nên!". Từ đó Minh Hoằng một lòng chuyên niệm Phật, dù trái tiết lạnh nóng cũng không biếng trễ gián đoạn. Sư từng bảo: "Tôi nhân bị mù, mới càng tỉnh ngộ và được sự lợi ích rất lớn của môn Niệm Phật!". Bình thời sư chỉ một bát, một tích trượng, không ở chỗ nào lâu, được của cúng dường liền tùy duyên bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Tư Tề thượng như quen biết sư nhiều, từng khen ngợi rằng: "Đại đức Minh Hoằng quyết định được sanh về Tịnh Độ, vì ông có ba điểm chân thật. Đó là: thật giải thoát, không quyến niệm vào đâu; thật sạch sẽ, không chứa giữ tiền của vật dụng; và thật tinh tấn, niệm Phật không hề gián đoạn trễ thời".

Tháng 9 niên hiệu Ung Chánh thứ năm, Tư Tề đại sư tổ chức kỳ Niệm Phật thất tại chùa Phạm Thiên, có mời Minh Hoằng tham dự. Trong kỳ thất sư bị bệnh kiết lỵ, nhưng

vẫn trì danh không một chút biếng trễ. Mãn kỳ thất, đến Trai Tăng Quán ở Vô Tích, bệnh càng thêm nặng. Một hôm sư cho khắp hàng thiện tín biết: ngày mai mình sẽ vãng sanh. Đúng thời, đại chúng các nơi tề tựu đến. Sư liền ngồi dậy chấp tay niệm Phật mà hóa.

VĂN NGÔN

Thích Văn Ngôn tự Siêu Nhiên, họ Phí, quê ở thôn Đồng, huyện Gia Hưng. Thuở bé, ông không thích mùi vị thức ăn huyết nhục, thường ưa ngồi kiết già. Lên bảy tuổi, vào am Kỳ Viên non Linh Ẩn xin xuất gia.

Sư tánh người thuần hậu chất phác, thọ giới Cụ túc nơi Vân Lâm thiên sư. Ngài Vân Lâm khuyên tham câu thoại đầu, sư thưa: "Con căn tính tối chậm, không thể tham cứu, chỉ biết niệm Phật mà thôi!". Thiên sư bảo: "Như thế cũng được, niệm Phật có thể mau thoát vòng sanh tử!". Từ đó, Văn Ngôn y theo lời dạy mà thật hành. Sư giữ giới luật tinh nghiêm, ngày đêm sáu thời chỉ trì danh hiệu Phật, không hỏi đến việc chi khác.

Ngày mùng 2 tháng 6 năm Càn Long thứ 2, sư bỗng gọi đồ chúng đến bảo: "Ta sắp vãng sanh, phiền các ông niệm Phật để hộ tống". Liền nói kệ rằng:

Bảy mươi bảy tuổi mãn duyên trần,
Tin tức quê xưa được thật chân.
Dứt cả hai đầu duyên đối đãi,

Liên Hoa thế giới gởi tinh thần!

Thuyết kệ xong, lại bảo: "Thế nào là tin tức chân thật?"
Rồi mỉm cười, chấp tay niệm Phật mà hóa.

ĐẠO TRIỆT

Thích Đạo Triệt, người ở Tiền Đường, xuất gia nơi chùa An Ẩn tại đỉnh Bán Sơn. Ban sơ, sư phỏng đạo với các bậc thiên lão ở chùa Cao Môn và Sùng Phước. Sau thời gian tham cứu, Đạo Triệt phát ngộ được tánh bản lai. Kế đó lại chuyển hướng chuyên tu về Tịnh Độ.

Thời gian sau, sư đến ở am Văn Thù gần cầu Đã Phạn ngoài cửa Bắc thành Hàng Châu 40 dặm. Nơi đây, Đạo Triệt đóng cửa định kỳ hạn nhập thất. Trong thất không để vật chi bề bộn, ngoài bàn Phật chỉ có một ghế, một giường nằm mà thôi. Kiệt thất được vài hôm, bỗng vướng bệnh càng lúc càng khốn đốn. Sư phấn chấn tự bảo: "Tu hành chính vì giải thoát sự khổ sống chết luân hồi, tại sao lại nhân chút bệnh mà ngưng bỏ. Rồi quyết liều mình buông xả thân tâm, niệm Phật rất chí thiết. Mấy ngày sau bỗng có kim quang chiếu sáng cả thất. Trong quang minh đức A Di Đà hiện thân, đưa tay vàng xoa đầu, cơn bệnh liền tiêu tan, thân thể thêm khỏe mạnh. Từ đó sư được Niệm Phật tam muội, đi đứng nằm ngồi đều không khởi vọng niệm. Sau 3 năm như thế, vào ngày rằm tháng 3, sư ra thất. Đại chúng thỉnh lên tòa thuyết pháp. Khai thị xong, sư bảo chúng

rằng: "Sau ngày rằm tháng 7 tới, tôi sẽ về Tây Phương. Vào thời gian đó, xin đại chúng đến niệm Phật để trợ duyên!".

Đến thời kỳ hạn chúng tề tựu về, thấy Đạo Triệt đang thiết lễ Vu Lan Bồn. Trong chúng có vài vị thay mặt đến nhắc lại lời nói khi trước. Sư bảo: "Việc ấy quả có, nhưng xin hãy đồng dự hội Vu Lan, nán đợi vài hôm nữa". Rạng ngày, Đạo Triệt cho mời vị tăng quen ở chùa Sùng Phước đến, xin thay làm trụ trì am Văn Thù. Ngày kế, thiết tiệc chay từ giã đại chúng. Đến giờ Ngọ, vào bảo khám ngồi nhắm mắt mà thoát hóa. Giây phút bỗng tỉnh lại, gọi chúng bảo rằng: "Nay tôi cùng chư vị vĩnh biệt, chẳng thể không có một đôi lời để niệm tình: Nỗi khổ ở Ta Bà vô cùng không thể nói hết, sự vui miền Cực Lạc cũng vô ngàn không thể diễn tả! Nếu các vị ghi khắc điều này, xin hãy gắng niệm A Di Đà Phật, tất ngày kia sẽ có cơ duyên gặp nhau. Như lầm lạc để lỡ qua kiếp này, thì phải sống trong đêm dài luân hồi sáu nẻo, thống khổ không cùng không tận! Hãy nhớ lấy! Nhớ lấy!". Nói xong liền viên tịch, hưởng dương 48 tuổi.

Lúc bảy giờ nhằm đời Thanh, niên hiệu Càn Long thứ 19.

THÀNH CHÚ

Thành Chú pháp sư tự Kiều Triệt, họ Quách, quê ở Đồng Sơn tại Từ Châu. Ngài xuất gia từ lúc ấu niên, đến 20 tuổi thọ giới Cụ túc nơi chùa núi Bảo Hoa. Sau khi đắc giới, pháp sư đi phông đạo các phương cao đức. Kế đó nối dõi pháp tự cho Thạch Hấu thiền sư ở chùa Thiên Đồng. Không bao lâu lại phát tâm chuyên tu Tịnh Độ.

Niên hiệu Càn Long thứ 12, ngài trụ trì chùa Sư Lâm ở Tô Châu. Vua đi tuần du phương Nam có ghé lại chùa, sau khi đàm đạo, sắc phong cho ngài hiệu là Hoa Thiền. Mỗi ngày đêm pháp sư xuất lãnh đại chúng niệm Phật bốn thời. Thường khi nến tắt hương tàn chúng đều lui đi, riêng ngài vẫn còn ngồi niệm Phật không dứt tiếng. Lắm lúc pháp sư lại ứng lời cầu thỉnh đi ngồi đàn Du già thí thực khắp các nơi. Khi được của cúng dường, đều giao tất cả cho sư Giám viện lo việc tu tạo ngôi chùa. Chẳng bao lâu cảnh tự viện trong ngoài đều trở nên nguy nga trang hoàng rực rỡ, khôi phục lại phong thái hưng thịnh khi xưa.

Pháp sư không từng đặt lưng nằm nghỉ, mỗi nửa đêm đều tu Đại Bi sám pháp. Một hôm ngài đang kinh hành niệm Phật, chiếc mũ cầm tay chợt rơi xuống đất, bống rỗng rang đại ngộ. Từ đó mỗi khi ứng khẩu nói ra đều thành lời kệ tụng, như đã có học tập từ lâu. Pháp sư từng khai thị rằng:

Đạp chắc nẻo vô sanh
Bốn bề mặt trở quanh

Lộ ra trước mọi người
Tỏ rõ chẳng bày phôi
Bản lai chân diện mục
Muôn việc đều cụ túc
Mắt chạm đến các chỗ
Nơi nơi siêu Phật, Tổ
Lại có niệm Phật gần
Phương Tây cảnh đẹp chân
Chỗ thai sen bảo dưỡng
Không cách điếm vi trần
Nếu thấu ý chỉ này
Nhọc chi tìm bên ngoài
Nghệp thức tiêu tan hết
Vãng sanh tức tâm đây
Hoa khai được thấy Phật
Muôn tượng vẽ xuân bày!

Khi cư sĩ đến hỏi pháp, ngài đều bảo: "Cõi Ta Bà như khổ, ông nên niệm Phật theo bản tạng về Tây Phương chăng?"

Tháng 4 niên hiệu Càn Long thứ 34, pháp sư bị bệnh hạ lỵ nằm luôn mấy ngày. Một hôm ngài gọi thị giả đến bảo: "Hãy đỡ ta ngồi dậy!". Lại sai đem nước vỏ quít cho mình uống. Xong ngồi ngay thẳng niệm Phật một lúc mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi.

PHÁP CHÂN

Pháp Chân thiền sư tự Lăng Như, người ở Cao An tại Thoại Châu. Ngài đắc độ nơi Nguyên Văn hòa thượng ở Quán Khê, lúc còn trẻ tuổi. Sau khi thọ đại giới, thiền sư du phương đến miền Lĩnh Nam và trụ tích tại chùa Đơn Hà rất lâu.

Bình thời Pháp Chân tuy tham cứu thoại đầu, song vẫn mật tu Tịnh Độ. Ngày nọ ngẫu nhiên cùng một thiền giả luận đến công án chữ Vô, bỗng khởi mối nghi trong thời gian lâu, rồi rỗng rang tỉnh ngộ. Thiền sư liền đến chùa Hải Tràng lễ bái với Chánh Mục lão nhơn, cơ ngữ hợp nhau, được sự ấn chứng. Năm Càn Long thứ 20, ngài nhận lời chúng cầu thỉnh, làm tọa chủ chùa Hải Tràng, vừa đề xướng Thiền tông kiêm hoằng dương Tịnh Độ. Lúc lớn tuổi, thiền sư từ tạ mọi việc, đóng cửa nhập thất bên phía Đông chùa, chuyên tâm niệm Phật. Dù gặp tiết lạnh nóng, ngài vẫn tu hành không trễ thời, tinh tấn như thể trải qua tám năm. Sau khi ra thất, đại chúng họp lại cầu xin khai thị. Thiền sư chỉ nói kệ rằng:

Tiếng Phật tràng châu chuyển thán ngày,

Vượt bùn sen mọc tốt tươi cây.

Chuôi tràng buông xuống hoa sen nở,

Cổ Phật nguyên lai chẳng ở Tây.

Vào đầu tháng 9 năm Càn Long thứ 38, thiền sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử đến dặn dò hậu sự. Đến giờ ngọ hôm

sau, tập hợp chúng niệm danh hiệu Phật. Khi cây hương cháy vừa hơn 2 tấc, ngài ngồi yên lặng mà vắng sanh.

HẰNG NHỨT

Thích Hằng Nhứt tự Thánh Học, họ Trầm, quê ở Vũ Tấn tại Thường Châu. Sư xuất gia ở am Mâu Bồng nơi đỉnh Khung Lung. Ban sơ Hằng Nhứt phỏng đạo với các bậc thiền lão chùa Cao Môn tại Dương Châu. Kế đó lại nghiên tập Thiên Thai tông, thông suốt được tất cả giáo nghĩa.

Sư từng tịnh tu ở Văn Tinh Các tại Tô Châu. Sau mang bệnh lạc huyết, đến tỉnh dưỡng nơi viện Hiền Nghĩa tại Bán Sơn thuộc Hàng Châu. Bệnh không thuyên giảm, sư dự biết giờ lâm chung, mở tiệc chay từ biệt các liên hữu, rồi niệm Phật mà qua đời. Lúc còn sanh tiền, Hằng Nhứt từng thuật với các đồng bạn rằng:

"Có vị tăng ở am nọ buông lung không giữ giới. Một sư bạn đồng giới khuyên nhắc mãi, song ông cũng không nghe. Sau ông bệnh nặng, cho mời bạn đến sám hối nói: "Bởi tôi không nghe lời khuyên ngăn nên mới đến nỗi này! Bây giờ biết làm sao?" Tăng hữu bảo: "Đức A Di Đà ở phương Tây có sức bản thể. Nếu chúng sanh nào tạo nghiệp, xưng danh hiệu Ngài mười niệm, tất sẽ được tiếp dẫn. Vậy thầy có thể tin chăng?" Bệnh nhơn đáp: "Tin, nhưng ý chí năng lực suy bại, biết làm sao?" Tăng hữu nói:

"Không ngại chi, tôi tự có phương tiện!" Rồi trần thiết tượng Phật nơi đầu giường phía Tây, bảo bạn chăm chú nhìn chớ có di động. Còn mình thì đốt hương cao tiếng niệm Phật, cầm tay bệnh như dạn lẳng nghe theo. Như thế trải qua 3 ngày đêm. Bỗng người bệnh ngồi dậy tạ ơn bảo bạn rằng: "Mong ân đức Phật tiếp dẫn, tôi được sanh về Trung phẩm!". Nói xong, chấp tay giã biệt, rồi nhắm mắt mà vắng sanh".

PHẬT AN

Thích Phật An, tự Thệ Nguyên, người đời Thanh ở Tô Châu. Năm ông hơn 30 tuổi, nhà gần bên nhân đám cúng giết heo, khi mổ bụng ra, trên lá phổi con vật có hai chữ Tào Tháo. Thấy thế, ông kinh hãi tỉnh ngộ, tin sâu thuyết nhân quả luân hồi, phát tâm vào am Thiên Trúc ở Tân Kiều, xuống tóc làm tăng.

Sau thời gian xuất gia không bao lâu, Phật An đến chùa Đại Vương ở Bắc Hào, chuyên tâm niệm Phật. Khi được tiền cúng dường, sư liền mua hương hoa dâng Phật, hoặc phóng sanh các loài chim cá. Năm Càn Long thứ 41, vào tháng 3, Phật An vương bệnh, sai đệ tử đến chùa Sư Lâm thỉnh chư tăng lễ Tịnh Độ. Sám 3 ngày và lập một đàn Du già thí thực. Công việc hoàn mãn, sư thiết tiệc chay mời các tân khách đến giã biệt. Ngộ trai xong, sư cao tiếng niệm Phật, đệ tử hòa theo. Khi cây hương vừa tàn, Phật An

nói: "Tôi đi đây!" Liền ngồi ngay thẳng mà hóa. Bình sanh lúc ngẫu nhiên làm thi, sư đều có ý khuyên người niệm Phật. Có hai bài khi sắp viên tịch như sau:

I

Tây Phương màu đẹp bảo liên đài,
Trong tịnh sáng tươi một đóa khai.
Xanh đỏ trắng vàng phô sắc diệu,
Tâm tâm chỉ nguyện thấy Như Lai.

II

Khảy ngón kim kiều bước đến mau,
Ai rằng Cực Lạc cách xa nào?
Di Đà cười mỉm tay vàng đón,
Khen ở Ta Bà giới hạnh cao!

TÁNH TU

Thích Tánh Tu, chưa từng được nguyên quán. Trong năm Thuận Trị nhà Thanh, sư trụ ở am Viên Chiếu phủ Thường Đức. Bình sanh cơm rau áo vải, mỗi ngày niệm Di Đà một muôn câu, dù thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ.

Những năm mất mùa, Tánh Tu đem tiền gạo vải lụa trong am bố thí tất cả cho người đói lạnh cô khổ. Đồ chúng thi nhau hờn trách, sư chỉ ứa nước mắt niệm Phật mà thôi. Năm 70 tuổi, sư dự biết ngày giờ lâm chung trước một tháng. Đến kỳ hạn, già từ đồ chúng, mỉm cười mà vãng

sanh. Lúc ấy nhạc trời đón rước giữa hư không, tiếng thanh tao dìu dặt nghe khắp xa gần. Trong tịnh thất mùi hương lạ bay lan ngào ngạt, hơn một tháng vẫn chưa tan.

Lời bình:

Bồ thí không sên tiếc, là nghiệp tham đã hết. Ưa lệ niệm Phật là nghiệp sân đã hết. Tự sống kiệm ước là nghiệp si đã hết. Ba nghiệp hết thì vắng sanh phẩm vị tất cao. Nhạc trời, hương lạ, há không phải là cái nhân phạm hạnh thơm tho, tiếng lòng thanh thoát đó ư?

HÀNH TU

Thích Hành Tu họ Trần, con nhà nông ở thôn Sa tại Thái Châu. Ông nhà nghèo, dốt nát không biết một chữ, hoàn cảnh cùng quẫn khó bề sanh sống. Một hôm, ông đến mé sông nhảy xuống tự trầm, được một người áo trắng vớt đem lên, khéo lời khuyên bảo, nên có chỗ tĩnh ngộ. Năm 31 tuổi, ông vào chùa xuống tóc làm tăng.

Sau khi xuất gia, Hành Tu khổ hạnh mấy năm, tiết đông và hạ chỉ một manh áo. Sư từng hành cước đến non Phổ Đà triều lễ, giữa chừng lạc đường, gặp một lão nhơn dẫn về nhà đãi đằng và mời nơi nghỉ. Sáng ra nhìn quanh, thấy nơi đó chỉ là một gò đất hoang vu mà thôi. Khi trở về, sư đóng cái khám bằng gỗ đem vào vùng mả hoang ở ngoài cửa thành Nam hôm sớm ngồi tham thiền. Nhiều lúc sư tịnh tu đến năm, bảy ngày không ăn. Một đêm vào canh

ba, bỗng nghe tiếng người gõ vào khám nói: "Nếu có thể thọ pháp, phải cách khám thấy nơi sông có chiếc thuyền to, đèn đuốc sáng rõ, nhạc thổi rền vang đi ngang qua dưới cầu!" Nghe lời ấy, Hành Tu bỗng đại ngộ.

Sau sư dời về chùa Giác Ân, chuyên tu Tịnh Độ sáu năm. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ tư, Hành Tu bảo người rằng: "Ngày mùng 2 tháng 6 sang năm, tôi sẽ về Tây Phương!". Đầu mùa hạ năm sau, ai nấy đều tới dò la thăm hỏi. Quan Tri Châu e sư mê hoặc quần chúng, sai binh sĩ canh giữ và bảo: "Nếu đến kỳ hạn mà không ứng nghiệm, thì sẽ bắt tội khép vào luật pháp!". Mùng 1 tháng 6, Hành Tu vẫn an nhiên như thường. Nhiều người vì lo lắng sợ hãi. Rạng ngày mùng 2, sáng sớm sư thức dậy viết kệ lưu lại rằng:

Ánh huệ sáng soi khắp đại thiên,
Ngày cần lễ niệm, tối tham thiền.
Ngang mây treo sẵn Xuy mao kiếm,
Địa ngục, Thiên đường mặc xuống lên!

Viết xong, vào ngồi trong khám gõ, bảo người khiêng đến một cây cầu. Sư nhìn xung quanh đoạn bảo: "Không được! Chỗ này con người đều hình dáng súc sanh!". Rồi dạy khiêng tới cầu Đông Bá. Quần chúng và binh sĩ lũ lượt theo sau. Đến nơi sư bảo hướng mặt khám về phương Nam, tay gõ mõ, miệng niệm Phật. Giây lát một làn khói nhẹ từ chót mũi sư bốc lên, phút chốc biến thành khói lửa

đỏ bao trùm. Trong lửa tiếng mõ câu Phật vẫn rành rẽ vang tới mây. Bỗng nghe nổ bứt một tiếng, nóc khám văng ra xa ngoài trăm bộ rớt xuống đất. Khi lửa tàn, còn sót lại một vật hình như hoa sen màu trắng, cứng rắn đập không vỡ.

Lời bình:

Tự phát lửa đốt thân, không phải hạng tầm thường trang sức bề ngoài có thể làm được. Kẻ chưa đắc đạo, dè dặt chớ mong sanh vọng tưởng ấy, để khỏi bị ma dựa phát cuồng mà đọa vào ác đạo.

1 bộ (步, bu) = 5 xích = 1,66 m

THẬT VỊNH

Thật Vịnh đại sư tự Trần Huy, họ Trần, người ở huyện Hoát Khâu, phủ Phụng Dương. Khi ngài mới sanh ra, mùi hương lạ bay đầy nhà, ánh tường quang chiếu sáng cả xóm. Từ thuở bé trong thân đã có tướng lạ, da không bao giờ chịu dính bụi. Tánh ngài hay xót thương tha thứ, ưa nghe chư tăng tụng kinh. Vào trường học hành văn tự một phen qua mắt liền nhớ lầu thông suốt. Thầy dạy rất quý mến, bảo cha mẹ ngài rằng: "Đứa bé này không phải là hạng người trong dòng trần tục, mà chính là bậc pháp khí của Phật môn. Chớ nên để lạc làm, e rất uổng!". Cha mẹ nghe nói đều chấp thuận, cho ngài xuống tóc xuất gia với Tâm Khai hòa thượng ở am Đại Bi trong ấp.

Sau khi thọ giới Cụ túc, đại sư nghiên cứu các bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Niết Bàn thấy đều thông thuộc như đã có học tập từ trước. Sau ngài dời về ở viện Long Đàm, một lòng chuyên tu Tịnh Độ, luôn luôn tinh tấn trải 30 năm như một ngày. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ 61 đời nhà Thanh, đại sư cảm bệnh nhẹ, tự biết trần duyên sắp mãn, dọn dò mọi việc trong viện xong, chỉ chú tâm về Tịnh Độ. Đến sáng sớm ngày mùng 4 tháng 3, đại sư dạy nấu nước nóng cho mình tắm gội, họp chúng đồng xưng Phật hiệu vài trăm câu rồi lặng lẽ mà hóa.

Lúc làm lễ trà tỳ, ánh lửa xông lên thành ráng mây năm sắc lan ra che trùm bốn bên núi. Đại sư hưởng dương 48 xuân thu, tăng lạp được 31.

THƯỜNG TRÍ

Thường Trí pháp sư tự Văn Huệ, người ở huyện Thuật Dương, phủ Hoài An. Lúc bé ngài rất thích lễ bái đức Quán Thế Âm. Lớn lên vào chùa Văn Tư xuất gia, không bao lâu được thọ đại giới.

Một hôm pháp sư tùy chúng tụng kinh đến câu: "Y Bát nhã Ba la mật đa cố tâm vô quái ngại", sự kết đọng nơi lòng bỗng nhiên tiêu tan, tâm lặng lẽ trong sáng. Từ đó ngài vượt suối trèo non đi tham phỏng bậc tri thức khắp các nơi danh sát. Sau pháp sư trở về chuyên tu tịnh nghiệp, giữ giới hạnh rất tinh nghiêm. Gặp người có lỗi, ngài ôn

tồn khuyên dạy, nếu kẻ nào tỏ vẻ bất kính, cũng uyển chuyển chiết trừ, không hề có sắc giận. Pháp sư từng cùng các bạn đồng chí kết liên xã sám hối niệm Phật. Tự biết ngày giờ lâm chung trước vài tháng, pháp sư dự báo khắp các liên hữu hay tin.

Đến kỳ hạn, ngài dạy nấu nước cho mình tắm gội, xong họp chúng lễ Phật, rồi ngồi kiết già mà vãng sanh. Lúc trà tỳ, một đóa hoa sen sắc tím lớn như cái đầu, từ trong ánh lửa bay lên. Trên hoa sen, ần ần trong vòng ánh sáng rực rỡ, có một vị ngồi kiết già trạng mạo như pháp sư. Hình tướng này trụ trên ngọn lửa, rất lâu mới tan, mọi người đều trông thấy.

Lời bình:

Người xưa từng nói: "Thầy lành không chi hơn đức Di Đà, bạn tốt có ai bằng hàng Bồ xú?" Hàng sa môn đời sau không biết ý tứ này, thường xem rẻ Tịnh Độ, cho là trước tướng Bồ Đề. Nếu chẳng phải bậc kiếp trước đã gieo sẵn tuệ căn, suốt thông đại đạo, tất khó tránh khỏi bị họ làm cho chuyên lay lầm lạc. Thường Trí pháp sư đi tham phỏng bậc tri thức khắp các danh lam, rồi kết cuộc cũng trở về với môn Niệm Phật, đủ chứng minh lời nói và kinh nghiệm cổ non là đúng.

BẢN ÁN

Tỳ kheo ni Bản Ân, tự Tòng Kỳ, người ở Ngô huyện. Thuở bé cô hay đau bệnh, nhân đó mà phát nguyện xuất gia. Đến năm 25 tuổi, cha mẹ đưa vào am Viên Thông ở trong thành cho xuống tóc, không bao lâu được thọ giới Cụ túc.

Sau khi ấy, sư cô mua vài gian nhà sửa lại làm am, đặt tên là Quán Huyền, để tiện bề niệm Phật tịnh tu. Bản Ân giữ giới hạnh trong sạch, thích tu phước nghiệp, thường đến các danh lam cúng Phật trai tăng, đem công đức hồi hướng về Tịnh Độ. Tháng tám năm Càn Long thứ 45, sư cô từ núi Cửu Hoa trở về, kiết kỳ lễ Đại Bi Sám. Được hơn vài thất, bỗng cảm bệnh nhẹ, gọi đồ đệ bảo: "Sanh duyên của ta sắp mãn chăng?" Rồi dứt sám hối, chuyên niệm Phật. Đến sơ tuần tháng mười, sư cô nằm bệnh 7 ngày, nghiêng mình hướng về Tây, niệm Phật không xen hở. Kế đó gọi hàng đệ tử lại dặn dò hậu sự, bảo đồng thanh tụng kinh A Di Đà. Khi tụng đến lần thứ ba, sư cô lặng lẽ mà vãng sanh.

TOẠI KHÂM

Tỳ kheo ni Toại Khâm tự Việt Thành, người ở Vô Tích, xuất gia hồi chín tuổi. Lớn lên, cô gặp một ni sư khuyến khích, mới trì niệm danh hiệu Phật. Cô chuyên giữ hạnh này, khi đi đứng nằm ngồi thường mật niệm không xen hở.

Tuổi trung niên, cô đến chủ trì am Bạch Y ở Nam Viên thành Tô Châu. Từ đó cô niệm Phật càng tha thiết. Cảnh chùa điện cũng lần lần được trùng tu trang nghiêm tốt đẹp. Đến tuổi năm mươi, sư cô mới thọ giới cụ túc. Sang tuổi năm mươi lăm, vào tháng ba, một đêm lúc gà gáy sáng, sư cô gọi đồ đệ đến bảo: "Thầy sắp về Tây Phương!".

Hàng đệ tử thưa: "Thầy không đau bệnh chi, tại sao lại thốt ra lời ấy?" rồi sa nước mắt thương khóc.

Toại Khâm bảo: "Các con sao còn mê muội, khóc ta nào có ích chi? Hãy cố gắng nhận chơn mà niệm Phật tu hành!". Nói xong ngồi ngay thẳng hướng về Tây, cùng hàng đệ tử đồng thanh xưng danh hiệu Phật. Khi cây hương vừa tàn, sư cô cũng vừa thoát hóa.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ 53.

PHẬT KỶ

Tỳ kheo ni Phật Kỳ tự Kiến Lâm, người ở huyện Trường Châu. Từ thuở nhỏ cô đã không muốn lập gia đình. Đến tuổi thành niên, bà mẹ đem cô đến am Vũ Hoa, ở ngoài cửa Viên Môn, cho xuống tóc xuất gia.

Thọ giới cụ túc không bao lâu, cô được ni sư Đạo Kiên mời kế vị làm tọa chủ am Sùng Phật. Sư cô từng quyên mộ được 1000 lượng vàng, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn, cao 8 thước. Mỗi năm tại am đều có kiết kỳ 7 ngày họp chúng nữ tu tổ chức hội Niệm Phật. Sư

cô thường đi khắp các danh sơn, cúng Phật trai tăng, lại quyên tiền tạo cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu 30 mẫu ruộng. Lúc lớn tuổi, Phật Kỳ chuyên tu tịnh nghiệp. Trước 3 ngày sắp lâm chung, sư cô thấy Bồ Tát hiện thân có hai đồng tử theo hầu. Chúng trong am đều nghe mùi thơm bát ngát, bảo là hương hoa cúc. Sư cô nói: "Không phải, đó là hương hoa sen xanh!".

Vào ngày rằm tháng tám niên hiệu Càn Long thứ 56, Phật Kỳ bảo cô thị giả đỡ mình ngồi dậy, rồi hơp chúng đốt hương đồng xưng danh hiệu Phật. Khi niệm độ 2000 câu, liền ngồi yên lặng mà thoát hóa.

Lúc ấy có tỳ kheo ni Liên Phương ở tại bản am, mục kích việc vãng sanh của Phật Kỳ cũng ân cần chuyên niệm Phật. Hơn 30 tuổi, cô thường đau yếu, nhưng giữ niệm lực càng bền chắc không thôi nghĩ. Vào năm Gia Khánh thứ 13, sư cô ngồi day mặt về Tây, an lành chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

LÃNG NHIÊN

Tỳ kheo ni Lãng Nhiên họ Trầm, quê ở Gia Thiện. Năm 18 tuổi, thấy chị dâu bị khổ vì sản nạn, cô tự thệ không lập gia đình. Kế đó ít lâu, cô xin cha mẹ vào xuất gia ở am Tịnh Trì tại Đào Trang.

Sau khi thọ đại giới, sư cô chuyên tu Tịnh Độ. Từ đó ngày đêm niệm Phật không biếng trễ, dù trải cảnh thuận nghịch khổ vui, đạo tâm chẳng hề lui sụt. Lúc tuổi già vào đầu năm Gia Khánh thứ 13, sư bà Lăng Nhiên bảo đệ tử là Phước Duyên rằng: "Trong ba tháng thầy đã 3 lần mộng thấy mình đến ao bấu ở Tây Phương, ngồi kiết già nơi hoa sen. Như thế tất sự vãng sanh đã có duyên phần. Các con nên gắng chí niệm Phật, ngày kia ao thành trăng hiện, chẳng uổng công phu. Dè dặt chớ để một đời luống qua vô ích!". Đến tháng ba, sư bà niệm Phật liên tiếp 5 ngày, rồi không bệnh ngồi an lành thoát hóa, thọ được 71 tuổi.

DIỆU THÀNH

Tỳ kheo ni Diệu Thành, con nhà họ Hà ở Cô Thành tại Hồ Châu. Cô sanh ra đã có huệ tánh, lúc bé dung mạo cử chỉ đều đoan trang, lời nói cũng khác với trẻ em cùng lứa tuổi. Gia thế vốn tin thờ Tam Bảo, mỗi khi cô thấy mẹ niệm Phật, liền chấp tay hòa xướng niệm theo.

Năm 21 tuổi, cha mẹ gả cho Vương Sanh, nhà cũng đồng xóm. Nhưng chưa được nửa năm, chồng mãn phần, lại phải cam cảnh góa bụa. Cha chồng cũng tin thờ Tam Bảo, hằng niệm Phật tụng kinh. Cô thấy gia cảnh nghèo nên chuyên lo may dệt để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Mỗi hôm sớm cô đều khóa tụng kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật. Như thế trải hơn 10 năm, cha chồng xuất gia,

kế tiếp mẹ chồng cũng qua đời. Lúc đó cô mới vào am Quảng Nghiêm ở cửa Bắc thành Hồ Châu xuất gia làm ni.

Không bao lâu sư cô thọ giới cụ túc, giữ luật hạnh rất nghiêm trang, càng chuyên chí tụng kinh niệm Phật. Cam phần đạm bạc, tuyệt ý lợi danh. Diệu Thành tu hành tinh tấn không thôi chuyển. Niên hiệu Gia Khánh thứ 19, sư cô cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả rằng: "Duyên trần đã mãn, ba hôm nữa ta sẽ về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Các con nên gắng sức tu trì, mai sau hoặc có ngày hội ngộ. Nên tinh tấn, chớ quên lời ta!" Đến kỳ hạn, Sư cô đang ngồi ngay thẳng niệm Phật, bỗng ngược mắt nhìn lên rồi bảo: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã quang lâm tiếp dẫn, ta đi đây!" Nói xong nhắm mắt mà hóa, hưởng dương 47 tuổi.

ĐẠO CÀN

Tỳ kheo ni Đạo Càn, tự Thế Thiên, con nhà họ Trần ở Song Khê tại Gia Hòa. Năm 17 tuổi cô xuất gia vào La Am ở Tú Châu. Tánh cô ưa thanh vắng, thích tịnh cư một mình. Duyệt xem cơ duyên của cổ đức, cô phát chí hướng thượng, hôm sớm chuyên cần tham cứu câu thoại đầu.

Sau khi thọ giới cụ túc, sư cô đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai, tham phỏng với ngài Bảo Lâm Trân. Lúc vào bái yết xong, liền hỏi: "Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?" Trân Công đáp: "Đợi chừng nào người trừ hết ngũ chương, tới đây ta sẽ nói cho!" Đạo Càn thưa:

"Phải đến như thế sao? Vậy thì đã che lằm Hòa Thượng rồi đây!" Bảo Lâm Trân nói: "Người học ở đâu được cái hư đầu thiên như thế?". Sư cô nghe nói, bất giác xuất hạn đằm mình, liền cúi xuống đánh lễ. Trân Công lại hỏi: "Thế nào là tướng đại nhơn?" Đạo Càn liền đứng giăng tay ra. Ngài Bảo Lâm Trân gật đầu ấn khả, kẻ đó truyền cho y pháp.

Khi đắc tâm ấn rồi, ni sư về ở nơi thảo am tại Nam Hồ. Ngôi am đã hư mục, song Đạo Càn vẫn thản nhiên, cứ giữ một mực chân thật tu hành, gặp cảnh thuận nghịch lòng không dao động. Ni sư lễ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm trải qua 3 lượt, cứ mỗi chữ 1 lạy. Ngoài ra còn khóa tụng kinh Đại Bát Nhã gồm 600 quyển đến vài mươi bộ. Do đó đạo phong vang xa, của cúng thí hội về, ngôi am được kiến thiết lại thành cảnh điện lầu tráng lệ. Ni sư từng có bài kệ an cư rằng:

Năm tháng ân cần học đạo chuyên,
Có, không chẳng chấp, vượt trung, biên(1).
Về nhà chi nữ ngôi yên nghỉ,
Vì chúng cày gieo kiếp ngoại điền(2).

Trong am, ni sư lại lập ra Niệm Phật Đường, ngày đêm dẫn chúng tu hành, câu Phật tiếng mõ không dứt tuyệt. Gần 40 năm hóa độ như thế, vào mùa đông niên hiệu Gia Khánh thứ 25, ni sư cảm bệnh nhẹ. Đến ngày 11 tháng 11, gọi đồ chúng tới bảo: "Rạng mai vào giờ Dần, ta sẽ về Tây Phương!" Đến thời, lưu kệ rằng:

Tám mươi tám năm,
Không tham không luyến.
Nay trở về nhà,
Nước trong trăng hiện!
Rồi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Được một lát,
ngồi an lành mà hóa.

Lời bình:

Từ xưa đến nay, bậc có thiên có tính trong hàng nữ chúng rất ít người. Như ni sư Đạo Càn, ở không cầu an, siêng cần tu tập, nghiêm nhiên đã đầy đủ tướng đại nhơn rồi. Nếu chẳng phải bậc chân thật thấu suốt muôn pháp như huyễn, làm sao có thể thần nhiên được như thế ư?

Ghi chú:

(1)Trung biên: tức là trung đạo và nhị biên. Ý nói thể nhập môn Bất nhị, không lạc vào hai bên cho đến chính giữa.

(2).Kiếp ngoại diện: Ruộng công đức vượt ngoài thời gian, tức chỉ cho chân tâm. Ý nói vì người mà mở lối vào chân tâm.

NI CÔ AM LAN NHÃ

Đời Thanh có ni cô ở Am Lan Nhã họ Trần, khuyết danh, nguyên là con gái của một nhà thế tộc ở quận Ninh Quốc. Một vị tăng ở chùa Tây Thiên, khi chưa xuất gia,

cha mẹ đã hỏi cô gái ấy cho làm vợ. Nhưng sau ông bỏ nhà trốn vào tu ở chùa, cô họ Trần cũng xuất gia làm ni nơi am Tam Thừa, sau mới dời về Lan Nhã.

Trần thị sau khi xuất gia, ban ngày theo chúng làm công việc nặng nhọc, ban đêm thì ngồi một mình niệm Phật. Tánh cô nhẫn nại, cam phần đấm bạc chuyên tu. Người anh đôi khi đem y phục và thức ăn tới cho, trước sau cô đều từ khước nói: "Em đã xuất gia, nếu theo tình đời thường cùng quyến thuộc quan thiệp qua lại, thì có khác chi người thế tục?" Sau ni cô niệm Phật ngồi thoát hóa. Bảy giờ nhằm thời tiết nóng nực, nhưng trong 7 ngày nhục thân của cô vẫn thoảng bay hơi thơm không có mùi chi khác lạ.

ĐẠO NGỘ

Tỳ kheo ni Đạo Ngộ tự Huệ Tâm, họ Uông, người ở thôn Hoa Đình tại Tòng Giang. Cô mất cha sớm, không anh em, nương ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo, cô làm vất vả để phụ việc sinh sống trong gia đình, giữ chí nguyện độc thân trinh khiết.

Không bao lâu gặp duyên lành, cô xuất gia nơi am Kiết Tường, kế dời đến ở viện Địa Tạng, và được thọ giới cụ túc. Sư cô giữ phạm thanh tu, niệm Phật rất tinh tấn. Năm Đạo Quang thứ 13, mẹ cô niệm Phật được vãng sanh, kế bà nội cũng tiếp tục qua đời. Vào ngày mùng 5 tháng 8

năm ấy, sư cô đến thưa với thầy truyền giới là Đạo Sanh hòa thượng rằng: "Việc bảo dưỡng cho bà nội và mẹ con đã xong, nay con muốn về Tây Phương. Xin nhờ ân sư cho con một cái bảo khám, và xin nương đức đại chúng niệm Phật một ngày để trợ duyên". Chiều hôm ấy, Đạo Ngộ nấu nước thơm tắm gội, sáng ra theo ni chúng niệm Phật suốt một ngày. Tối lại, cô chấp tay nói: "Tây Phương Tam Thánh đã đến tiếp dẫn!". Rồi ngồi kiết già mà vãng sanh.

Lời bình:

Có người bảo: "Thân nữ bị nhiều điều chướng ngại, làm sao có thể tiến tu để sanh về Tịnh Độ?". Đó là họ không biết thân chúng sanh đều do nghiệp tạo, cứ theo nghiệp nặng nhẹ mà phân ra nam nữ. Nếu thân nữ mà quyết chí tu hành, hoặc xuất gia thoát tục, thì nhứt định túc nghiệp sẽ tiêu trừ. Như thế làm sao lại không được về cõi thanh thái an vui, thành quả Bồ Đề giải thoát? Các pháp đều do tâm, quay về tịnh tâm tìm tướng nam nữ còn không thể được, lại có chi là chướng ngại ư?

TRƯƠNG SƯ THÀNH

Cư sĩ Trương Sư Thành, tự Tâm Hữu, hiệu Lan Chũ, quê ở thôn Quy An tại Hồ Châu. Cha mộng thấy vàng nhựt chiếu sáng vào cửa song, tỉnh giấc thì ông đã sanh ra. Mẹ mất sớm, Sư Thành thờ cha được tiếng khen là hiếu hạnh.

Ông đỗ tiến sĩ lúc còn trẻ, làm quan trải qua các miền biên cương, kể đó được thuyên chuyển về giữ chức Tuần phủ tại Giang Tô. Thấy dân chúng nơi đây tạo nghiệp sát rất nhiều, ông hằng đưa ra những điều khuyên giới ngăn dứt bớt. Máy chỗ sông hoặc ao hồ phóng sanh, Sư Thành đều sai quân dựng bảng nghiêm cấm không cho sát hại loài thủy tộc. Trong dinh thự không sát sanh, chẳng bày yến tiệc chiêu đãi khách. Kể đó ông trường trai thờ Phật, chuyên tu Tịnh Độ, tự hiệu là Nhứt Tây cư sĩ. Ông từng biên soạn những luận thuyết về Tịnh Độ của bậc tiên hiền, tập hợp lại thành một quyển gọi là Kinh Trung Kính Hựu Kính. Đoạn sau lại phụ lục thêm những ca vịnh về Tịnh Độ. Cư sĩ từng làm vài mươi bài khuyên hướng niệm Phật, lời lẽ hàm ý cảnh giác rất tha thiết. Nay xin lược chép ra 8 bài như sau:

I

Duyên lành may được biết hồng danh
Hỏa tốc về Tây một kiếp sanh!
Nếu chẳng quyết tâm dùng hết sức
Bào thai luân chuyển lạc mê thành!

II

Vừa đề hiệu Phật các ma xâm,
Hàng phục làm sao được nhứt tâm?
Miệng niệm, tai nghe, tâm tiếng hợp
Tràng châu rành rẽ mãi nghiên tâm.

III

Đường tu rất thiết mặc chê khen,
Danh lợi buồn vui cũng kém hèn!
Dây ái dứt trừ dùng huệ kiếm,
Vân Thê "Thất bút" vạn lần xem. (1)

IV

Thương mình xót chúng phát Bồ đề,
Thuyền nguyện thề dong độ bến mê.
Trước mượn cảnh sen nương cảnh Phật,
Cánh lông đầy đủ mặc bay về.

V

Chấp trì không hờ thệ gìn lòng,
Cần lúc lâm chung một niệm thông.
Tiếc bấy Đông Pha công cứ đó,
Chưa năng gắng sức những hoài công. (2)

VI

Rất sợ ngày quy nghiệp thức mê,
Hơi mòn khó niệm lười hầu tê.
Nếu như bình nhật không chuyên thiết,
Đâu được tư lương giúp trở về.

VII

Tự tánh duy tâm lẽ khó tin
Trời in nước lặng dụ này minh.
Một lòng niệm đến tâm hòa Phật
Giờ tới, tự nhiên Phật tiếp nghinh. (3)

VIII

Chút còn niệm ái dứt chưa rồi

E lúc lìa trần bị nghiệp lôi.

Muốn thoát Ta Bà trừ phải sạch

Thứ công danh luận rõ mười thôi. (4)

Năm Đạo Quang thứ 8, cư sĩ tuổi đã hơn lục tuần, xin hưu dưỡng về quê. Hằng ngày ông ở nơi gian tĩnh thất, một lòng chuyên niệm Phật. Hơn năm sau, cư sĩ qua đời. Lúc lâm chung, ông tụng kinh A Di Đà vừa xong tiếp sang niệm Phật. Đến câu thứ năm bỗng ngồi lặng lẽ mà hóa.

Ghi chú:

(1) Thất bút, tức bảy bài mệnh danh “Thất bút câu” của Vân Thê đại sư lúc còn tại tục, đã có phóng dịch ở tập trước.

(2) Tô Đông Pha đi đâu cũng thường mang theo bức tượng A Di Đà, gọi đó là Tây Phương công cứ của mình. Đến khi lâm chung bệnh trở nặng, thân hữu khuyên niệm Phật, ông thề thào bảo: “Cõi Cực Lạc và sự tiếp dẫn có thật, nhưng chỉ khổ lúc này tôi gắng sức không nổi!”.

(3) Nguyên văn dẫn thí dụ mặt gương đủ tánh nước và lửa, nhưng e độc giả khó hiểu, bút giả đổi lại chỉ dùng thí dụ nước. Nước đủ tánh trong lặng chiếu soi, ví cho chúng sanh sẵn đủ tánh Phật thường lặng thường chiếu. Khi nước lặng, ánh sáng nhật nguyệt và hiện tượng trời mây đều

thấu suốt in vào, dụ cho tâm chúng sanh nếu thanh tịnh thì sẽ được từ quang của Phật dung hòa nhiếp lấy. Như thế lúc lâm chung sự tiếp dẫn của Phật là điều tự nhiên dễ hiểu, không có chi là mờ mịt khó tin.

(4) Dương Thứ Công có lời nói mà tác giả khen là danh luận: “Nghiệp ái chẳng nặng, chẳng sanh Ta Bà, niệm Phật không chuyên không về Cực Lạc!”. Tuy nhiên, nếu tâm chúng sanh còn chút niệm ái trước, tức là bị dính mắc và ràng buộc, làm sao có thể niệm Phật chuyên nhứt và được vãng sanh? Cho nên ý tác giả muốn đổi lại là: “Nghiệp ái chẳng dứt trừ, chẳng ra khỏi Ta Bà. Niệm Phật không nhứt tâm, không sanh về Cực Lạc!” Như thế tự hồ lại càng tinh đáo hơn,

NGÔ NHƯ AM

Cư sĩ Ngô Như Am, người đời Thanh, nguyên quán ở Huy Châu, sau nhập tịch về huyện Nghi Hưng tại Thường Châu. Bình sanh ông tín hướng Phật thừa, được duyên tham phỏng hòa thượng Phát Trung, từ đó chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa hạ năm Khang Hy thứ 12, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, gọi con cái đến đưa cho mỗi người một tràng chuỗi, ân cần dặn bảo niệm Phật tu hành. Lúc ấy có hàng thân thích là Du Hữu Quang đến viếng thăm, nhân cùng bàn đến pháp môn Tịnh Độ. Như Am bảo: "Phép niệm Phật, cần phải lúc hưỡn gấp cũng niệm, thức ngủ cũng niệm, cho đến dù khi quỉ khóc thần gào cũng niệm. Như thế mới đích thật là

người chân niệm Phật. Muốn đạt đến trình độ chân niệm đó, chỉ ở nơi một chữ Tín. Vậy cần phải tin cho sâu thiết, tin được thấu đáo!". Liền nói kệ rằng:

Tham thiền, niệm Phật chẳng hai đường,
Tam Thánh tiếp nghinh nguyện xót thương!

Phụng khuyến đồng nhơn cần niệm Phật,

Sen lành cùng lại cảnh Tây Phương!

Rồi bảo người nhà cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ ngồi chấp tay mỉm cười mà vãng sanh.

DU HỮU QUANG

Cư sĩ Du Hữu Quang, người xứ Tân An, lúc nhỏ ở huyện Nghi Hưng, cùng với Ngô Như Am đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày ông tụng 3 quyển kinh Kim Cang, niệm Phật 5000 câu, phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Sau cư sĩ mục kích việc Như Am vãng sanh, lại càng tinh tấn, viết bốn chữ: "Niệm Phật Khẩn Yếu" dán nơi bên mặt giường nằm để tự răn nhắc. Ngày mùng 3 tháng 3 năm Khang Hy thứ 23, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, rồi về nhà viết kệ rằng:

Tháng năm lần lửa niệm Di Đà,

Cõi tịnh phương Tây vốn thật nhà.

Vài tiếng khánh thanh, trắng sáng mọc,

Thân này ngồi vững bạch liên hoa.

Đến ngày mùng 8, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, bảo người nhà rằng: "Lúc ta đi chớ nên lộ vẻ bi sầu khóc lóc, phải cùng niệm Phật để giúp sự vãng sanh!". Ngày 12, ông nhắm mắt ngồi yên lặng, quỵn thuộc vây quanh, bỗng lại mở mắt ra bảo: "Niệm Phật khẩn yếu". Nói xong liền qua đời, thọ 78 tuổi.

TÔ KHỞI PHỤNG

Cư sĩ Tô Khởi Phụng, tự Kỳ Sơn, người đời Thanh, quê ở Côn Sơn. Lúc tuổi trẻ, ông chí hướng về Thiên tông, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức, có chỗ ngộ nhập. Cư sĩ giữ giới sát rất nghiêm, không dám làm thương tổn đến loài trùng kiến.

Khi lớn tuổi ông chuyển sang tu Tịnh Độ, trong bốn oai nghi hằng thâm trì Phật hiệu. Năm Khang Hy thứ 38, cư sĩ tuổi đã 80, gặp tiết nghiêm hàn, quán chơn ngồi niệm Phật. Buổi trưa ngày 26 tháng 11, ông gọi cháu là Điện Phương bảo: "Duyên Tịnh Độ của ta đã thuận thực. Ba hôm trước ta thấy Phật đến, nhưng không muốn vội nói ra. Vào giờ Tý đêm nay, ta sẽ vãng sanh về Cực Lạc!". Hơn canh một, cư sĩ mặc áo tràng đốt hương nén, ngồi hướng về Tây dạy người nhà đồng niệm Phật, mình cũng niệm theo. Lúc sắp sang canh ba, tiếng ông tháp nhỏ lần, rồi ngồi lặng mà hóa.

Có cư sĩ Ngô Kính Sơn ở đồng xóm với Tô Khởi Phụng, cùng là bạn tu trong Liên xã, ông đã hơn 70 mà còn

phát nguyện đi tham học. Điện Phương cho là tuổi suy già, khuyên ông nên chuyên tu Tịnh Độ, có thể một đời được thành tựu. Kính Sơn tin tưởng nghe lời, ngày đêm niệm Phật không dứt. Chưa đầy một năm, người bạn chí thân của ông đến bảo Điện Phương rằng: "Sáng sớm hôm nay, thấy thần Hộ Pháp hiện thân tiếp dẫn vãng sanh. Lúc sắp qua đời, ông dặn tôi đến đây chuyển lời xin tạ ân, rồi ngồi an lành thoát hóa".

VƯƠNG TRINH SANH

Vương Trinh Sanh, người ở Côn Sơn, cha là Ngạn Phu rất sùng kính Tam Bảo. Riêng Trinh Sanh nghiệp còn nặng không mấy tin tưởng Phật pháp, hằng phóng đàng chơi bời.

Một hôm ông mang bệnh, thấy có con quỷ đen cao lớn bảo là oan cừu đời trước, đến tìm đòi mạng báo thù. Trinh Sanh cả sợ, phẩn chấn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, quỷ liền ẩn mất. Nhưng khi niệm Phật hơi lơ thì quỷ lại hiện hình làm dữ. Do đó ông càng tinh tấn cầu sanh Cực Lạc, không dám buông bỏ câu hồng danh. Niệm luôn đến mấy hôm sau, quỷ không còn hiện hình nữa. Khi sắp mãn phần, Trinh Sanh niệm Phật đến lúc hơi mòn sức hết, tiếng lặn lặn thấp nhỏ ần ần bay về phương Tây.

Lời bình:

Bạn lành khi lâm chung rất khó gặp. Trinh Sanh thấy ác quỷ tuy là oan cừ nhưng vì một niệm biết hướng về Phật, nó lại trở thành thiện hữu. Và lại ông đã vãng sanh, thì quỷ tất cũng sẽ được độ thoát. Chỉ một duyên niệm Phật mà được toàn vẹn cả hai, đáng gọi là hân hạnh vậy!

THÁI BẰNG CỬU

Cư sĩ Thái Bằng Cửu tự là Tư Vãn, người ở Đông Đình Sơn thuộc Tô Châu. Gia thế nhiều đời từng làm nghề buôn bán. Riêng Bằng Cửu thì ưa học thuyết Lão Trang, thường cùng bậc cao hơn dật sĩ kết giao đi du ngoạn nơi danh sơn thắng cảnh, như quên hẳn tháng ngày.

Sau ông gặp Duy Nhiên hòa thượng khuyên tu Tịnh Độ mới tụng kinh niệm Phật, lập hội phóng sanh. Kế đó lại quy y Tam Bảo, trường chay tu hành, tự hiệu là Hư Bạch cư sĩ. Không bao lâu ông mang bệnh, vào ngày mùng tám tháng tám năm Càn Long thứ 45, thọ chung nơi nhà. Trước đó một đêm, cư sĩ bảo nấu nước cho mình tắm gội. Đến gần sáng, tập hợp người nhà lại quyết biệt, nói rằng: “Quyển thuộc ở đời khi báo duyên mãn tất phải chia ly. Muốn tính sự bền lâu phải kết pháp duyên, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Vậy tất cả đều nên phát tâm cố gắng!”. Mọi người nghe nói thương khóc. Ông bảo: “Chớ nên khóc, hãy vì ta đồng thanh niệm Phật!”. Lại dạy con rằng: “Cha trường trai đã được một năm. Trong đám tang khi đã

khách chớ nên dùng đồ mặn. Nếu con thương cha, phải thường giới sát phóng sanh. Được như thế mới gọi là con thảo. Hãy cố gắng!”. Nói xong day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời. Khi sắp liệm, đem dờ thi thể nơi trang đường, mặt vẫn quay hướng về Tây như cũ, Người con quỳ khấn vái, mới day ngựa trở lại, cư sĩ hưởng dương được năm mươi tuổi.

Lời Bình:

-Muốn được vãng sanh, trước tiên phải giữ lòng từ không giết hại, trong kinh đã có văn nói rõ ràng. Những điều Bằng Cử trời dặn con, thật là xem thân mình như thân chúng sanh, hóa tâm mình thành tâm Bồ Tát. Bi cảm thay lời nói ấy.

LỤC SĨ THUYÊN

Lục Sĩ Thuyền, tự Cận Đường, quê ở Nguyên Hòa tại Tô Châu. Ban sơ ông làm đệ tử của Ngọc Đàn thuộc nhóm phò cơ theo thần tiên. Sau vì một đàn hữu cầu trị bệnh, thần dạy phải lễ Lương Hoàng Sám. Sĩ Thuyền nhân lễ sám phát tâm, đến am Thiên Ninh thọ giới Bồ Tát.

Vừa may gặp duyên lành, có Tịnh Căn Bồ Tát từ cõi Cực Lạc đến, phương tiện giảng nơi Ngọc Đàn, mở bày pháp môn Tịnh Độ. Bồ Tát thuyết pháp gồm 11 hội, khuyên mọi người thống thiết vì vấn đề sống chết luân hồi, dứt bỏ đường lối quanh co, chỉ một lòng niệm Phật. Do đó

những người dự hội mới biết hồi hướng về Cực Lạc, nhưng phần đông tập quán cũ còn chưa quên, khi hướng về Phật, lúc ngã theo thần tiên. Riêng có Lục Sĩ Thuyên một lòng trì danh tu quán tụng kinh Pháp Hoa. Ông trường trai được hai năm, nhân đau yếu lại khai giới tạm dùng đồ mặn. Nhưng bệnh càng trở nặng, Sĩ Thuyên tự biết sắp mãn phần, ăn năn sám hối rất tha thiết. Bảy ngày trước khi chết, ông dứt tuyệt đồ huyết nhục, một lòng chuyên niệm Phật. Sĩ Thuyên lại răn dạy đứa con gái mới hơn 10 tuổi, bảo phải ăn chay niệm Phật, và khi mình lâm chung đừng nên than khóc. Lúc bệnh ngặt, mắt ông nhìn thẳng lên hư không như thấy cảnh giới chi, miệng nói: "Có hoa sen trắng, bạch hạc và các bậc thượng thiện nhơn!". Rồi nằm nghiêng bên mặt, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà mãn phần. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà. Bấy giờ nhằm ngày 18 tháng 5, niên hiệu Càn Long thứ 52, ông hưởng dương được 39 tuổi.

Ít lâu sau, các thân hữu đến Ngọc Đàn phò cơ hỏi về chỗ sanh của ông. Một vị tự xưng là Vương Thiên Quân giáng đàn đáp rằng: "Sĩ Thuyên cơ hồ sắp bị đọa lạc, nhưng rất may mắn nhờ khi lâm chung giữ vững chánh niệm. Hiện thời ông đã được sanh về miền biên cảnh cõi Cực Lạc ở Tây Phương!". Năm sau, vào ngày mùng 1 tháng 5, Sĩ Thuyên lại giáng đàn, hiệu dụ rằng: "Có một việc rất thiết yếu không thể tránh khỏi, mà phần đông mọi

người đều quên, các vị có biết chăng? Hiện thời các vị tứ đại nhẹ nhàng, tinh thần cường tráng, đâu từng nghĩ rằng mai kia mình nằm bịnh nơi giường, không phân biệt đông tây nam bắc, thân tâm mê mịt phách tán hồn ly! Chùng áy đường trước mịt mờ, không chút chi cầm vững, theo nghiệp luân chuyển, thọ khổ vô cùng! Duy có những người bình sanh tu tịnh nghiệp, khi lâm chung tự thấy Phật đến tiếp dẫn, sanh trong hoa sen, hưởng các điều vui, sống lâu vô lượng. Nếu các vị thiết thật hồi tâm suy nghĩ, chí hướng về đường lối này, tôi sẽ xin cùng luận bàn về ba điều: Tín, Hạnh, Nguyện.

Về điểm Tín: là tin phương Tây có cõi Cực Lạc báu đẹp trang nghiêm, cũng như phía Tây thành này có dinh thự và công viên nguy nga tươi tốt. Cõi Ta Bà thuộc về phương đông, cũng như các xóm ấp lụp xụp ở phía Đông thành này. Cõi Ta Bà đã hiện hữu, thì cõi Cực Lạc cũng như thế, thật sự hiện hữu. Cả hai thế giới đều ở trong giác tánh sáng lạng bao la, khởi niệm thanh tịnh thì liền đến, cũng như đồng ở trong một thành cát bước có thể đi tới. Đã tin cõi Cực Lạc quyết định đến được, lại phải tin pháp môn Niệm Phật cần thiết như ăn cơm mặc áo. Ăn cơm khởi đói, mặc áo khởi rét, niệm Phật sẽ thoát khỏi sự khổ sống chết luân hồi. Trong niềm tin, nếu nay tin mai không tin, chưa gọi là thật tin. Trọn đời tin, một niệm bỗng không tin cũng chưa gọi là thật tin. Từ ngày nay cho đến lúc mãn phần, giữ một

lòng tin chắc chắn thấu đáo, không mảy may nghi hoặc mới gọi là thật tin.

Về phần Hạnh: đã tin có cõi Tây Phương phải thiết thật bước vào hành môn Niệm Phật. Cho nên cần phải theo lời Phật dạy mà thật hành, nếu chỉ khen nói suông thì đâu có ích lợi gì cho đường giải thoát? Hôm nay tin hôm nay liền thật hành, ngày mai tin ngày mai liền niệm Phật. Rất không nên lần lựa bảo: "Hiện thời tôi còn trẻ, đợi đến khi hơi lớn tuổi tu cũng chưa muộn!" Há chẳng nghe nói: "Đất vàng vùi lăm trang mảy biếc. Mồ quạnh chôn nhiều kẻ tóc xanh" hay sao? Cái chết xảy đến bất ngờ không hẹn, làm sao bảo đảm mà đợi cho tới lúc tuổi già. Lại cũng chẳng nên nói: "Việc cha mẹ chưa tròn, nợ con cái chưa xong, đợi đến lúc rảnh các duyên đó rồi sẽ tính!" Phải biết mạng người mong manh trong hơi thở, giả sử khi quý vô thường đến cửa, có thể đối với nó mà khát xin chờ hẹn như thế được hay chẳng? Có nhiều kẻ tu hành, lúc thì siêng năng khi lại biếng trễ, đó gọi là tánh không thường hằng. Ví như gà ấp trứng thường không lia ổ, khiến cho hơi nóng ấm nối tiếp nhau, thì mới có sự sanh nở. Nếu hôm nay ấp, ngày mai bỏ đi, làm sao thành tựu được? Việc hàm dưỡng thai sen cũng tương tự như thế.

Đến như chữ Nguyện, lại rất là khẩn yếu. Trong đời kẻ tin Phật niệm Phật, xét lại chẳng thiếu chi người. Nhưng có những vị cầu sự lợi lạc trong hiện tại, hoặc cầu phú quý

ở đời sau, hoặc nguyện sanh lên cõi trời hưởng sự vui nhiệm màu, hoặc mong chuyển kiếp làm người phước huệ đầy đủ, xuất gia tu hành, tráng niên ngộ đạo. Những tâm nguyện đó đều trái với bản ý của Như Lai. Đức Phật muốn cho chúng sanh thoát vòng sống chết, các vị lại mong vào nẻo luân hồi. Phật muốn cho chúng sanh thoát cõi Ta Bà, các vị lại không cầu về Cực Lạc. Như thế lòng tin và sự tu hành một đời đều buông trôi theo dòng nước! Ví như cày xong khoảng ruộng tốt lại gieo xuống hạt cỏ, mà mong cho sanh ra mạ lúa, việc ấy có lý chăng? Cho nên đã phát lòng tin, phải tu thật hạnh, đã tu thật hạnh, phải phát chân nguyện. Nguyện hết kiếp này không sanh trở lại cõi người hoặc lên cõi trời, chỉ quyết định được về Tây Phương Cực Lạc. Phát Tín, Hạnh, Nguyện như thế mới thuận với lời Phật dạy, không đến đổi uổng phí ngày tháng công phu. Mong các vị nên cố gắng!".

Bốn năm sau, Sĩ Thuyên lại giảng cơ nơi nhà Hoàng Kính Phu một lần nữa. Lời giáo huấn kỳ này của ông phân nhiều chí thiết, khuyên các đàn hữu cố gắng niệm Phật tu hành.

MÃ VINH TỔ

Cư sĩ Mã Vinh Tổ, tự Trữ Lương, quê ở Tú Thủy tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông tỏ ra có văn tài, lên mười lăm tuổi được bổ vào hàng chư sanh. Mẹ mất sớm, Vinh Tổ thờ kế

mẫu rất hiếu cần. Đến ba mươi tuổi, ông mang bệnh lạc huyết. Trái năm năm bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền mửa ra.

Có tăng sĩ Tường Phong, khi chưa xuất gia là bạn quen với Vinh Tổ ghé viếng thăm. Lúc ấy sư vừa đi tham học trở về, túc huệ mở sáng, tín giải thông suốt. Vinh Tổ nghe lời sư luận giảng lấy làm lạ, nhân hỏi đến phương pháp trừ bệnh. Tường Phong đáp: "Bệnh của đạo hữu là do túc nghiệp, không phải thuốc thang chữa trị được. Nếu đạo hữu có thể buông bỏ muôn duyên chuyên lòng niệm Phật, lâu ngày công sâu, thì vô minh nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay lần lần dứt sạch. Chừng ấy căn bệnh luân hồi sống chết còn giải thoát được, huống nữa là thân bệnh nào đáng lo gì!". Vinh Tổ nghe nói giật mình tỉnh ngộ, bèn trường trai tu tịnh nghiệp. Từ đó bệnh cũng lần lần thuyên giảm.

Trước thời gian ấy, Mã Vinh Tổ nằm mộng thấy giữa hư không nổi lên vô số chữ Thọ, phóng ánh sáng rực rỡ. Ông duyệt xem sách Phật thấy nói: A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Vô Lượng Quang. Bây giờ nghĩ lại thấy điềm mộng ứng hợp, càng tự mừng thầm, cho là mình có túc duyên với môn Tịnh Độ. Kế tiếp ông đọc qua kinh Pháp Bảo Đàn, khế hội được nguồn tâm, càng thêm nổi vui mừng cảm hối. Sau Vinh Tổ tới chùa Đại Giác Lâm ở Sơn Âm thọ tam quy ngũ giới, mỗi ngày đều tụng

kinh Kim Cang, Di Đà, niệm Phật ba muôn câu, lại kiêm tu tịnh quán. Lúc rảnh rỗi, cư sĩ lại mời các liên hữu tập hợp tại nhà, tổ chức niệm Phật suốt ngày đêm.

Niên hiệu Càn Long thứ năm mươi sáu, vào hạ tuần tháng giêng. Vinh Tổ từ Tô Châu trở về vừa đúng một tháng thì cảm bệnh. Đến đầu tháng ba cư sĩ đau nằm nơi giường không chỗi dậy được, bảo bạn thân rằng: "Tôi từ ba mươi lăm tuổi phát lòng Bồ đề, chỉ cầu nghiêm tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sanh, sự vinh hoa của ngôi khanh tướng xem đồng như đôi dép rách. Nay thân tuy mang chứng trầm kha, song một tâm niệm an vui chưa từng biến cải. Hiện tại chỉ chuyên giữ chánh niệm, chờ khi mạng chung sanh thẳng về Tây Phương mà thôi!". Một ông bạn hỏi: "Anh mất đi rồi, trong nhà nheo nhóc vài miệng ăn, lấy ai giúp đỡ?". Cư sĩ đáp: "Đó đều thuộc về duyên phước của mỗi người, sức tôi không thể kham được!". Tới chiều ngày mười tám, ông bảo: "Ngày mai phải đại sám hối!". Sáng hôm sau, cư sĩ gắng gượng chỗi dậy mặc áo tràng lễ Phật sám hối, rồi ngồi hướng về phương Tây niệm Phật vài trăm câu, kế quỳ đọc bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, mới trở về giường nằm. Ba hôm nữa, lại nói: "Tây Phương Tam Thánh hiện thân ở trước, vì tôi nói pháp. Tôi thường ở trong ánh sáng chói suốt rục rở!". Qua ngày sau lại bảo: "Bồ Tát dùng tịnh thủy rưới nơi thân gội rửa tíc khiên, khiến cho tôi được mát mẻ, sự an vui không thể

tả!". Tới chiều, một liên hữu là Trầm Hồng Điều viếng thăm, hỏi có niệm Phật không, và nhắc bảo đừng nên trước tướng. Cư sĩ đáp: "Vẫn niệm, tức tâm tức Phật có chi là trước tướng!". Kế đó lại tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà, hai hôm sau rớt duy nhất nước trong mát mà thôi. Ngày hai mươi chín tháng ba, vào giờ Ngọ, cư sĩ bảo người nhà rằng: "Đức Phật đã đến tiếp dẫn!". Nói xong liền tiếp niệm hồng danh, rồi nằm nghiêng bên hữu mà vắng sanh, hưởng dương được bốn mươi tám tuổi. Ông không con, di chúc cho lập hậu.

Bấy giờ hòa thượng Tường Phong bế quan tại Văn Tinh Các ở Tô Châu, đang tu môn niệm Phật tam muội. Mùa đông năm ấy, một đêm Ngài nằm mộng thấy ba vị vào thất, ngồi ở hướng Nam day mặt lại. Trong đó, chính giữa một vị xuất gia, hai bên là cư sĩ, phong nghi thần thái trang nghiêm, nơi đầu đều có viên quang bao phủ. Tường Phong đánh lễ rồi hỏi: "Ba tôn đức ở đâu lại đây?". Vị mặc tăng phục nói: "Chúng ta từ cõi Tây Phương đến!". Hòa thượng lại hỏi: "Có phải chư vị là người ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà chăng?". Vị tăng đáp: "Phải!". Tường Phong thưa hỏi danh tánh ba vị không đáp chỉ hỏi lại: "Người pháp danh là chi?". Hòa thượng đáp: "Đệ tử pháp danh Đạt Văn". Vị tăng bảo: "Sao lại vọng ngữ?". Tường Phong thưa: "Quả đúng như thế không phải vọng!". Vị tăng hỏi lại như trước. Hòa thượng cũng đáp y như vậy. Tăng sĩ

cũng bảo: "Vẫn còn vọng ngữ!" Tường Phong thưa: "Đệ tử nói thật chẳng phải giả dối, tại sao tôn đức lại bảo rằng vọng ngữ?" Vị tăng nói: "Tất cả chúng sanh lấy vọng làm chân, chấp giả làm thật, nên mới bị luân hồi. Nếu bậc có trí, biết muôn pháp đều là hư vọng giả danh, thì không còn luân chuyển. Người chớ tự mê muội để lạc mất chân tâm. Nên hiểu chân tâm không tâm, chân tri không biết, có hiểu biết tức là ma. Đức Phật là đấng linh tri vô tri, người nên tin nhận chớ đem lòng nghi hoặc!". Sau lời ấy, Tường Phong bỗng khai ngộ liền thưa: "Lời của tôn đức dạy, chính thật là pháp Phật không thể nghĩ bàn! Tôn đức từ cõi Cực Lạc đến, dám xin hỏi: đã từng thấy Phật A Di Đà chăng?". Vị bên tả đáp: "Nếu ta nói với người, chưa chắc người đã tin. Phải tự mình trông thấy mới được!". Kế đó cả ba đồng đứng dậy, mỗi vị đều vỗ nơi đầu Tường Phong một cái, và lần lượt nói kệ rằng:

Gắng siêng năng tinh tấn
Tu tịnh nghiệp không nhe.
Nhân chân thì quả thật
Dè dặt chớ nghi ngờ!

Các pháp từ tâm sanh
Lại hoàn từ tâm diệt
Chân tánh nguyên vẫn không

Lấy, bỏ chẳng thể được!

Người đã đôi phần thông
Phật, chúng sanh tâm đồng
Như huyễn tam ma đề
Ví như cảnh trong mộng.

Thuyết kệ vừa xong, bỗng thấy Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi, đánh lễ ba vị. Cả ba liền vượt lên hư không hướng về Tây bay đi. Lúc ấy không trung nổi lên âm nhạc rền vang, tiếng niệm Phật bỗng trầm thanh thoát. Vinh Tổ lại hướng về Tường Phong lễ ba lạy rồi thưa: "Nhờ đại đức khuyến tôi tu tịnh nghiệp, quy y Tam Bảo, nên đã hân hạnh được sanh về Tây Phương, thọ sự an vui lợi ích lớn. Vì thế tôi thỉnh cầu Bồ Tát đến đây diễn nói diệu pháp, để đền đáp thâm ân!". Nói xong đánh lễ già từ ba lạy nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về Tây Phương. Vừa khi ấy tiếng chuông khuya nổi lên, Tường Phong giật mình thức giấc. Hòa thượng vội lấy giấy bút ghi lại điềm ấy, gọi là Kỳ Mộng Thiên.

Về sau Tường Phong hòa thượng ẩn tu nơi viện Phước Thành tại Lũ Giang. Khi lâm chung dự biết trước ngày giờ, ngồi niệm Phật mà thoát hóa.

Lời bình:

-Trước Cận Đường mượn duyên giáng đàn để khuyên đồng bạn. Nay Trử Lương lấy việc ứng mộng mà đáp thâm ân. Như thế, ai gọi khi sanh về An Dưỡng là vắng bật không tin tức đâu! Tuy nhiên, với kẻ cơ duyên chưa thuần, thì chẳng thể nhất khái đều đồng lệ được!

QUYÊN II CHUNG

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU	
PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH (tiếp theo)	
- Pháp Nhân thiên sư	4
- Ưu Đàm đại sư	6
- Hoằng Tế đại sư	11
- Thiên Như thiên sư.....	12
- Huệ Mộc	21
- Chân Tịnh.....	22
- Châu Cầm.....	23
- Quảng Giác.....	24
- Thành Tịnh	25
- Triều Âm	25
- Dương Kiệt.....	26
- Chung Ly Cẩn	30
- Mã Vu.....	32
- Vương Cố	33

- Hồ Yên	36
- Ngô Bình Tín.....	37
- Lục Ngoạn	38
- Trần Toàn	40
- Ngu Thuần Hy	42
- Thái Thừa Trực	45
- Viên Hoằng Đạo.....	47
- Kim Quang Tiên.....	57
- Tôn Trung.....	62
- Vương Điền.....	63
- Vương Nhật Hựu	65
- Diêm Ban Vinh.....	67
- Dương Gia Vỹ	68
- Cố Nguyên.....	69
- Trương Thủ Ước	71
- Hoàng Thừa Huệ	73

- Văn Khải Sơ	75
- Châu Lộ	76
- Ngô Minh Hồng	77
- Hoàng Phú Sĩ Phương	78
- Trâm Bính	85
- Viên Liệt Tinh	86
- Vương Cung	91
- Trương Chung Quý	94
- Trương Thiện Hòa.....	95
- Kim Thích	95
- Phùng Mân	96
- Ngô Quỳnh	97
- Hoàng Sanh	98
- Ngô Mao.....	99
- Vương Ngưỡng Tuyên	99

- Lương Duy Châu.....	100
- Việt Quốc phu nơn	106
- Tần Thị	109
- Phùng Thị	109
- Ngô Thị	111
- Diêu Bà.....	113
- Vương Thị	114
- Vợ Tướng Thập Bát	115
- Chúc Thị.....	116
- Lư Thị.....	118
- Phí Thị	120
- Từ Thái Nghi Nơn.....	121
- Tôn Thị.....	122
- Dương Thị	124
- Dư Thị	125

- Chim Anh Vĩ	127
- Chim Cù Cáp	128
- Gà biết niệm Phật	129
- Một Trăm bài kệ niệm Phật.....	132
- Diệu Hiệp	159
- Minh Chứng	163
- Không Cốc.....	166
- Đức Thanh.....	168
- Vô Danh Tăng	171
- Đại Kinh	174
- Kiến Nguyệt	175
- Minh Hoàng.....	176
- Văn Ngôn	177
- Đạo Triệt	178
- Thành Chú	180

- Pháp Chân	182
- Hằng Nhứt	183
- Phật An	184
- Tánh Tu	186
- Hành Tu	187
- Thật Vịnh	188
- Thường Trí	189
- Bản Ấn	191
- Toại Khâm	192
- Phật Kỳ	192
- Lãng Nhiên	193
- Diệu Thành	194
- Đạo Càn	195
- Ni Cô Am Lan Nhã	198
- Đạo Ngộ	198

- Trương Sư Thành	200
- Ngô Như Am	203
- Du Hữu Quang	204
- Tô Khởi Phụng	205
- Vương Trinh Sanh	206
- Thái Bằng Cửu	207
- Lục Sĩ Thuyên	208
- Mã Vinh Tổ	212